



JOHN LOCKE

KHẢO LUẬN THỨ HAI
VỀ CHÍNH QUYỀN

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

Lê Tuấn Huy dịch và giới thiệu



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

KHẢO LUẬN THỨ HAI VỀ CHÍNH QUYỀN

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

Lưu hành trực tuyến: Chuyên trang
Học luật trực tuyến (hocluat.vn)

 fb.com/hocluat.vn

 tailieu@hocluat.vn



Nên chia sẻ để học tập, không nên thương mại hóa

JOHN LOCKE || KHẢO LUẬN THỨ HAI VỀ
CHÍNH QUYỀN – CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

Bản tiếng Việt © 2006 Nxb Tri Thức & Lê Tuấn Huy

Dịch theo bản tiếng Anh: John Locke, *Two Treatises of Government* (Cambridge Text in the History of Political Thought), Cambridge University Press 1960, 1967, 1988, 17th printing 2005

JOHN LOCKE

KHẢO LUẬN THỨ HAI
VỀ CHÍNH QUYỀN
CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

Lê Tuấn Huy

Dịch, chú thích và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Cuốn sách này được dịch và xuất bản
trong chương trình

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

với sự hỗ trợ về tài chính của

QUỸ DỊCH THUẬT PHAN CHU TRINH

53 Nguyễn Du, Hà Nội

Tel: (84-4) 9 454 662; Fax: (84-4) 9 454 660

Khảo luận thứ hai về Chính quyền

**Luận về Nguồn gốc, Phạm vi và
Mục đích chân chính
của
Chính quyền dân sự**

- 1689 -

MỤC LỤC

<i>Lời người dịch</i>	9
<i>Lời tựa</i>	23
Chương I	29
Chương II	
Về trạng thái tự nhiên	33
Chương III	
Về trạng thái chiến tranh	49
Chương IV	
Về tình trạng nô lệ	57
Chương V	
Về sở hữu	61
Chương VI	
Về quyền lực gia trưởng	89
Chương VII	
Về xã hội chính trị và xã hội dân sự	117
Chương VIII	
Về sự khởi đầu của xã hội chính trị	137
Chương IX	
Về mục đích của xã hội chính trị và của chính quyền	173

Chương X	
Về các hình thức của cộng đồng quốc gia	179
Chương XI	
Về phạm vi của cơ quan quyền lực lập pháp	183
Chương XII	
Về cơ quan lập pháp, hành pháp và quyền liên hiệp của cộng đồng quốc gia	199
Chương XIII	
Về sự phụ thuộc của các cơ quan quyền lực thuộc cộng đồng quốc gia	203
Chương XIV	
Về đặc quyền hành động	217
Chương XV	
Về quyền lực gia trưởng, quyền lực chính trị và quyền lực chuyên chính khi xem xét chung	229
Chương XVI	
Về sự chinh phạt	235
Chương XVII	
Về sự tiếm quyền	259
Chương XVIII	
Về chế độ chuyên chế	261
Chương XIX	
Về sự giải thể của chính quyền	275

LỜI NGƯỜI DỊCH

Quý độc giả đang lật giờ những trang sách tiếng Việt của một trong những tác phẩm được xem là vĩ đại nhất của nền triết học chính trị và chính trị học nhân loại, *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, mà tác giả của nó John Locke (1632-1704), cũng không kém, là một trong những triết gia vĩ đại nhất của châu Âu thế kỷ XVII, tác giả của *Luận về nhận thức con người* (An Essay Concerning Human Understanding, 1689), *Hai khảo luận về chính quyền* (Two Treatises of Government, 1689), *Thư bàn về sự khoan dung* (A Letter Concerning Toleration, 1689)¹, *Một số suy nghĩ về giáo dục* (Some Thoughts Concerning Education, 1693), *Tính hợp lý của Thiên chúa giáo* (The Reasonableness of Christianity, 1695).

Cùng với Francis Bacon (1561-1626) với thái độ hoài nghi và phê phán của khoa học, và René Descartes (1596-1650) với nhận thức luận Duy lý, Locke được xem là một trong những cột nguồn tri thức của phong trào Khai sáng với vai trò của người chủ xướng nhận thức luận Duy nghiệm, với khẳng

¹ Locke còn có *Thư bàn về khoan dung thứ hai* (A Second Letter Concerning Toleration, 1692) và *Thư bàn về khoan dung thứ ba* (A Third Letter for Toleration, 1693).

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

định rằng mọi thứ, để tồn tại như cái thực tồn, thì phải kiểm chứng được và phải được kiểm chứng bằng kinh nghiệm, bằng những trải nghiệm thực.

Có lẽ sẽ không sai khi nói rằng tầm mức đó của Locke, ngoài khả năng thiên tư của con người ông, có phần đóng góp đáng kể của bối cảnh một nước Anh đang ở vào giai đoạn đầy ắp những sự kiện đi vào sử sách, là những điều có thể nói đã cuốn xoáy Locke vào đó một cách “không thương tiếc”.

Cho đến khi Locke chào đời vào ngày 29 tháng Tám năm 1632, châu Âu nói chung và nước Anh nói riêng đã trải qua những diễn biến thật sự đáng kể về kinh tế, xã hội, văn hóa..., chuẩn bị cho những thay đổi sâu sắc của lịch sử, hướng đến việc hình thành các quốc gia-dân tộc, nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, cách mạng công nghiệp, và chủ nghĩa thực dân... Văn hóa Phục hưng đạt đến độ cực thịnh ở thế kỷ XVI, rồi phong trào Cải cách Tôn giáo cũng góp phần vào việc tạo dựng một bộ mặt chính trị, văn hóa mới cho châu Âu từ nửa sau thế kỷ XVI.

Ở Anh, cuộc đấu tranh quyền lực xã hội đã vào tận vào trong chính định chế của nền quân chủ khi các quý tộc mới dần chiếm vị trí của các quý tộc cũ trong Viện Thứ dân, dẫn đến xung đột ngày một trầm trọng giữa ngôi vua với nghị viện. Những xung đột giữa người Tin lành, người Anh giáo với người Công giáo đã đưa nước Anh vào cuộc nội chiến những năm 1640. Với sự thất bại và cái chết của Charles I, đã bắt đầu một thử nghiệm mới trong các định chế của nhà

LỜI NGƯỜI DỊCH

nước, gồm việc thủ tiêu vương quyền, xóa bỏ cơ quan quyền lực của giới quý tộc cha truyền con nối và uy quyền của Giáo hội Anh, cùng lúc với việc thiết lập nền Bảo hộ của Oliver Cromwell (1599-1658) vào những năm 1650. Sự sụp đổ của chế độ Bảo hộ sau cái chết của Cromwell được nối tiếp bằng thời kỳ Phục hồi của Charles II, quay trở về nền Quân chủ, Viện Quý tộc và Giáo hội, khiến tiếp tục có những xung đột giữa quốc vương với nghị viện và những tranh cãi về sự khoan dung tôn giáo trong thời gian từ 1660 đến 1688. Thời kỳ này kết thúc bằng cuộc Cách mạng Vinh quang năm 1688 mà James II bị trục khỏi Anh và vương vị được thay vào bằng William III và vợ là Mary II², định hình nền Quân chủ Lập hiến. Đây là thời kỳ cuối cùng mà Locke còn sống trong đó, với vai trò một chứng nhân lịch sử và một tác nhân dự phần tích cực vào các sự kiện của nó.

Locke sinh ra trong một gia đình Thanh giáo không nhiều tiền của nhưng nhờ sự bảo trợ của một nghị sỹ địa phương, vốn là chỉ huy đơn vị kỵ binh mà cha của Locke phục vụ, ông đã được ăn học chu đáo. Năm 1647, Locke vào Westminster School tại London. Từ Westminster, ông đến Christ Church College của Oxford vào mùa thu năm 1652. Thời đó, Westminster là trường trung học hàng đầu nước Anh, Christ Church là đại học hàng đầu tại Oxford, vẫn mang nặng tính giáo dục trung cổ vào thời Locke theo học.

² Xem chú thích tại Lời tựa.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

Locke nhận học vị cử nhân vào tháng Hai năm 1656, thạc sĩ văn chương vào Tháng Sáu năm 1658. Tại Christ Church, sau khi được chọn là giảng viên tiếng Hy Lạp và giảng viên môn hùng biện, Locke quyết định tiếp tục theo học ngành y.

Lựa chọn này đem lại cơ hội cho Locke kết bạn với Bác sĩ David Thomas. Từ quan hệ bạn bè và công việc này, Locke lại có dịp tiếp xúc với Lord Ashley, một trong những người giàu có nhất nước Anh và có chân trong chính quyền nước này. Ashley mời Locke đến London với tư cách không chỉ là bác sĩ riêng của ông, mà còn là thư ký, người nghiên cứu, người phụ trách đặc vụ chính trị và là một người bạn. Sống và làm việc cạnh Ashley, Locke nhận ra mình đang ở trong vùng tâm điểm của nền chính trị Anh những năm 1670 và 1680. Locke trở thành Thư ký Ủy ban Thương mại và Thuộc địa của Ashley, và nhanh chóng hòa nhập vào những tư tưởng và kế hoạch cấp tiến của con người này.

Năm 1674, sau khi Ashley rời khỏi chính quyền, Locke quay lại Oxford hoàn tất chương trình y khoa và sang Pháp, lưu lại đây trong mười lăm tháng. Trong thời gian này, năm 1676, Ashley bị tống giam rồi được thả hai năm sau đó. Vị thế của Lord Shaftesbury, tức Ashley, lại lập tức dâng cao với cuộc vận động thông qua một dự luật nhằm loại trừ Quốc vương James II và ngăn chặn hoàng đệ của ông kế vị. Được thông qua tại Viện Thứ dân nhưng bị chặn lại ở Viện Quý tộc và trước sự chống đối của Quốc vương, dự luật thất bại, Shaftesbury lại vào tù vào năm 1681,

LỜI NGƯỜI DỊCH

nhưng trong cùng năm đó được trắng án. Đảng Quê hương của Shaftesbury quay sang kế hoạch ám sát anh em James II nhưng không thành. Shaftesbury phải chạy sang Hà Lan vào tháng Mười một năm 1682 và chết ở đó vào tháng Giêng năm sau. Khi địa điểm mưu sát hoàng gia bị phát hiện, cũng như Shaftesbury, Locke phải lập tức lên tàu sang Hà Lan như một nhà cách mạng lưu vong. Ngay sau cuộc Cách mạng Vinh quang năm 1688, Locke trở về Anh, trên du thuyền hoàng gia của Công nương Mary.

Loạt các tác phẩm lừng danh định hình nên vị thế của Locke trong lịch sử tư duy nhân loại, vốn đã viết trước đó, được công bố không lâu sau thời điểm thành công của Cách mạng.

Năm 1696, Ủy ban Thương mại được phục hồi và Locke tiếp tục công việc tại đó như một người có vai trò quan trọng bậc nhất. Năm 1700, Locke hồi hưu và mất ngày 28 tháng Mười năm 1704 vì chứng hen suyễn vào tám năm cuối đời.

Do sự dính líu của Locke vào các kế hoạch chống lại James II của Shaftesbury, giới học giả cho rằng chính *Khảo luận thứ hai*, với kết thúc bằng một kết luận "thí quân", được viết ra để phục vụ cho những dự trù cách mạng của nhóm này.

Thời điểm viết *Hai khảo luận về chính quyền* nay được cho là vào thời gian xảy ra khủng hoảng của dự luật tổng xuất anh em Quốc vương James II. Sự thất bại của dự luật này đã đưa Locke và các đồng chí của ông đến với quan điểm khởi nghĩa vũ trang.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

Khảo luận thứ nhất về chính quyền nhằm đến việc biện bác cách nhìn gia trưởng về thánh quyền của vua chúa, đã được Sir Robert Filmer (1588-1653) truyền bá³. Locke đã phê phán luận điểm của Filmer cho rằng con người không phải là tự do mặc nhiên, và mọi chính quyền chân chính đều là nền quân chủ chuyên chế, vua chúa là những người được truyền tiếp từ con người đầu tiên, tức Adam.

Khảo luận thứ hai về chính quyền, với tựa phụ là *Luận về nguồn gốc, phạm vi và mục đích chân chính của chính quyền dân sự*, là nơi Locke trực tiếp đưa ra học thuyết của mình về nhà nước. Những kiến giải của Locke dựa trên cái phương án chung của triết học chính trị thế kỷ XVII và XVIII, là quan niệm về các quyền tự nhiên và kế ước xã hội.

Sau khi đưa ra định nghĩa về quyền lực chính trị tại chương I, trong chương II của *Khảo luận*, Locke mô tả một trạng thái không có chính quyền và quyền lực chính trị thực tế. Đó là trạng thái tự nhiên. Nếu chúng ta xem xét trạng thái tự nhiên trước khi có chính quyền, nó là một trạng thái bình đẳng chính trị, trong đó không đương nhiên có phẩm bậc cao hơn hay thấp hơn. Nghĩa vụ và sự yêu thương mà mọi người có với nhau chính là xuất phát từ sự bình đẳng này.

Theo Locke, Thượng đế tạo ra con người, và họ là sở hữu của ngài. Mục đích chính mà đấng Tạo hóa tạo ra chúng ta, với tư cách giống loài và với tư cách

³ Xem chú thích tại Lời tựa.

LỜI NGƯỜI DỊCH

cá nhân, là sống còn, nên: *không thể giả định bất kỳ sự lệ thuộc nào giữa những con người chúng ta, nghĩa là có thể trao quyền cho ta đi hủy diệt người khác, hoặc như thể chúng ta được tạo ra là để cho người khác sử dụng, giống như những sinh vật ở hạng thấp kém hơn là dành cho việc sử dụng của chúng ta* (§6).

Nếu con người có mục đích là sống còn, vậy đâu là những phương tiện cần thiết cho mục đích đó? Theo kiến giải của Locke, những phương tiện đó đơn giản chính là sinh mạng, quyền tự do, sức khỏe và sở hữu.

Ở chương III và IV, Locke xác định trạng thái chiến tranh và trạng thái nô lệ. Trạng thái chiến tranh là nơi mà người nào đó có ý định xâm phạm đến quyền sống của người khác. Người như vậy đã đặt chính mình vào trạng thái chiến tranh với người mà cuộc sống bị nhắm lấy đi. Theo học thuyết của Locke, trong trạng thái chiến tranh, nạn nhân vô tội ở một bên, bên kia là kẻ đi xâm đoạt bất chính, vì ngay cả trong một cuộc chiến chính nghĩa, nếu vượt quá những giới hạn rất hẹp của nó, chính nghĩa lập tức trở nên phi nghĩa.

Trạng thái nô lệ là nơi sống dưới quyền lực tuyệt đối hay độc đoán của người khác. Locke nói với chúng ta rằng trạng thái nô lệ là sự tiếp tục của trạng thái chiến tranh giữa người đi chinh phạt hợp pháp và người bị thất trận. Locke cho rằng trạng thái nô lệ bất chính là cái mà các nền quân chủ chuyên chế muốn áp đặt lên nhân dân.

Về sở hữu là một trong những chương nổi tiếng nhất, có ảnh hưởng và quan trọng nhất trong *Khảo*

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

luận thứ hai về chính quyền. Tại chương này, Locke trình bày quá trình con người từ chỗ hái lượm - như một hành động chiếm hữu đơn giản nhất, đi đến chiếm hữu đất đai, rồi trao đổi sản phẩm làm ra và dùng đến tiền, để khởi sinh sở hữu và tư hữu. Tất cả đều được thực hiện thông qua lao động và không phải với sự chiếm hữu vô độ. Thông qua đó, Locke đã mô tả sự tiến hóa, về mặt kinh tế, của trạng thái tự nhiên đến thời điểm thích hợp cho những người sống trong đó xây dựng một xã hội dân sự, là nơi không chỉ thiết định một quyền lực chính trị cho con người và bộ máy cai trị, mà còn thiết định nên sở hữu cho mọi thành viên xã hội. Vì thế, đây không chỉ là một kiến giải về bản chất và nguồn gốc của tư hữu, mà còn dẫn đến một giải thích là tại sao chính quyền dân sự thay thế cho trạng thái tự nhiên.

Chính quyền dân sự hình thành do những khó khăn cho các quan hệ trong trạng thái tự nhiên. Rất rõ ràng, theo cách nhìn của Locke, những khó khăn này tăng lên cùng với sự tăng lên của dân số, sự giảm bớt nguồn tài nguyên sẵn có, và sự xuất hiện bất bình đẳng kinh tế như là kết quả đưa đến từ việc sử dụng tiền. Những điều kiện này đã dẫn đến việc gia tăng số lượng những vụ việc xâm phạm đến luật tự nhiên, đòi hỏi có sự phân xử và người phân xử được thừa nhận... Và tất cả điều này đã dẫn đến việc mờ đi một chính quyền dân sự.

Vào thời Locke, đã có nhiều quan điểm cho rằng chính quyền, về nguồn gốc, là được thiết lập bằng vũ

LỜI NGƯỜI DỊCH

lực, và rằng không có sự thỏa thuận nào có liên quan. Locke không hoàn toàn bác bỏ những trường hợp chính quyền được định hình từ vũ lực, nhưng theo ông, chính quyền dân sự chân chính được thiết lập bằng sự chấp thuận của những người sẽ chịu sự cai quản. Những người này chuyển cho chính quyền dân sự quyền thực thi luật tự nhiên của họ. Sự chuyển giao này là cái tạo cho hệ thống công lý của chính quyền dân sự một chức năng công chính.

Mục đích của một chính quyền dân sự chân chính như vậy là bảo toàn - tối đa có thể được - quyền sống, quyền tự do, sức khỏe và sở hữu của thần dân, là truy tố và trừng phạt những người xâm phạm vào quyền của người khác. Khi thực hiện điều này, nó đem lại cái không sẵn có trong trạng thái tự nhiên, là một quan tòa vô tư để xác định tính chất của tội phạm và quy định một hình phạt tương xứng. Một chính quyền dân sự bất chính sẽ thất bại trong việc bảo vệ quyền sống, quyền tự do, sức khỏe và sở hữu của công dân, và trong những trường hợp tồi tệ nhất, loại chính quyền này sẽ còn đòi hỏi có quyền xâm phạm đến các quyền như thế của thần dân, để rồi dẫn đến một quyền lực chuyên chế, bạo chính.

Locke cũng đưa ra những kiến giải về quyền lực gia trưởng và quyền lực chính trị. Quyền lực của người cha là có giới hạn, chỉ trong thời gian vị thành niên của con cái. Quyền lực chính trị, khi nó xuất phát từ sự chuyển nhượng quyền lực của các cá nhân để tạo hiệu lực thực thi luật tự nhiên. Trái lại, quyền lực

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

bạo chính lại hàm chứa cái quyền lấy đi sinh mạng, tự do, sức khỏe, và sở hữu của bất kỳ ai khuất phục dưới quyền lực này.

Điều đó dẫn đến giải pháp mà Locke nêu lên phần vào cuối *Khảo luận thứ hai*. Chúng ta sẽ nghe về bản chất của chính quyền dân sự bất chính và những điều kiện chính danh và thích đáng cho việc nổi loạn và thí quân. Chính quyền dân sự bất chính nhằm xâm phạm một cách có hệ thống các quyền tự nhiên của thân dân. Trong những tình cảnh như thế, nổi loạn là một hành động công chính, giống như việc giết một con thú hung tợn nguy hiểm vậy. Locke vẫn nói rằng quyền lực mà nhân dân đã trao cho chính quyền không thể quay về với họ chừng nào mà chính quyền còn tồn tại - đương nhiên là tồn tại có tính công chính, nhưng một khi chính quyền đó thất bại trong nhiệm vụ mà vì đó nó được nhân dân thiết định, là bảo toàn cho họ về quyền sống, quyền tự do và quyền sở hữu, thì - Locke kiên quyết - *nhân dân có quyền hành động với tư cách quyền lực tối cao và tự mình tiếp tục công việc lập pháp, hoặc dựng lên một hình thức chính quyền mới, hoặc vẫn theo hình thức cũ đó nhưng được đặt vào tay những con người mới, theo những gì họ cho là tốt đẹp (§243)*.

Đó cũng chính là điều mà Hồ Chí Minh sau này, trong quá trình tiếp thu tinh hoa tư tưởng nhân loại đã nói, và là điều được giới nghiên cứu trong nước đánh giá là một trong những điểm cách mạng nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, đó là: *Nếu*

*Chính phủ làm hại dân, thì dân có quyền đuổi Chính phủ*⁴.

Học thuyết của Locke có những giá trị lịch sử và thời đại như thế nào, và có thể tiếp thu, vận dụng được gì trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay, xin dành lại cho quý độc giả, giới nghiên cứu và các anh chị em sinh viên tiếp tục làm rõ. Nhưng có một điều có thể nói ở đây, rằng qua những gì nó thể hiện, đó là một tuyệt tác cách mạng của một con người cách mạng, mà không hề là một tác phẩm thỏa hiệp của một tư tưởng thỏa hiệp.

Để kết thúc phần giới thiệu sơ lược này của mình, tôi xin có vài lưu ý lên quan đến quy cách của bản dịch.

Tác phẩm của Locke là một công trình được tái bản nhiều lần ngay vào thời ông còn sống và sau đó. Đã có những thay đổi sau những lần biên tập. Tuy nhiên có hai phiên bản được sử dụng rộng rãi nhất, là bản năm 1764 và năm 1824, gần như nhau. Bản dịch này căn cứ theo phiên bản năm 1764, do Cambridge University Press ấn hành năm 2005, có đối chiếu với phiên bản 1689 do Prometheus Books ấn hành năm 1986.

Do tầm quan trọng của *Khảo luận thứ hai*, nó được tổ chức dịch thuật trước, nên rất tiếc toàn bộ *Hai khảo luận về chính quyền* chưa kịp giới thiệu đến bạn đọc. Nhưng mong rằng qua những gì được cố

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T.5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 60.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

gắng chuyển tải trong nội dung bản dịch cũng như ở các chú thích, độc giả có thể nắm vấn đề, dù chưa trọn vẹn.

Về tên của tác phẩm, vẫn thường được dịch là “Khảo luận thứ hai về chính quyền dân sự”. Đây là vấn đề về kết cấu chữ giữa hai ngôn ngữ, còn thực tế thì chỉ có một khảo luận về chính quyền dân sự, còn khảo luận kia (*Khảo luận thứ nhất về chính quyền*), như đã nói, là phê phán cái chính quyền thần thánh của Sir Robert Filmer. Vì vậy bản dịch này xin được làm rõ tựa đề, là *Khảo luận thứ hai về chính quyền - Chính quyền dân sự*.

Trong tác phẩm, Locke dùng nhiều đến các “điển tích” trong Kinh thánh. Hiện nay, Kinh thánh đã có ở nhiều phiên bản tiếng Việt, tuy nhiên, để bảo đảm văn phong của một bản văn lý luận, ở những chỗ như vậy tôi không sử dụng ngôn ngữ thuần Thiên chúa giáo, mà chỉ trong chừng mực dung hòa với ngôn ngữ triết lý và thế tục.

Trong văn phong cổ thường có tình trạng dùng câu phức rất dài, và việc bỏ dấu cũng thường gây nên vấn đề cho độc giả ngày nay. Để giúp người đọc dễ dàng hơn khi tiếp cận bản văn, những chỗ ngắt câu và ngắt đoạn do người dịch thực hiện sẽ được đánh dấu bằng dấu ngoặc vuông ([...]). Những từ, ngữ được thêm vào cho người đọc dễ hiểu cũng được đặt trong ngoặc này.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Điểm sau hết trong phần quy cách này, là các chú thích của Locke có kèm theo dấu hoa thị (*), ngoài ra là các chú thích của người dịch.

Cuối cùng, tôi không quên gửi lời cảm ơn đến Học giả Đặng Phùng Quân (Texas, Hoa Kỳ) và anh Nguyễn Văn Nghị (Thành phố Hồ Chí Minh) đã sẵn lòng giúp đỡ trao đổi với tôi về một số từ ngữ và câu chữ Latin; cảm ơn Tiến sỹ Luật khoa Trần Thiện Huy (Texas, Hoa Kỳ), bạn tôi, người đã tìm kiếm các văn bản của Locke cho tôi; cảm ơn chị Nguyễn Phương Loan, biên tập viên của Nhà xuất bản Tri thức, đã hợp tác cùng tôi và có những ý kiến hữu ích cho sự ra mắt tác phẩm này của Locke.

Tp. Hồ Chí Minh, 28-12-2006

Lê Tuấn Huy

LỜI TỰA

Cùng độc giả,

Quý vị đang có phần đầu và phần cuối của một luận văn về chính quyền; số mệnh đã có một sắp đặt khác cho những trang viết cần được lắp đầy vào phần giữa và nhiều hơn toàn bộ những phần kia, nhưng nó lại chẳng có gì đáng nói. Những gì còn lại, tôi hy vọng đủ để thiết lập ngai vàng của người phục hưng vĩ đại của chúng ta, Quốc vương William⁵ hiện thời, để thực hiện tốt danh

⁵ William III (1650-1702): thuộc Vương triều Stuart (1603-1707) tại Anh; sinh ra đã là Quân vương xứ Orange (vùng thung lũng phía nam nước Pháp), năm 1672 là Thống đốc Hà Lan, năm 1689 trở thành Quốc vương xứ Anh, Ireland và Scotland (vào những thời điểm khác nhau trong năm), cùng trị vì với vợ là Nữ hoàng Mary II (1662-1694) sau cuộc Cách mạng Vinh quang 1688 phế truất Quốc vương James II (chú và là cha vợ của William III). Xung đột về quyền lợi kinh tế giữa quý tộc cũ và quý tộc mới, xung đột chính trị giữa quyền thần thánh của nhà vua với quyền chính trị của nghị viện (đã thiết lập từ thế kỷ XIII), cùng với xung đột giữa người Anh giáo, Công giáo và Tin lành trong một nước Anh đang trên đà phát triển thị trường và công nghiệp, cũng như các vấn đề trong quan hệ với Pháp, Hà Lan đã đẩy James II vào một vị trí chên vênh. Tháng Mười một năm 1688, Thống đốc Hà Lan cầm đầu mười hai ngàn quân đổ bộ lên đất Anh, và kết cục là như chúng ta đã thấy, cùng với một nền quân chủ lập hiến mà quyền lực thực chất chuyển từ tay nhà vua sang nghị viện.

vị của ngài trong sự chấp thuận của nhân dân, là điều duy nhất có của mọi chính quyền hợp pháp, mà ngài có được một cách đầy đủ và rõ ràng hơn bất kỳ quân vương nào khác trong khu vực Thiên chúa giáo⁶; và để minh chứng với thế giới rằng người dân Anh, mà tình yêu đối với các quyền THIÊN BẨM và chính đáng của họ, với quyết tâm bảo toàn chúng, đã cứu dân tộc này khi nó bên bờ vực của tình trạng nô lệ và tiêu tan.

[N]ếu các trang viết này có bằng chứng về những gì vừa được nói, tôi tăng bậc chính mình là có trong đó, thì sẽ không có những thiếu sót lớn về những điều bị bỏ qua, và độc giả của tôi có thể hài lòng dù không có chúng; vì tôi nghĩ rằng tôi sẽ không có thời gian, mà cũng không có ý lặp lại sự nhọc công của mình và lặp cho đây phân thiếu trong câu trả lời của tôi, bằng việc lại lần theo Sir⁷ Robert⁸ suốt mọi quanh co và mờ mịt, những điều mà tôi đã gặp phải ở một vài nhánh trong hệ

⁶ Khu vực Thiên chúa giáo (Christendom): hiểu như một khái niệm chung nhất chỉ toàn thể các vùng lãnh thổ, trong toàn bộ tiến trình lịch sử, văn hóa, xã hội... nằm dưới ảnh hưởng của giáo lý, văn minh Thiên chúa giáo.

⁷ Sir: tước hiệu phong cho hiệp sỹ hoặc chuẩn tước ("baronet", tước vị thấp hơn nam tước).

⁸ Sir Robert Filmer (1588-1653): lý thuyết gia chính trị; toàn bộ quan điểm thể hiện ở cuốn sách *Patriarcha, or the Natural Power of Kings* (Nền gia trưởng, hay là quyền lực tự nhiên của vua chúa) xuất bản năm 1680. Locke phê phán từng điểm một đối với quan niệm của Filmer về thánh quyền trong việc hình thành và tổ chức quyền lực nhà nước được thể hiện trong tác phẩm vừa nêu, tại *Khảo luận thứ nhất*.

thống tuyệt vời của ông. Do Quốc vương và cơ quan [quyền lực] của đất nước đã hoàn toàn bác bỏ giả thuyết của ông, đến mức tôi cho rằng từ nay trở đi không một ai lại liều lĩnh ra mặt chống lại sự an toàn chung của chúng ta, lại trở thành người biện hộ cho tình trạng nô lệ, tức là sự yếu kém được đánh tráo bằng những mâu thuẫn đã khoác lên mình cái kiểu cách phù hợp với mọi người, vào những thời điểm khôn khéo. [N]ếu có bất kỳ ai làm công việc nhọc nhằn đó, thì chính anh ta, trong những phần không được động chạm đến ở đây, nhằm lột khỏi các luận văn của Sir Robert sự hoa mỹ của những diễn đạt đáng ngờ và cố gắng để giảm ngôn từ của ông thành những định đề trực tiếp, rõ ràng và dễ hiểu, và rồi so sánh toàn bộ chúng với điều tương tự, anh ta sẽ nhanh chóng có được sự hài lòng - chưa bao giờ có quá nhiều những điều vô nghĩa liên thoáng đặt chung với nhau trong cái Anh ngữ nghe rất hay ho này. Nếu anh ta nghĩ rằng việc xem xét xuyên suốt toàn bộ các tác phẩm của Sir Robert là không đáng, hãy để anh ta làm một thử nghiệm ở phần mà ông giải quyết về sự tiến quyền, và hãy để anh ta thử xem anh ta có thể hay không, bằng toàn bộ kỹ năng của mình, làm cho Sir Robert dễ hiểu và thích hợp với chính ông hay với nhận thức thông thường.

[T]ôi không cần nói quá thẳng về một quý ông mà việc đáp lời đã qua đi từ lâu, đã không còn thuyết giáo vào những năm sau này, đã sở hữu công khai chủ thuyết của mình và biến nó thành thân thánh trong nhiều năm. [Nhưng] nhất thiết đối với những người đang đảm nhận vai trò người thầy, đã làm người khác lạc lối hết sức

nguy hiểm, họ cần được cho thấy một cách thẳng thắn về thẩm quyền nào mà người giáo trưởng của họ có, người mà họ đã quá mù quáng đi theo; và vì thế họ, hoặc là có thể rút lại lời mà họ phun ra trên những nền tảng quá yếu và không thể được duy trì, hoặc khác đi, thì cần chứng minh những nguyên tắc mà họ ca tụng cho Phúc âm đó, dù họ không hề có tác gia nào tốt hơn là một cận thân người Anh⁹; vì tôi đã không viết chống lại Sir Robert, hay là đã bỏ công sức để cho thấy những sai lầm, mâu thuẫn của ông, và sự thiếu vắng những bằng chứng trong Kinh thánh (điều mà ông khoe khoang rất nhiều và ra vẻ như toàn bộ chủ thuyết của mình được xây dựng trên đó), nên đã không có nhiều người trong số chúng ta, bằng việc tán dương những cuốn sách của ông và tán thành chủ thuyết của ông, cứu tôi thoát khỏi sự chỉ trích của việc viết chống lại một đối thủ đã chết. Họ đã rất sốt sắng trong điểm này, đến mức nếu tôi khiến ông trở nên sai trái ở bất kỳ điều gì, tôi không thể hy vọng họ sẽ tha thứ. Tôi mong muốn, nơi nào họ đã làm điều sai trái với chân lý và công luận, họ sẽ sẵn sàng để sửa chữa, và để cho sức mạnh chân chính của chân lý đi đến những suy ngẫm này, có nghĩa là thấy rằng không có gì nguy hại lớn hơn cho quân vương và nhân dân cho bằng truyền bá những quan niệm sai trái về chính quyền, để cuối cùng không thể còn lý do để than

⁹ Tất cả những điều này đều nhắm đến Filmer và các môn đồ của ông. Chữ "cận thân", theo giới học giả nghiên cứu Locke, có lẽ được ông thêm vào vào năm 1698 nhưng bản thân Filmer chưa bao giờ có mặt tại triều đình.

LỜI TỰA

phiên về Drum Ecclesiastik¹⁰. Nếu có bất kỳ ai thật sự lo lắng cho chân lý, đảm nhận việc phủ nhận giả thuyết của tôi, thì tôi cam đoan hoặc sẽ công khai thừa nhận sai lầm của mình bằng một nhận thức ngay thẳng, hoặc sẽ trả lời cho những vướng mắc của anh ta. Nhưng người này phải nhớ cho hai điều.

Một là, việc cãi vặt ở đâu đó, nơi vài diễn đạt hay tình tiết nhỏ nào đó trong luận văn này, thì đây không phải là câu trả lời cho cuốn sách của tôi.

Hai là, tôi sẽ không dựng rào chắn trước các lý lẽ, mà cũng không nghĩ các lý lẽ này đáng để tôi lưu ý, dù tôi luôn nghĩ mình chắc chắn đem lại sự thỏa mãn cho bất kỳ ai, khi đó là người sẽ xuất hiện để tận tình chu tất điểm này và sẽ cho thấy chính những nền tảng nào đó cho sự thận trọng của anh ta.

Tôi không có gì thêm nữa ngoài việc báo với bạn đọc rằng chữ A viết tắt cho tác giả của chúng ta, chữ O¹¹ cho những bình luận về Hobbs, Milton, v.v... của ông; và rằng những trích dẫn chỉ kèm số trang luôn có nghĩa là trong tác phẩm Patriarcha, năm 1680 của ông.

¹⁰ Drum Ecclesiastik: giới linh mục.

¹¹ A: Author (tác giả), O: Observation (bình luận).

CHƯƠNG I

§1. Tôi đã chỉ ra trong luận văn trước¹², rằng:

1. *Adam*, dù là từ quyền thiên bẩm của người cha hay từ sự ban tặng xác thực của Thượng đế, cũng không có bất kỳ thẩm quyền nào như thế¹³ đối với các con của ông, hay bất kỳ quyền thống trị nào trên thế giới này - như được ngụ ý tạo ra.

2. Nếu ông có những uy quyền đó, thì những người thừa kế ông cũng không vì thế mà có được nó.

3. Còn nếu những người thừa kế của ông có được những điều đó, thì cũng không có luật nào của tự nhiên hay luật xác thực nào của Thượng đế để xác định ai đúng là người thừa kế mà trong mọi trường hợp có thể khiến nảy sinh quyền kế vị này, và như vậy thì việc mang quyền cai trị không thể được xác định chắc chắn.

4. Ngay cả nếu xác định được điều vừa rồi, thì sự hiểu biết về những hậu duệ thuộc dòng dõi xưa nhất của *Adam* cũng đã hoàn toàn mất đi từ lâu, đến mức trong các chủng tộc và gia tộc trên thế

¹² Ý nói ở *Khảo luận thứ nhất về chính quyền*.

¹³ Đây là nói về quyền lực gia trưởng của người cha được đẩy lên thành quyền lực chính trị mà Locke tiếp tục phê phán trong *Khảo luận thứ hai* này.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

giới, những gì còn lại không thể đặt người này cao hơn người kia ở cái ngụy tạo tối thiểu là dòng họ xưa nhất, để mà có quyền thừa kế.

Tất cả những tiền đề này, theo tôi nghĩ, khi đã được nhận ra rõ ràng, thì lập tức các nhà cai trị nơi trần thế sẽ chẳng thể kiếm được lợi hay có được chút bóng dáng nào của quyền uy, từ *sự thống trị tư riêng và quyền tài phán*¹⁴ *gia trưởng của Adam* - cái được hiểu như suối nguồn của mọi quyền lực; để các nhà cai trị sẽ không còn dịp mà nghĩ rằng mọi chính quyền¹⁵ trên thế giới này chỉ là sản phẩm của

¹⁴ Jurisdiction: quyền tài phán: quyền hạn pháp lý trong phạm vi nào đó thuộc lập pháp, hành pháp hay tư pháp. Trong thực tế lịch sử, cho đến trước khi có thể chế phân quyền và nhà nước pháp quyền, quyền tài phán không chỉ là quyền thực thi pháp luật hay thực hiện công lý, mà bao hàm cả việc quy định pháp luật, giải thích luật pháp, phán xử và thực thi luật... Ngày nay, quyền tài phán thể hiện trong từng loại quyền, ở những phạm vi nhất định.

¹⁵ Government: nghĩa phổ biến nhất là "chính quyền", nhưng nó cũng mang nghĩa của "nhà nước" hay "chính thể"... Bản dịch này chủ yếu dùng từ đầu tiên, nhưng cũng cần nói thêm:

Trong lịch sử, ở châu Âu, nhà nước theo nghĩa một *quốc gia-dân tộc* chỉ có trong và sau thời kỳ các cuộc cách mạng tư sản; còn nhà nước theo nghĩa một *chính quyền* nắm giữ quyền cai quản một cộng đồng, trong một lãnh thổ nhất định, thì có trước. Trong truyền thống đó, dù là ở các bản văn kinh điển hay cho đến cả các bản văn đương đại, từ hiện nay được xem là "chuẩn" của "nhà nước" (State) thì thường được dùng thiên về nghĩa lãnh thổ, địa lý, quan hệ với nhà nước khác; còn nhà nước

vũ lực và bạo lực, và rằng con người sống với nhau không bằng quy tắc nào khác ngoài những quy tắc của thú vật mà những kẻ mạnh nhất mang theo bên người, và vì thế mà đặt một nền tảng vĩnh viễn cho rối ren và phá hoại, cho hỗn độn, kích động và nổi loạn (những điều mà các môn đệ của giả thuyết này lớn tiếng kêu gào chống lại). [N]hất thiết phải tìm ra một căn nguyên khác của chính quyền, một nguồn gốc khác của quyền lực chính trị, một cách thức thiết kế và nhận thức khác về những người có quyền lực, thay vì những gì mà Sir Robert Filmer đã giáo huấn.

§2. Với chủ đích này, tôi nghĩ có thể là không sai để giải thích cho điều mà tôi hiểu là quyền lực chính trị, rằng quyền lực của *quan cai trị* đối với

theo nghĩa của một tổng thể *quyền lực* quốc gia thì lại thường nằm ở từ "chính quyền". Trong ngôn ngữ Việt, nghĩa đầu nằm ở từ "nước" hay "quốc gia", còn nghĩa sau ở từ "nhà nước".

Về "chính quyền" theo nghĩa *chính thể*, vấn đề là do chung quy chính quyền hay nhà nước gì thì đều cốt ở việc triển khai quyền lực công như thế nào, tức vấn đề về cấu thành của bộ máy nhà nước và quan hệ của các thành tố đó với nhau và với những "đối tác" có quan hệ nội tại với nó, là xã hội và công dân; hay nói khác đi, đó chính là vấn đề thể chế chính trị. Vào những giai đoạn lịch sử khi mà độ chuẩn xác và tinh tế nào đó trong ngôn từ triết học, chính trị học và luật học còn chưa đạt đến mức như ngày nay, "chính quyền" cũng được ngầm hiểu theo nghĩa thể chế như vậy. Trong các bản văn hiện đại và đương đại, cũng chưa phải đã triệt để tách biệt hẳn các nghĩa này...

thần dân có thể phân biệt với quyền lực của *cha* đối với con, của *chủ* đối với tớ, của *chồng* đối với vợ, và của *lãnh chúa* đối với nô lệ. Tất cả những quyền lực khác biệt này đôi khi lại ngẫu nhiên có ở cùng một con người. [K]hi xem xét ông ta dưới những quan hệ khác nhau, có thể giúp chúng ta phân biệt quyền lực này với quyền lực kia, và cho thấy một vị trí trung gian khác ở người cai trị của một cộng đồng quốc gia, ở người cha của một gia đình, ở thuyền trưởng của một thuyền lao dịch¹⁶.

§3. Vậy nên, tôi hiểu *quyền lực chính trị* là *quyền* làm luật có án phạt tử hình, và do đó, bao hàm tất cả những hình phạt thấp hơn, để quy định và bảo toàn sở hữu, quy định và bảo toàn việc sử dụng vũ lực của cộng đồng khi thực thi các luật này, trong việc phòng vệ của cộng đồng quốc gia trước những phương hại gây ra từ nước ngoài; và tất cả những việc như thế chỉ duy nhất là vì lợi ích công.

¹⁶ Galley: thuyền sàn thấp, chạy bằng buồm, dùng sức chèo của nô lệ và tù nhân.

CHƯƠNG II

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

§4. Để hiểu về quyền lực chính trị một cách đúng đắn và nhận ra nguồn gốc của nó, chúng ta phải xem xét đâu là trạng thái mà mọi người tồn tại một cách tự nhiên trong đó, và là một *trạng thái tự do hoàn hảo*, để sắp xếp cho hành động của họ, sắp đặt tài sản và cá nhân họ theo những gì mà họ cho là thích hợp, trong khuôn khổ của luật tự nhiên, mà không phải hỏi xin phép và không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ ai khác.

Đó cũng là một *trạng thái bình đẳng* khi mà tất cả quyền lực và quyền thực thi công lý có tính hỗ tương, không một ai có nhiều hơn người khác. [K]hông có gì hiển nhiên hơn là những sinh vật của cùng một loài và một hạng, được sinh ra một cách ngẫu nhiên với cùng những thuận lợi tự nhiên, sử dụng cùng những năng lực, cũng phải là những sinh vật bình đẳng với nhau mà không có sự lệ thuộc hay khuất phục; trừ khi vị chúa tể và chủ nhân của tất cả họ - bằng sự tuyên bố rõ ràng ý chí của ngài - đặt người này lên trên người khác, và ban tặng cho người đó - bằng sự chỉ định hiển nhiên và rõ rệt - một quyền thống trị không

thể nghi ngờ và một chủ quyền tối cao không thể hoài nghi.

§5. Sự bình đẳng này của con người là do tự nhiên đem lại, *Hooker* Sáng suốt¹⁷ xem đó là điều hết sức hiển nhiên, tự thân và vượt lên mọi vấn đề, đến mức ông biến nó thành nền tảng cho nghĩa vụ yêu thương lẫn nhau giữa người và người; trên đó ông xây dựng những bổn phận mà chúng ta phải có đối với người khác, và từ đây ông đưa ra những cách ngôn cao cả về công bằng và tình thương. Ông nói rằng:

Sự thôi thúc tự nhiên giống nhau đã đưa người ta đến nhận thức rằng yêu thương người khác hơn cả bản thân chính là bổn phận của mình. [Đ]ể nhận ra những điều vốn là bình đẳng này thì nhất thiết là tất cả phải có một tiêu chuẩn chung. [N]ếu tôi không thể có những gì tốt đẹp nhưng lại mong muốn nhận được, ngay ở mức mà mỗi người khác có, như bất kỳ ai cũng có thể mong muốn để thỏa tâm tư của riêng mình; thì tôi phải nhìn nhận vấn đề như thế nào khác nữa để có phần mong muốn được thỏa mãn của tôi trong đó, trừ khi chính tôi cũng lưu tâm thỏa mãn mong muốn giống như vậy, mà không nghi ngờ gì, là cũng có ở người khác, như một bản tính tự nhiên và có cùng bản tính đó như tôi? Có điều gì được đề nghị với họ mà xung khắc với mong muốn này, nhất thiết là mọi khía

¹⁷ Richard Hooker (1554-1600): nhà thần học Anh giáo nhiều ảnh hưởng, nhân mạnh đến lý trí và khoan dung, được vinh danh vào ngày 03 tháng Mười một như một ngày lễ phụ của Giáo hội Anh.

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

cạnh phiên lòng gây cho họ thì cũng là tình ấy phiên lòng gây cho tôi, đến mức nếu tôi gây tổn hại cho mong muốn của họ, tôi phải lưu ý đến cái tôi phải chịu. [K]hông có lý do gì mà người khác phải chứng tỏ sự yêu thương lớn hơn đôi với tôi, so với yêu thương họ có được từ sự thể hiện của tôi đối với họ. [V]ì thế mà mong muốn nhận được sự yêu thương của những người bình đẳng với tôi trong tự nhiên - ở mức tôi đa mà sự yêu thương đó có thể có - đặt lên tôi một bổn phận tự nhiên, là mang đến cho họ đầy đủ sự yêu mến giống như vậy. [T]ừ sự yêu mến đó mà quan hệ bình đẳng giữa ta với họ - vốn cũng như là chính ta vậy, cùng các quy tắc và tiêu chuẩn lý trí tự nhiên - vốn là cái vạch ra phương hướng cho cuộc đời, là những điều không khiến ai là ngu dốt cả. (Hooker, Eccl. Pol. Lib. i.).

§6. Nhưng dù đây là một *trạng thái tự do*, nó không phải là *trạng thái lộn xộn*. [D]ù trong trạng thái này người ta có một quyền tự do không có sự kiểm soát để sắp đặt con người hay tài sản của mình, nhưng anh ta không được tự do hủy diệt bản thân, hay làm việc đó cho dù là đối với một sinh vật bất kỳ nào thuộc tài sản của anh ta, trừ khi cần đến việc này vì những điều còn cao đẹp hơn là bảo toàn sự tồn tại đơn thuần của nó.

[T]*rạng thái tự nhiên* có luật tự nhiên để cai quản, bắt buộc mọi người phải tuân thủ; và lý trí - vốn là luật này - huấn thị cho toàn thể loài người - những người có ý chí riêng nhưng phải tham vấn nó, rằng tất cả đều bình đẳng và độc lập với nhau. [K]hông ai được phép làm hại đến sinh mạng, sức khỏe, tự

do, hay tài sản của người khác, vì tất cả đều là tuyệt tác của một đấng Sáng tạo toàn năng và thông thái vô hạn; tất cả đều là đầy tớ của một chủ nhân tối thượng, được sai phái vào thế giới này do lệnh của ngài và cho công việc của ngài. Họ là tài sản của ngài, là tuyệt tác của ngài, được tạo ra để tồn tại trong hoan hỉ của ngài - chứ không phải của người khác, và được trang bị những năng lực giống nhau, chia sẻ tất cả trong một cộng đồng tự nhiên. [Ở] đó không thể giả định bất kỳ sự *lệ thuộc* nào giữa những con người chúng ta, nghĩa là có thể trao quyền cho ta đi hủy diệt người khác, hoặc như thể chúng ta được tạo ra là để cho người khác sử dụng, giống như những sinh vật ở hạng thấp kém hơn là dành cho việc sử dụng của chúng ta. Mỗi người, do *ràng buộc với sự bảo toàn của chính mình* - chứ không phải với chủ ý thoát ra khỏi vị thế đó, nên với nguyên do giống vậy, khi sự bảo toàn của bản thân không dùng vào tranh đua, thì ngoài bản thân mình, người ta còn cần phải *bảo toàn cho toàn thể phần loài người còn lại*, ở mức tối đa có thể; và không thể lấy đi hay làm suy yếu đi sinh mạng hay những khuynh hướng nhằm bảo toàn sự sống, quyền tự do, thân thể hay tài sản của người khác, trừ khi là để thực hiện công lý với kẻ vi phạm.

§7. Và lý trí đó cũng huấn thị rằng tất cả mọi người có thể phải bị ngăn chặn để không đi xâm hại các quyền của người khác, không gây phương hại cho người khác; còn luật tự nhiên, cái mang ý chí hòa bình và *bảo toàn cho toàn bộ loài người*, thì

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

phải được tuân theo. [V]iệc *thực thi* luật tự nhiên, trong trạng thái này, được đặt vào tay của mỗi người, vì vậy mỗi người đều có quyền trừng phạt những kẻ xâm phạm đến luật của nó, đến mức có thể cản trở sự vi phạm này. Vì *luật tự nhiên*, như tất cả các luật khác liên quan đến con người trên thế giới này, sẽ là vô hiệu nếu như không một ai trong trạng thái tự nhiên có *quyền lực để thực thi* luật đó, nhằm bằng cách này mà bảo vệ cho người vô tội và ngăn chặn kẻ vi phạm. Và nếu một người bất kỳ trong trạng thái tự nhiên có thể trừng phạt người khác vì bất kỳ điều xấu nào mà người này gây ra, thì mỗi người còn lại cũng đều có thể làm như thế; vì trong *trạng thái bình đẳng hoàn hảo* đó, nơi mà mặc nhiên không có phẩm vị cao hơn hay quyền tài phán nào của người này lên người khác, thì bất kỳ điều gì có thể thực hiện như là hành động truy tố của luật tự nhiên, mỗi người nhất thiết đều phải có quyền để làm.

§8. Và vì thế, trong trạng thái tự nhiên, *người này có được quyền lực đối với người kia*, nhưng không phải là quyền lực tuyệt đối hay quyền lực độc đoán để xử sự với một tội phạm - khi kẻ này đã nằm trong tay - bằng sự căm giận sôi hay sự cực đoan vô độ từ ý chí của riêng mình, mà chỉ là một sự đáp trả trong phạm vi của sự bình tĩnh lý trí và mệnh lệnh lương tâm, tương xứng với vi phạm của anh ta, ở chừng mực mà nó phục vụ cho việc *bồi thường* và *kiềm chế* thiệt hại. Hai điều này là những lý do duy nhất giải thích tại sao một người có thể

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

gây hại một cách hợp pháp cho người khác, mà chúng ta gọi là sự *trừng phạt*.

[B]ằng việc vi phạm luật tự nhiên, người vi phạm đã tự tuyên bố rằng mình sống bằng quy tắc khác thay cho quy tắc của *lý trí* và bình đẳng cộng đồng, vốn là tiêu chuẩn mà Thượng đế đã sắp đặt cho hành động của con người, vì sự an ninh hỗ tương của họ; và do đó, người vi phạm đã trở nên nguy hiểm đối với loài người. [S]ự ràng buộc giúp bảo vệ con người trước những phương hại và bạo lực nay đã bị anh ta làm suy yếu và phá vỡ. Đó là sự xâm hại chống lại toàn thể giống loài, chống lại hòa bình và an toàn của giống loài đã được trừ liệu từ chính luật tự nhiên. [M]ỗi người đạt đến sự bảo vệ này bằng cái quyền anh ta có nhằm bảo toàn cho loài người nói chung, để có thể ngăn chặn hay - vào lúc cần thiết - tiêu diệt những điều có hại đối với loài người, và do vậy, có thể đem điều tối tệ như thế đến với bất kỳ ai đã xâm phạm luật tự nhiên, khi điều tối tệ đó có thể khiến người này phải hối hận vì đã làm như vậy, và vì thế mà làm thoái chí anh ta; và từ tấm gương của anh ta mà ngăn cản người khác có hành động nguy hại giống như thế. Trong trường hợp này, và với cơ sở này, *mỗi người đều có quyền trừng phạt người vi phạm, và đều là người chấp pháp của luật tự nhiên*.

§9. Tôi không hề nghi ngờ rằng chính điều này dường như sẽ là một chủ thuyết rất lạ lùng đối với một số người; nhưng trước khi lên án nó, tôi mong

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

rằng họ sẽ giải quyết cho tôi vấn đề là bằng quyền nào mà một quân vương hay một nhà nước có thể bắt một *người ngoại quốc* phải chết hay *trừng phạt* anh ta, vì tội hình sự nào đó anh ta phạm phải trên đất nước của quân vương hay nhà nước này. Đó chắc chắn là luật pháp của nơi này, vì bất kỳ phê chuẩn nào nhận được từ ý chí của cơ quan lập pháp, được công bố chính thức, cũng không thể chạm được đến người lạ. [C]húng được công bố không phải với người ngoại tộc, mà nếu có công bố với người như thế, chúng cũng không buộc được anh ta phải nghe theo. Thẩm quyền lập pháp, nơi mà từ đó luật pháp có hiệu lực pháp lý đối với thân dân của một cộng đồng quốc gia, không có quyền lực đối với người ngoại quốc đó. Những người có quyền làm luật tối cao ở Anh, Pháp, hay Hà Lan có quyền đó đối với một người *Indian*¹⁸, nhưng giống như tất cả những người còn lại của thế giới, họ là người không có thẩm quyền đối với người ngoại quốc này. Và vì thế, nếu theo luật tự nhiên mà mỗi người lại không có quyền hạn để trừng phạt những người xâm phạm đến nó - khi anh ta phán xử đúng mực trường hợp đặt ra, tôi không thấy có cách thức nào cho các quan cai trị của một cộng đồng có thể *trừng phạt một người ngoại tộc* của một đất nước khác; vì đối với người này, họ không có quyền lực gì hơn so với cái mà mọi người còn lại cũng có một cách mặc nhiên đối với người khác.

¹⁸ Indian: người bản địa châu Mỹ.

§10. Cùng với việc phạm tội - chủ yếu ở sự xâm phạm luật pháp, việc hành động khác với quy tắc đúng đắn của lý trí sẽ đưa một người đi xa đến mức trở nên thoái hóa, tự tuyên bố mình rút khỏi những nguyên tắc của bản tính con người, và là một sinh vật có hại - thường gây *thương tổn* cho người này người kia, còn người khác thì lại nhận lãnh thiệt hại do hành động xâm phạm của con người đó. [T]rong trường hợp của người nhận lãnh thiệt hại, bên cạnh quyền trừng phạt chung mà người khác cũng có, anh ta còn có một quyền đặc biệt riêng nhằm tìm kiếm sự *bồi thường thiệt hại* từ người gây hại. Đồng thời, bất kỳ ai khác nhận thấy điều đó là đúng, đều có thể liên kết với người bị phương hại và trợ giúp anh ta trong việc giành lại từ kẻ vi phạm, càng nhiều càng tốt, những đền bù thỏa đáng so với sự tổn hại mà anh ta đã chịu.

§11. Từ hai quyền riêng biệt này - một là để *trừng phạt* tội phạm nhằm *kiềm chế* và ngăn ngừa những người khác xâm phạm giống như vậy, tức cái quyền trừng phạt vốn có ở mỗi người; còn quyền kia là để nhận *bồi thường thiệt hại* - là điều chỉ có ở phía người bị hại, ta sẽ bước sang vấn đề khác, là việc quan cai trị, vốn bằng chức vị này mà có trong tay quyền trừng phạt của cộng đồng, có thể thường xuyên *miễn trừ* sự trừng phạt cho những vi phạm hình sự, từ chính thẩm quyền của ông ta, ở nơi mà lợi ích công không đòi hỏi thực thi pháp luật. [N]hung điều đó vẫn không *miễn trừ* quyền được hưởng sự bồi thường thỏa đáng của riêng cá nhân

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

đã phải nhận lấy thiệt hại. Thế thì, người đã chịu thiệt hại có quyền đòi hỏi bồi thường, nhân danh chính mình, và chỉ một mình anh ta mới có thể *miễn trừ* cho điều đó. [N]gười bị phương hại có quyền chiếm đoạt về cho riêng mình tài sản hay sự phục vụ mà người đã vi phạm có, từ *quyền tự bảo toàn* - như việc mỗi người có quyền trừng phạt tội phạm nhằm ngăn chặn sự tái phạm - từ *cái quyền bảo toàn toàn thể loài người mà anh ta có*, và làm mọi điều hợp lý mà anh ta có thể làm nhằm đạt mục đích đó. Và vì thế, trong trạng thái tự nhiên, mỗi người đều có quyền hạn để giết một kẻ sát nhân nhằm ngăn chặn người khác gây ra thương tổn giống như vậy - vốn không có sự bồi thường nào có thể bù đắp được cho người đã bị sát hại - bằng tấm gương trừng phạt mà hành động của mọi người nhắm đến; mà cũng nhằm *bảo vệ* mọi người trước những cố gắng của một tội phạm - người mà sau khi từ bỏ lý trí, từ bỏ quy tắc chung và tiêu chuẩn mà Thượng đế đã ban tặng cho loài người, bằng bạo lực bất công và giết chóc mà anh ta phạm phải với người khác, đã tuyên bố chiến tranh chống lại loài người, và vì thế có thể bị tiêu diệt như một con *sư tử* hay một con *hổ*, trong số những con thú hoang dã nguy hiểm. [S]ống với người như thế, người ta không có được xã hội, mà cũng không có được an ninh. Và điều này đặt nền tảng trên cái luật tự nhiên vĩ đại, là "*nợ máu phải trả bằng máu*". Và Cain¹⁹ đã hoàn toàn

¹⁹ Cain và Abel là hai anh em con của Adam và Eve;

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

nhận thức được rằng mỗi người đều có quyền tiêu diệt một tên tội phạm như vậy khi hắn đã sát hại người em của mình; chính là hắn đã gào lên “*Bất kỳ ai nhận ra con đều sẽ giết hại con*”. [Đ]iều giản dị như thế được viết vào tim óc của cả loài người.

§12. Với cùng lý do, người sống trong trạng thái tự nhiên cũng có thể *trừng phạt những vi phạm nhỏ hơn*. Điều này có lẽ sẽ được gặng hỏi tiếp rằng, với án tử hình chẳng? Tôi trả lời là mỗi người vi phạm đều có thể *bị trừng phạt đến mức độ đó*, và sự *khốc liệt* đến như thế sẽ đáp ứng việc khiến cho người vi phạm ở vào vị thế mặc cả yếu ớt, cho anh ta nguyên nhân để hối hận và khiến người khác kinh hãi mà tránh đi việc hành động giống như vậy. Tất cả những vi phạm nào bị lên án trong trạng thái tự nhiên có thể đều bị trừng phạt như nhau, và đến mức mà có thể cũng như thế trong cộng đồng quốc gia. Vì dù sẽ ra khỏi chủ đích hiện tại của tôi, khi đi

Cain trồng trọt, Abel nuôi cừu. Một lần dâng lễ vật cho Chúa trời, phần của Cain là hoa quả, của Abel là thịt và sữa từ lúa đầu của đàn gia súc. Cain giết em mình sau lần đó. Khi Chúa trời hỏi về Abel thì Cain trả lời: “Con là người lo giữ em trai mình sao?” Khi “tiếng gọi thấm máu” của Abel vọng lên từ lòng đất báo cho biết, Chúa trời đã nguyên rủa Cain là phải đi lang thang khắp nơi. Cain tràn ngập sợ hãi bị người khác giết vì tội lỗi của mình và thốt ra câu nói mà Locke đã dẫn lại. Chúa trời đã phải đánh dấu cho Cain và tuyên rằng: “Ai giết Cain sẽ phải nhận lấy nguy hiểm gấp bảy lần.” Dù sao, Cain sau đó vẫn là cha của nhiều người con và không còn lang thang nữa, đã định cư và xây dựng nên một đô thị.

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

vào những trường hợp cụ thể của luật tự nhiên hay những *hạn mức của việc trừng phạt*, thì vẫn chắc chắn là có một luật như vậy; luật đó cũng dễ hiểu và giản dị đối với một sinh vật có lý trí và một người nghiên cứu luật tự nhiên, như ở các luật xác thực²⁰ của các động đờng quốc gia. [K]hông những thế, điều đơn giản khả dĩ hơn, là lý lẽ càng dễ dàng thì càng dễ được hiểu, thay vì những tưởng tượng và tru liệu rắc rối của nhiều người, theo những quyền lợi đối lập và những ẩn giấu đặt trong ngôn từ, vì đích thực là một phần lớn các *luật quốc gia* của các nước chỉ thật sự đúng đắn khi được xây dựng trên luật tự nhiên, và theo luật này mà chúng được điều chỉnh và diễn dịch.

§13. Đối với chủ thuyết lạ lùng này, tức điều cho rằng *trong trạng thái tự nhiên, mỗi người đều có một quyền lực hành pháp* của luật tự nhiên, tôi không nghi ngờ; nhưng nó sẽ bị phản đối, rằng vô lý khi người ta là các quan tòa trong những trường hợp của riêng họ, rằng sự tự yêu mình sẽ khiến người ta thiên vị cho bản thân và bạn bè; và bên cạnh đó, bản tính xấu, sự xúc động và thù hận sẽ đưa họ đi quá xa khi trừng phạt người khác, và từ đây, theo sau nó sẽ không là gì khác ngoài sự hỗn độn và rối loạn; và rằng vì thế Thượng đế đã dứt khoát chỉ

²⁰ "Luật xác thực" thường được hiểu là những luật được con người làm nên, khác với "luật tự nhiên" vốn mặc nhiên mà có, hay khác với "luật thánh" không mang tính xác thực như luật thế tục.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

định chính quyền để kiểm chế tính thiên vị và bạo lực của con người.

[T]ôi dễ dàng chấp nhận rằng *chính quyền dân sự* là phương thức thích đáng cho những bất tiện của trạng thái tự nhiên - một trạng thái chắc chắn là cao quý, nơi mà người ta có thể là quan tòa cho trường hợp của riêng mình - vì dễ dàng để hình dung rằng người nào đã bất công đến mức làm cho anh em mình bị thương tổn, thì sẽ khó mà công bằng khi lên án mình vì hành động đó. Nhưng tôi mong muốn những người đưa ra phản đối này hãy nhớ rằng các *ông vua chuyên chế* cũng chỉ là những con người, và nếu chính quyền là phương thuốc cho những điều tệ hại tất yếu sẽ xuất phát từ các quan tòa, vốn là cùng những con người đó, trong trường hợp của riêng họ, thì trạng thái tự nhiên vì thế mà không thể tổn tại kéo dài. Tôi mong được biết đâu là loại chính quyền tốt hơn, và tốt hơn đến mức nào so với trạng thái tự nhiên, ở nơi mà một người ra lệnh cho muôn người, có quyền tự do để làm quan tòa cho trường hợp của riêng mình, mà cũng có thể làm bất cứ điều gì ông ta muốn với tất cả thân dân của mình, nhưng lại không có quyền tự do tối thiểu cho bất kỳ ai khác để đặt vấn đề hay kiểm soát những người thực thi ý muốn của ông? Và ở những gì mà ông làm, có được hướng dẫn bằng lý trí hoặc từ sự sai lầm hay cảm xúc không, có được đưa ra để xem xét không? Vẫn còn tốt hơn nhiều trong trạng thái tự nhiên, khi mà người ta không bị ràng buộc phải phục tùng ý chí bất chính của người

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

khác; và nếu ai đưa ra phán xử mà những phán xử đó sai, trong trường hợp của riêng mình hay trong những trường hợp khác, anh ta phải chịu trách nhiệm trước phần loài người còn lại.

§14. Điều vẫn thường được đưa ra như một phản đối đầy sức mạnh, rằng *đâu là, hay đã từng là, nơi có ai đó sống trong một trạng thái tự nhiên như vậy?* Có thể có câu trả lời đầy đủ cho nó ngay lúc này, rằng vì lẽ mọi *quân vương* và mọi nhà cai trị của các chính quyền *độc lập* trên khắp thế giới này ở trong một trạng thái tự nhiên, nên đơn giản là thế giới đã không bao giờ, mà cũng sẽ không bao giờ là trạng thái tự nhiên mà lại không có một lượng lớn người trong đó. Tôi đã nêu tên tất cả những người cai quản các cộng đồng *độc lập*, cho dù họ có trong liên minh với cộng đồng khác hay không; vì không phải mỗi thỏa ước đó là cái đặt sự kết thúc cho trạng thái tự nhiên của con người, mà chỉ là sự thỏa thuận cùng nhau gia nhập vào một cộng đồng và làm nên một cơ thể chính trị; những hứa hẹn và thỏa thuận khác người ta vẫn có thể đi đến với nhau, và vẫn trong trạng thái tự nhiên. Các hứa hẹn và thỏa thuận giá cả mua bán chẳng hạn, giữa hai người trên một đảo hoang, được *Garcilasso de la Vega*²¹ nói đến trong sách lịch sử của ông về *Peru*,

²¹ *Garcilasso de la Vega* (1501?1503?-1536): tướng phục vụ dưới trướng Charles V ("Hoàng đế của Rome thần thánh và Quốc vương của Tây Ban Nha", 1500-1558), tham gia chinh chiến nhiều nơi. Cuốn sách được nói đến là *Le Commentaire Royale, ou L'Histoire des Incas*,

hay giữa một người *Thụy Sĩ* với một người *Indian* trong một khu rừng *châu Mỹ*, đang ràng buộc họ với nhau - dù họ hoàn toàn trong trạng thái tự nhiên - trong tương quan với một vấn đề khác: lẽ phải và sự tin tưởng giữa con người với nhau, với tư cách là con người chứ không phải với tư cách thành viên xã hội.

§15. Đối với những người nói rằng không bao giờ có một ai trong trạng thái tự nhiên, tôi sẽ không chỉ phản đối ảnh hưởng đầy quyền uy của Hooker Sáng suốt (Hooker, Eccl. Pol. lib. i. 10) khi ông nói rằng: *Các luật được đề cập cho đến nay, tức các luật tự nhiên, luôn ràng buộc người ta một cách tuyệt đối, ngay cả với tư cách là những con người, cho dù họ không bao giờ có một tình bằng hữu lâu bền, không bao giờ có sự thỏa thuận chính thức nào với nhau về cái cần làm hay không cần làm, nhưng vì mọi sự đến mức độ là tự chúng ta không đủ sức để trang bị cho bản thân mình một cách dồi dào những thứ cần thiết cho một cuộc sống mà như bản tính của chúng ta mong muốn - một cuộc sống thích hợp cho phẩm giá của con người; vì thế, để bổ khuyết cho những điểm yếu và không hoàn thiện vốn có nơi chúng ta, khi chính ta sống một cách riêng lẻ và đơn độc, đã có sự xui khiến tự nhiên để ta tìm đến cộng đồng và tình bằng hữu với người khác. Đó là nguyên nhân của việc con người hợp đoàn nhau lại lúc đầu, trong một xã hội chính trị; mà tôi còn khẳng định thêm, rằng*

Rois du Peru (Nhận định của hoàng gia, hay là lịch sử người Incas, các hoàng đế tại Peru) 1633.

VỀ TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

mọi người vốn dĩ là trong trạng thái tự nhiên đó, và cứ duy trì như thế đến khi, bằng sự chấp thuận của chính mình, họ khiến mình trở thành thành viên của một xã hội chính trị. [V]à, không cần nghi ngờ, trong phần tiếp theo của luận văn này, điều đó sẽ được tôi làm sáng tỏ.

CHƯƠNG III

VỀ TRẠNG THÁI CHIẾN TRANH

§16. *Trạng thái chiến tranh* là trạng thái của thù địch và hủy diệt; và bởi vậy, việc tuyên bố bằng ngôn từ hay bằng hành động một ý đồ nhắm vào sinh mạng của người khác - không phải từ thái độ nóng giận và vội vã, mà từ sự điềm tĩnh và chuẩn bị chín chắn - ai đó đã *đặt mình vào trạng thái chiến tranh* với người mà anh ta đã tuyên bố ý định như vậy, và vì thế mà cũng đặt sinh mạng của mình vào phạm vi quyền hạn có thể lấy nó đi của người bị nhắm đến, hay của bất kỳ ai khác liên kết với người này trong việc phòng vệ và tán thành tranh cãi của anh ta. [L]à điều hợp lý và công bằng khi tôi có quyền tiêu diệt cái đe dọa tiêu diệt tôi, vì *theo luật tự nhiên làm căn bản đó, con người được quyền bảo toàn* đến mức tối đa có thể được. [K]hi mà tất cả đều không thể được bảo toàn, thì sự an toàn của người vô tội là điều được ưu tiên; và một người có thể tiêu diệt người gây ra chiến tranh chống anh ta hay khi khám phá ra một thái độ thù địch đối với sự tồn tại của mình, với cùng lý do khi tôi giết một con *sói* hay *sư tử*. [D]o những người như vậy không đặt mình vào sự gắn kết với

luật lý trí chung, không có quy tắc nào khác ngoài quy tắc của vũ lực và bạo lực, và vì thế họ có thể bị đối xử như những con thú săn. [N]hững sinh vật nguy hiểm và độc hại đó chắc chắn sẽ hủy diệt người khác, bất cứ khi nào những người này rơi vào vòng quyền lực của chúng.

§17. Và từ đây, người nào ra sức đặt người khác vào vòng quyền lực tuyệt đối của mình cũng là sẽ *đặt chính mình vào trạng thái chiến tranh* với người đấy; nỗ lực đó được hiểu như một tuyên bố về ý đồ đối với sinh mạng của người bị nhắm đến. Tôi có lý do để kết luận rằng người muốn đặt tôi vào vòng quyền lực của anh ta mà không có sự chấp thuận của tôi, sẽ sử dụng tôi cho sự thỏa mãn của anh ta khi đặt được tôi vào đó, và cũng sẽ hủy diệt tôi khi anh ta nghĩ đến như vậy; vì không ai được phép có ý muốn *đặt tôi trong quyền lực tuyệt đối của anh ta*, trừ khi là cưỡng bức tôi bằng vũ lực, đến mức chống lại quyền có tự do của tôi, tức là biến tôi thành nô lệ. Không để mất tự do cho thứ vũ lực như vậy, đó là an toàn duy nhất cho sự bảo toàn của tôi. [V]à cái giá hợp lý đối với tôi là xem anh ta như một kẻ thù địch với sự bảo toàn của mình, là người sẽ lấy đi cái *tự do* đóng vai trò như một hàng rào phòng vệ cho sự bảo toàn đó; để cho con người đang *ra sức nô lệ hóa* tôi đó, vì thế mà sẽ tự đặt anh ta vào trạng thái chiến tranh với tôi. Người nào, trong trạng thái tự nhiên mà *lấy đi tự do* vốn thuộc về người khác, thì nhất thiết cần giả định rằng cũng sẽ có ý đồ lấy đi thứ khác nữa, đó chính là sự *tự do*

VỀ TRẠNG THÁI CHIẾN TRANH

nền tảng của tất cả những con người còn lại. [N]gười nào, trong trạng thái xã hội mà lấy đi *tự do* vốn thuộc về những người khác hay thuộc về toàn thể cộng đồng trong xã hội, thì nhất thiết cần giả định rằng cũng sẽ có ý đồ lấy đi của họ thứ khác nữa, và vì thế người đó bị xem như đang *trong trạng thái chiến tranh*.

§18. Điều này đem lại tính hợp pháp cho một người khi *giết một kẻ trộm*, vốn không hề gây ra chút đau đớn nào cho người này, mà cũng không tuyên bố ý đồ nào đối với sinh mạng của anh ta - không có gì hơn là trộm. [B]ằng cách sử dụng vũ lực, khi kẻ trộm lấy đi tiền bạc hay thứ gì đó đem lại sự thỏa mãn, anh ta đã đặt kẻ trộm này vào phạm vi quyền lực của mình. [V]ì việc sử dụng vũ lực ở một phạm vi mà ai đó không có quyền dùng, nhằm đặt tôi vào vòng quyền lực của anh ta, khiến tôi không có lý do gì để nghĩ rằng anh ta - người sẽ *lấy đi tự do của tôi* khi có tôi trong vòng quyền lực của mình - sẽ không đòi hỏi lấy đi thứ khác nữa; nên sẽ là hợp pháp để tôi hành xử với anh ta như là người *tự đặt mình vào trạng thái chiến tranh* với tôi, tức là tôi có thể giết anh ta nếu được. [D]o mỗi nguy hiểm mà một người phải tự phô bày ra, bất kỳ ai cũng có thể bước chân vào trạng thái chiến tranh và trở thành *kẻ gây hấn* trong trạng thái đó.

§19. Và ở đây chúng ta có được sự *khác biệt rõ rệt giữa trạng thái tự nhiên và trạng thái chiến tranh*, điều mà một số người vẫn lúng túng. [G]iữa chúng có

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

một khoảng cách xa, cũng như sự cách xa giữa trạng thái của hòa bình, thiện chí, tương trợ và bảo toàn, với trạng thái của sự thù địch, ác tâm, bạo lực và hủy diệt lẫn nhau, lần lượt từ người này đến người khác. Khi người ta sống với nhau theo lý trí, không có một phẩm vị thế tục cao hơn nào trong cộng đồng, với thẩm quyền để phán xử giữa những con người đó, thì đây *đích thị là trạng thái tự nhiên*. Nhưng khi vũ lực hay một ý đồ vũ lực công khai nhắm vào những cá nhân khác, ở nơi cũng không có phẩm vị cao hơn đó để người ta có thể cáo kiện đến yêu cầu cứu giúp, thì đó là *trạng thái chiến tranh*. [V]à sự thiếu vắng một nơi để cáo kiện như thế sẽ thậm chí cho người ta cả cái quyền chiến tranh để chống lại *kẻ gây hấn*, cho dù hấn ta sống trong xã hội và là một người đồng bào [với người bị gây hấn].

Vì thế, với một *kẻ trộm* mà vốn tôi không thể gây hại gì ngoài việc cáo kiện với luật pháp về tất cả những gì đáng giá của tôi đã bị lấy mất, thì tôi lại có thể ra tay giết khi hấn tấn công tôi nhằm cướp đi con ngựa hay cái áo choàng; bởi luật này - vốn được làm nên vì sự bảo toàn của tôi, lại không thể can thiệp để bảo vệ sinh mạng tôi trước vũ lực hiện thời, là cái mà nếu mất đi thì không gì có thể bồi thường - cho phép tôi tự bảo vệ lấy mình và thực hiện quyền chiến tranh, một quyền tự do để giết chết kẻ gây hấn, vì hấn ta không cho tôi có thời gian để cáo kiện đến người phán xử chung của chúng tôi, mà phán quyết của luật pháp cũng

VỀ TRẠNG THÁI CHIẾN TRANH

không đem lại được phương cách nào trong trường hợp có sự tổn hại không thể nào cứu vãn được. *Thiếu vắng người phán xử chung có thẩm quyền luôn đặt mọi người vào một trạng thái tự nhiên; vũ lực mà không mang quyền, nhấm vào cá nhân con người, luôn tạo nên trạng thái chiến tranh, cả ở nơi có và không có người phán xử chung.*

§20. Nhưng khi vũ lực thực tại qua đi, *trạng thái chiến tranh chấm dứt* giữa những người sống trong xã hội, và cả hai phía đều bình đẳng trong việc phải phục tùng quyết định công minh của pháp luật; vì khi ấy có những điều hợp lệ để mở ra phương cách cáo kiện cho sự phương hại của quá khứ và ngăn ngừa việc thiệt hại trong tương lai. [N]hung ở nơi không có được sự cáo kiện này, như trong trạng thái tự nhiên, do thiếu vắng những luật xác thực và các quan tòa có thẩm quyền để cáo kiện đến, thì *trạng thái chiến tranh, một khi đã bắt đầu, sẽ tiếp tục* với quyền của phía không gây hại được tiêu diệt người kia bất cứ khi nào anh ta có thể, cho đến khi kẻ gây hấn đưa đề nghị hòa bình và mong muốn hòa giải, theo những điều khoản có thể sửa chữa những sai lầm mà hấn đã làm và bảo vệ cho người không gây hại trong tương lai. Ngược lại, nơi nào có thể cáo kiện đến luật pháp và các phán quan được thiết định, khi mà những điều hợp lệ mở ra nhưng phương cách cứu chữa đó thì lại bị phủ nhận bởi sai lầm rõ rệt của công lý và có sự bóp méo tráo đổi với luật pháp, nhằm bảo vệ cho

bạo lực của một số người hay một phe đảng, hoặc nhằm bảo đảm gây ra những phương hại [cho số khác], thì nơi đó khó mà hình dung điều gì khác ngoài một *trạng thái chiến tranh*, vì hễ nơi nào bạo lực được sử dụng, phương hại bị gây ra, dù từ những bàn tay được chỉ định vào vị trí thực thi công lý, thì đó vẫn là bạo lực và phương hại dù có được tô vẽ bằng danh xưng, những điều ngụy tạo, hay những hình thức nào đó của luật. [M]ục đích của luật pháp là bảo vệ và bồi thường cho người vô tội, bằng việc áp dụng một cách không thiên vị đối với tất cả những ai sống dưới sự chi phối của nó; nhưng hễ nơi đâu mà sự *lừa dối* được thi hành, *chiến tranh* được thực hiện nhắm vào những người phải cam chịu, vốn không hề có nơi nào để cáo kiện nhằm chinh đốn lại, thì trong những trường hợp như vậy, phương cách giải quyết chỉ là để mặc cho họ kiện cáo đến trời cao.

§21. Tránh đi trạng thái chiến tranh này (ở nơi không thể cáo kiện đến trời cao, và là nơi mà ngay mỗi khác biệt nhỏ nhất cũng có khuynh hướng đi đến cùng, nơi mà không có một thẩm quyền nào để phân xử giữa các đối thủ) là một *nguyên do cao cả của việc người ta tự đặt mình vào [trạng thái] xã hội* và rời bỏ trạng thái tự nhiên; vì nơi đâu có một thẩm quyền, một quyền lực mà từ đó sự cứu giúp có thể có được bằng việc cáo kiện, nơi đó sự tồn tại của trạng thái chiến tranh bị loại trừ, và tranh cãi được phân xử từ quyền lực này. Có một tòa án nào như

VỀ TRẠNG THÁI CHIẾN TRANH

vậy đâu, có một cơ quan tài phán cao hơn nào như vậy đâu, để phân xử lẽ phải giữa *Jephtha* và người *Ammon*²², để họ không bao giờ đi đến trạng thái chiến tranh? [M]à ta thấy rằng ông đã buộc phải cáo với trời cao, ông nói: *đấng Phán xét tối cao là người phân xử vào lúc này, giữa con cái của người Israel và con cái của người Ammon* (Judg. xi. 27)²³, và rồi tiếp sau, dựa trên lời cáo đó của mình, ông dẫn đầu đoàn quân ra trận. [V]ì thế, trong những tranh cãi như vậy, vấn đề được đặt ra là *ai sẽ là người phán xử?* Nó không thể mang nghĩa là ai sẽ quyết định cuộc tranh cãi; mọi người đều biết điều mà *Jephtha*

²² *Jephtha* (*Jephthah*) là người thứ chín trong số mười lăm phán quan thuộc thời đại của các phán quan tại Israel, những người đóng vai trò thủ lĩnh, người lãnh đạo cao nhất lúc đó, trước khi bước vào thời đại của các vị vua. *Jephtha* đã từng bị người những người anh em cùng cha khác mẹ của mình đuổi khỏi Gilead, phải đến Tob cư trú. Nhưng khi người Israel tiến hành chiến tranh chống lại người *Ammon*, họ tìm kiếm người được cho là Chúa trời đã chọn để lãnh đạo, và đó chính là *Jephthah*.

Xin lưu ý rằng mười lăm phán quan này, theo cách hiểu của các tài liệu Thiên chúa giáo, là những người thực hiện các phán xét của Chúa chứ không phải người làm công việc phân xử. Tuy nhiên, với các bản văn thể tục, “phán quan” vẫn được hiểu theo nghĩa sau, mà như ta thấy ở đây, các nhân vật và “điên tích” trong kinh thánh vẫn được Locke dùng để dẫn giải cho việc cần có người phân xử các tranh chấp thể tục, giữa những con người thể tục, khi ông đề cập đến trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội.

²³ Quyển *Thủ lĩnh* (hoặc *Phán quan*), Cựu ước.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

nói với chúng ta ở đây, rằng *đấng Phán xét tối cao* sẽ phán xử. Nơi không có người phán xử chốn trần thế, sự *cáo kiện* hợp lệ là đến Thượng đế nơi trời cao. Câu hỏi này không có nghĩa là ai sẽ phán xử, dù người khác có tự đặt mình vào trạng thái chiến tranh với tôi hay không, và tôi có thể, như *Jephtha* đã làm, cáo kiện đến trời cao hay không? Về điều đó, tự tôi chỉ có thể là người phán xử bằng lương tâm của chính mình, như tôi sẽ trả lời cho *đấng Phán xét tối cao* của tất cả mọi người, vào cái ngày phán xét cuối cùng.

CHƯƠNG IV

VỀ TÌNH TRẠNG NÔ LỆ

§22. *Quyền tự do tự nhiên* của con người, là sự tự do trước bất kỳ quyền lực cao hơn nào nơi trần thế và không chịu sự chi phối của ý chí hay thẩm quyền lập pháp, mà chỉ có luật tự nhiên dùng làm quy tắc cho họ. *Quyền tự do của con người, trong xã hội*, cũng không đặt dưới quyền lực lập pháp nào khác ngoài cái được thiết lập - bằng sự chấp thuận - trong cộng đồng quốc gia; mà cũng không đặt dưới sự thống trị của bất kỳ ý chí nào, hay trong sự kiểm tỏa của bất kỳ luật lệ nào ngoài cái mà cơ quan lập pháp đó sẽ ban hành, theo đúng sự uỷ thác đã đặt vào nó. Khi đó *tự do* không phải là cái mà Sir Robert Filmer nói với chúng ta (O, A. 55), rằng *quyền tự do đối với mỗi người là để thực hiện điều mà mình dự trù, để sống theo như mình thích, và không bị ràng buộc vào bất kỳ luật lệ nào; mà tự do của con người dưới một chính quyền*, là có một quy tắc để tất cả sống theo đó, nó tồn tại thường trực và chung cho mọi người trong xã hội, được định ra từ quyền lực lập pháp đã được xã hội dựng lên. *Quyền tự do* tuân theo ý chí của riêng tôi hiện diện ở mọi việc, khi mà quy tắc đó không quy định -

và cũng không phải là - sự khuất phục trước một ý chí bất định, không chắc chắn, mơ hồ và độc đoán của người khác; trong khi *tự do của trạng thái tự nhiên* là không sống dưới sự kiểm tỏa nào khác ngoài luật tự nhiên.

§23. Một sự *tự do* như thế, không rơi vào quyền lực chuyên chế, độc đoán, là hết sức thiết yếu và gắn kết chặt chẽ với sự bảo toàn của một con người, mà anh ta *không thể* từ bỏ nó trừ phi cùng lúc đánh mất sự bảo toàn và sinh mạng của mình. Vì khi một con người mà không có quyền đối với mạng sống của chính mình, sẽ không thể bằng sự thỏa thuận hay chấp thuận của bản thân để *biến mình thành nô lệ* cho người khác; mà anh ta cũng không thể tự đặt mình dưới quyền lực chuyên chế, độc đoán của người khác, để người này lấy đi sinh mạng của anh ta khi hắn muốn. Không ai có thể cho anh ta thêm quyền lực [đối với bản thân mình] hơn những gì chính anh ta có; và anh ta không thể lấy đi sinh mạng của chính mình, không thể đặt một quyền lực khác lên sinh mạng đó. Thật sự là sau một lỗi lầm khiến có thể đánh mất cuộc sống của riêng mình, do hành động đáng chết nào đó, thì người mà anh ta phải giao phó sinh mạng (khi người này nắm anh ta trong phạm vi quyền lực của mình) có thể trì hoãn việc lấy đi mạng sống và dùng anh ta để phục dịch cho riêng mình; và bằng việc đó, người này không gây cho anh ta thương tích gì. Đến một lúc nào đó, khi nhận thấy sự gian khổ của tình trạng *nô lệ* là quá nặng nề so với giá trị sinh mạng của mình, thì bằng việc

VỀ TÌNH TRẠNG NÔ LỆ

chống lại ý chí của chủ nhân, anh ta đưa bản thân tới cái chết mà anh ta muốn. [Đ]iều đó thuộc về quyền của anh ta [đôi với bản thân mình].

§24. Đây là điều kiện hoàn hảo của *tình trạng nô lệ*, vốn không là gì khác ngoài *một trạng thái chiến tranh được tiếp nối, giữa người đi chinh phạt hợp pháp với người bị bắt*, vì nếu một khi *giao ước* được họ đưa ra xem xét và làm thành một thỏa thuận, trao quyền lực có giới hạn cho một phía và đặt sự tuân phục vào phía kia, thì trạng thái chiến tranh và *tình trạng nô lệ* chấm dứt - miễn là cái *giao ước* đó tồn tại, vì - như đã được nói - không ai có thể, bằng sự thỏa thuận, chuyển sang cho người khác cái mà bản thân anh ta không tự có, là một quyền đặt trên sinh mạng của chính mình.

Tôi thừa nhận rằng chúng ta nhận thấy người Do Thái, cũng như các dân tộc khác, là những người đã tự bán mình, nhưng rõ ràng đó chỉ là để nhận lấy một *thân lao dịch, không phải một kiếp nô lệ*²⁴, vì rành rành là người bán mình không phải sống dưới một quyền lực tuyệt đối, độc đoán, bạo ngược, vì người

²⁴ Người Do Thái từ Canaan vào sinh sống trong đất Ai Cập khi Jojeph (con thứ mười một của Jacob) trở thành tể tướng của xứ này. Nhưng sau khi Jojeph chết đi cùng với quyền hành của ông, dân Ai Cập tỏ ra nghi ngờ người Do Thái khi những người di cư này đang tăng lên về số lượng, và kết quả là họ bị biến thành nô lệ trong bốn trăm năm. Thời kỳ này chấm dứt bằng cuộc di dân tập thể của người nô lệ Do thái rời khỏi Ai Cập, dưới sự dẫn dắt của Moses, được ghi lại bằng sự kiện Di cư.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

chủ không lúc nào có được quyền hạn để giết anh ta, và vào một thời điểm xác định phải trả tự do cho người phải phục dịch đó. [C]hủ nhân của một nô tỳ như thế khác rất xa việc có một quyền lực độc đoán lên sinh mạng của người này, mà dù muốn ông ta cũng không thể làm hại đến mức gây ra tội nguyên ngoai việc làm mất đi một con mắt hay cái răng để trả tự do cho anh ta (Exod. xxi)²⁵.

²⁵ Quyền Xuất hành (*Di cư*), Cựu ước.

CHƯƠNG V

VỀ SỞ HỮU

§25. Dù chúng ta có xét đến *lẽ phải* tự nhiên hay không, điều vốn nói rằng con người, một khi được sinh ra, có quyền bảo toàn đôi với bản thân họ, và do đó, ăn, uống và những việc khác tương tự như thế, là những nỗ lực tự nhiên cho sự tồn tại của họ; hay có xét đến *Sách Khải huyền*²⁶ hay không, mà nội dung cho chúng ta một kiến giải về những ban tặng mà Thượng đế đã làm nên thế giới này cho Adam, cho Noah²⁷, và cho các con trai của ông; thì hoàn toàn rõ ràng là Thượng đế, như Vua David²⁸ nói

²⁶ Sách Khải huyền: quyền cuối trong Tân ước.

²⁷ Noah: tổ phụ đời thứ mười (tính từ Adam). Năm Noah sáu trăm tuổi, Chúa trời quyết định trừng phạt loài người vì sự xấu xa của họ, nhưng nhận thấy ông là người chính trực, Thượng đế báo trước về tai họa sắp tới, bảo ông đóng một chiếc thuyền lớn cho gia đình và đem theo lên đó muôn thú, mỗi loài có đực và cái. Con đại hồng thủy một trăm năm mươi ngày ập đến, mọi vật đều chết trừ những gì có trên thuyền của Noah. Khi nước rút đi, vị trí của con thuyền này là trên ngọn núi Ararat.

²⁸ David: vua thứ hai của Vương quốc Israel thống nhất (1011?-971 TCN).

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

(Psalm. cxv. 16)²⁹, đã trao tặng Trái đất này cho con cái của con người; đã trao tặng nó cho cả loài người. Nhưng giả định rằng có một số người gặp phải khó khăn rất lớn để hiểu được là bằng cách nào mà một người, vào lúc nào đó lại có được *sở hữu* đôi với một vật. [T]ôi sẽ không tạm bằng lòng để trả lời, rằng nếu việc tạo lập *sở hữu* là khó khăn, dựa trên giả thuyết là Thượng đế đã trao thế giới này cho Adam và con cháu của ông nói chung, thì không thể là bất kỳ ai khác ngoài một quốc vương hoàn cầu là có được *sở hữu* theo giả định Thượng đế đã ban tặng thế giới cho Adam và những người thừa kế ông theo tuần tự, và loại trừ quyền này đối với tất cả những con cháu khác còn lại. [T]ôi sẽ cố gắng để cho thấy rằng bằng cách nào mà người ta có thể có *sở hữu* ở những phần khác nhau [trong cái tổng thể] mà Thượng đế đã trao tặng cho loài người nói chung, và đó là điều mà không có bất kỳ giao ước nào của toàn thể thường dân thể hiện ra.

§26. Thượng đế đã trao tặng thế giới này chung cho tất cả mọi người, và cũng đã cho họ lý do để sử dụng nó nhằm có được sự thuận lợi nhất và sự tiện nghi cho cuộc sống. Trái đất và tất cả những gì trên đó được trao cho con người, để nuôi nấng và đem lại sung túc cho sự sống của họ. Tất cả cây trái mà nó tạo ra và thú vật mà nó nuôi ăn, một cách tự nhiên, là thuộc chung của cả loài người khi mà chúng được tạo ra từ bàn tay tự phát của tự nhiên,

²⁹ Quyền Thánh vịnh (hay Thánh thi), Cựu ước.

VỀ SỞ HỮU

và nguyên thủy không ai có quyền thống trị riêng của mình để có thể loại trừ phân loài người còn lại - bất kỳ ai trong số đó, vì họ cũng ở vào một trạng thái mặc nhiên như thế. [N]hưng dù có như vậy, việc trao tặng cho con người sử dụng nhất thiết phải có biện pháp để chiếm giữ chúng, theo cách này hay cách khác, trước khi chúng có thể là một vật để sử dụng, hay tối thiểu là có ích đối với một người cụ thể nào đó. Những thứ cây trái, thịt thú săn được dùng để nuôi sống một người *Indian* hoang dã - vốn chưa biết gì về việc rào đất lại và vẫn còn là người chủ chung của đất - phải là những thứ thuộc về người *Indian* này, và vì thế đó là một phần của anh ta mà người khác không còn quyền gì đối với chúng, trước khi chúng có thể đem lại lợi ích nào đó để nuôi sống anh ta.

§27. Dù Trái đất và tất cả sinh vật cấp thấp là của chung đối với mọi người, thế nhưng mỗi người vẫn có một *sở hữu* riêng đối với cá nhân con người mình, và không một ai có bất cứ quyền gì đối với *sở hữu* này ngoài anh ta. *Lao động* của cơ thể anh ta, *sản phẩm* của đôi tay anh ta - hoàn toàn có thể nói - đích thị là của anh ta. Vậy thì bất cứ thứ gì anh ta lấy ra từ trạng thái mà tự nhiên đã cung cấp và đã để mặc ở đó, anh ta đã trộn lẫn *lao động* của mình và đã kết gắn vào nó bằng cái gì đó vốn là của riêng anh ta, và bằng cách này mà khiến cho nó trở thành *sở hữu* của mình. Nó được anh ta đưa ra khỏi trạng thái tự nhiên chung, vì sự *lao động* này đã thêm vào nó cái gì đó khiến loại trừ quyền chung của những

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

người khác. *Lao động* là sở hữu không thể nghi ngờ của người lao động, nên không một ai ngoài anh ta có quyền đòi với cái mà đã một lần được anh ta kết gắn vào, ít nhất là ở nơi [mà những thứ đó vẫn] có đủ và cũng tốt như thế được để lại chung cho những người khác.

§28. Anh ta được nuôi sống bằng các quả nhặt được dưới một cây sồi, hay các quả táo thu lượm từ cây rừng, những thứ mà anh ta chắc chắn đã chiếm giữ cho bản thân mình. Không ai có thể phủ nhận số thực phẩm này là của anh ta. Vậy tôi hỏi rằng chúng đã khởi sự là của anh ta khi nào? Anh ta đã sắp xếp chúng khi nào? Anh ta đã ăn khi nào hay đã đun nấu khi nào? Anh ta đã đem chúng về nhà khi nào hay đã nhặt chúng khi nào? Và rõ ràng là nếu việc thu lượm ban đầu này mà không khiến chúng là của anh, thì không một ai khác nữa lại có thể sở hữu chúng. *Lao động* đó đã tách biệt giữa chúng với cái chung, đã thêm vào chúng cái gì đó hơn là cái mà tự nhiên - người mẹ chung của tất cả - đã làm, và vì thế chúng đã trở thành cái thuộc về tư quyền của anh ta.

[V]à sẽ có ai đó không, nói rằng anh ta không có quyền gì với số quả sồi hay quả táo mà từ lao động này anh ta đã chiếm giữ, vì không có sự chấp thuận của toàn thể loài người để khiến cho chúng là của anh; rằng đó là ăn cướp vì anh ta đi nhận về cho bản thân mình cái chung vốn thuộc về tất cả? Nếu sự chấp thuận như vậy mà nhất thiết phải có, thì

VỀ SỞ HỮU

con người đã chết đói, cho dù có sự sung túc mà Thượng đế đã trao tặng. Chúng ta thấy là ở những vùng *đất công*, vốn duy trì bằng một giao ước, việc lấy đi một phần nào đó từ đó và đưa nó ra khỏi tình trạng mà tự nhiên đã để mặc như thế, là điều *sẽ khởi đầu cho sở hữu*. Và việc lấy đi phần này hay phần kia không phụ thuộc vào sự chấp thuận được diễn đạt ra của tất cả dân chúng. Vì thế, đám cỏ mà ngựa của tôi đã ngoạm, lớp đất mà người hầu của tôi đã xén cỏ, và số quặng mà tôi đã đào ở đâu đó, vốn là những nơi tôi có quyền chung cùng với những người khác, đã trở thành *sở hữu* của tôi mà không có sự chỉ định hay chấp thuận của bất kỳ ai. Lao động của tôi là cái thuộc về tôi, việc đưa những gì khỏi trạng thái chung mà chúng từng ở trong đó *đã cố định sở hữu* của tôi vào chúng.

§29. Với việc nhất thiết phải công khai tỏ rõ sự chấp thuận từ phía mỗi người trước bất kỳ sự chiếm giữ nào cho riêng mình của một người đối với một phần bất kỳ trong cái đã được trao tặng chung, thì con cái hay tôi tớ không thể cắt vào miếng thịt mà người cha hay chủ nhân đã chu cấp chung cho họ nếu không có sự phân chia đến từng người riêng biệt phần của người đó. Dù nước chảy trong sông suối là của chung đối với mọi người, nhưng ai lại có thể nghi ngờ rằng nước trong một cái bình là của chính người đã múc nó ra? *Lao động* của người này đã lấy nó ra khỏi đôi tay của mẹ tự nhiên, nơi dành chung cho tất cả và *thuộc sở hữu* như nhau đối với con cháu của người, và vì thế

mà anh ta *đã vừa chiếm giữ* phần nước đó cho chính mình.

§30. Như thế, luật lý trí này khiến cho một con hươu thuộc về người *Indian* nào đã giết nó, cho phép nó trở thành tài sản của anh ta, là người đã đặt lao động của mình vào nó, dù trước đó nó vẫn thuộc về cái quyền chung nơi mỗi người. Và trong số những người được xem là đã khai hóa của loài người, đã làm nên và nhân rộng các luật xác thực để xác định sở hữu, thì luật tự nhiên nguyên thủy này - nhằm *khởi sự cho sở hữu* đối với cái đã là của chung trước đó - vẫn còn khai triển. [B]ởi thế, con cá mà ai đó bắt được ngoài biển, là một nơi rộng lớn và vẫn còn là của chung cho loài người, hay những mảng long diên hương³⁰ mà ai đó lấy được cũng từ đây, thì *bằng lao động* như thế đã đưa nó khỏi trạng thái chung mà tự nhiên đã để mặc đó, làm nên *sở hữu* cho người đã lưu tâm đến nó. Và ngay cả trong số chúng ta, con thò mà bất kỳ ai đang săn sẽ được cho là của người truy đuổi nó trong cuộc săn; vì với một con thú vẫn được coi là của chung và không là tài sản riêng của một ai, thì bất kỳ ai sử dụng nhiều lao động, thuộc bất kỳ loại nào, để tìm kiếm và săn đuổi nó, đều vì thế mà đã

³⁰ Long diên hương (*ambergris*): một chất giống như sáp, dễ cháy, màu tro hoặc hơi đen ở dạng bóng mờ loang lổ kiểu cẩm thạch, có trong ruột cá nhà táng; thường tìm thấy trên mặt biển ở một số vùng nhiệt đới; được dùng như chất hãm màu trong công nghệ nước hoa; nay đã tổng hợp nhân tạo được.

VỀ SỞ HỮU

đưa nó ra khỏi trạng thái tự nhiên - dù ở bất kỳ khía cạnh nào khi nó từng là của chung - và *đã vừa bắt đầu một sở hữu*.

§31. Có lẽ điều vừa nói sẽ bị phản đối, rằng nếu việc lượm lặt các quả sồi hay những cây trái khác trên trái đất này mà lại đem cho người ta quyền đối với chúng, thì bất kỳ ai cũng có thể *choán giữ* ở mức tối đa có thể được. Về điều này, tôi trả lời là không phải thế. Cùng một luật tự nhiên, với tư cách công cụ đem lại cho chúng ta sở hữu, nó đồng thời cũng *ràng buộc sở hữu* đó. *Thượng đế đã hào phóng cho chúng ta mọi thứ* (I Tim. vi. 17)³¹, thì tiếng nói của lý trí được chúng thực bởi cảm hứng. Thế nhưng, ngài đã trao tặng cho chúng ta đến mức nào? Chính là *để hưởng thụ* chúng. Đến mức tối đa có thể được mà một người sử dụng đến, vì bất kỳ lợi ích nào của cuộc sống, trước khi nó hư thối, ở mức mà anh ta có thể cố định sở hữu vào đó bằng lao động của mình. Bất cứ thứ gì vượt quá điều này là cái lớn hơn phần của anh ta, và thuộc về những người khác. Không có gì được Thượng đế tạo ra cho con người để rồi lại hư thối hay tiêu hủy [vô ích]. Và vì thế, xét đến sự dồi dào của thực phẩm tự nhiên đã có từ lâu trên thế giới này so với một lượng ít người tiêu dùng, và đến phần quá nhỏ của lượng thực phẩm mà sự cần cù của một người có thể mở rộng nó đến tối đa và choán giữ số thực phẩm đó trước thành kiến của người khác; đặc biệt là việc kiểm

³¹ Quyển *Timothy I*, Tân ước.

giữ trong vòng *giới hạn*, do lý trí sắp đặt, đối với cái có thể phục vụ cho việc *sử dụng* của anh ta; thì có thể sẽ có ít chỗ cho cãi cọ hay bất đồng về việc sở hữu được thiết lập theo cách như thế.

§32. Nhưng hiện nay, *vấn đề chủ yếu của sở hữu* không phải là cây trái của Trái đất và thú vật sống trên đó, mà về *chính Trái đất*. [N]hư vấn đề đã dẫn đến, cũng như tất cả những gì kèm theo với nó, tôi cho rằng rõ ràng là *sở hữu* đó cũng có được như *sở hữu* đối với cây trái và thú vật. *Càng nhiều* đất đai mà một người có thể cày xới, trồng trọt, mở mang, bồi bổ, thì càng nhiều sản phẩm thuộc *sở hữu* của riêng mình mà anh ta có thể sử dụng. Có thể nói với lao động của mình, chính là anh đã rào phần đất này lại, tách khỏi đất chung.

[C]ũng sẽ không thể làm mất hiệu lực đối với quyền của anh ta khi nói rằng mọi người khác đều có cùng một tư cách đối với phần đất đó, và vì thế anh ta không thể chiếm giữ, không thể rào đất mà không có sự chấp thuận của tất cả thường dân đồng bào của anh, của tất cả loài người. Thượng đế, khi trao tặng cho anh ta thế giới này chung với tất cả loài người, cũng đã ra lệnh cho con người phải lao động, và cảnh cùngth khổ của mình đòi hỏi người đó phải lao động. Thượng đế và lý trí của bản thân đã ra lệnh cho anh ta khai khẩn Trái đất này, tức là phải cải thiện cho nó vì lợi ích của cuộc sống, và từ đó mà đặt lên nó cái vốn là của riêng anh ta, tức lao động của bản thân. Anh này, theo mệnh lệnh như

VỀ SỞ HỮU

thế của Thượng đế, đã khai hoang, cày xới, gieo hạt trên một phần nào đó của Trái đất, từ đây mà đã sáp nhập vào nó cái đã là *sở hữu* của anh ta mà người khác không có tư cách gì, và không thể không gây phương hại nếu tách nó khỏi anh.

§33. Việc *chiếm giữ* như thế đối với mảnh đất bất kỳ, bằng cách cải thiện nó, cũng không có thành kiến nào đối với người khác, vì vẫn còn đủ đất, và là đất tốt, được để lại, nhiều hơn là số đất không thể sử dụng. Đến mức độ là trên thực tế, đã không bao giờ còn ít đất được để lại cho người khác do việc rào đất mà một người thực hiện cho riêng mình, vì người đó luôn để lại số đất đai nhiều bằng từng ấy số người còn lại có thể sử dụng đến, và cũng tốt đến mức họ không phải thực hiện điều gì cả. Không ai có thể nghĩ rằng người nào đó đã gây thiệt hại bằng việc uống mất phần của người khác dù anh ta có hớp được một ngụm ngon lành, khi mà có cả một dòng sông cùng một vị nước vẫn còn đó cho họ, để làm dịu cơn khát. [V]à trường hợp của đất và nước, nơi có đủ cho cả anh ta và người khác, là hoàn toàn như nhau.

§34. Thượng đế đã trao tặng thế giới này chung cho con người, nhưng bởi ngài trao nó là vì lợi ích của họ và vì những tiện nghi cao nhất của cuộc sống mà họ có thể khai thác từ nó, nên không thể cho là ngài muốn nói rằng nó phải luôn duy trì trong trạng thái của chung và không khai phá. Ngài đã trao nó cho người *siêng năng và có lý trí sử*

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

dụng (và *lao động* đã là *tư cách* của anh ta đối với nó), không phải trao cho người thích huyễn tưởng hay cho sự tham lam của những người thích cãi cọ và sinh sự. Ai có được phần đất tốt dành để tiếp tục cải thiện, như đã tiếp nhận được nó, thì không cần phải than phiền, không cần phải xen vào phần đã được cải thiện từ lao động của người khác. [N]ếu làm thế, rõ ràng là người này đã mong muốn lợi ích từ những khó nhọc của người khác, điều mà anh ta không hề có quyền. [V]à vấn đề không phải là ở đất đai Thượng đế đã trao tặng cho anh ta chung với người khác, để lao động trên đó; không phải là phần được để lại cũng tốt như phần đã chiếm hữu, là của ai; mà vấn đề đúng ra là anh ta biết phải làm gì, hay sự cần cù của anh ta có thể đạt đến đâu.

§35. Sự thật là ở đất chung ở Anh hay ở bất kỳ nước nào khác, nơi dưới sự cai quản của chính quyền là đông đảo người dân có tiền bạc và hoạt động thương mại, không ai có thể rào hay chiếm giữ phần đất nào đó mà không có sự chấp thuận của tất cả đồng bào thường dân của anh ta, vì đây là phần đất chung để lại từ thỏa ước, tức là từ luật đất đai mà không thể bị xâm phạm. Đối với một số người, dù là đất chung, nó không vì thế mà thuộc về toàn bộ loài người, mà là sở hữu chung của đất nước này hay giáo phận này. Bên cạnh đó, phần đất còn lại, sau khi đã rào như thế, sẽ không còn là phần tốt đối với số dân chúng còn lại như khi còn là phần tổng thể mà mọi người đều có thể sử dụng đối với toàn bộ đất đai.

VỀ SỞ HỮU

[T]rong khi đó, vào lúc khởi đầu, và với những người đầu tiên định cư trên đất đai chung rộng lớn của thế giới, thì lại theo một cách rất khác. Luật pháp mà con người đã sống theo đó, đúng ra là dành cho sự *chiếm giữ* [những gì mà tự nhiên đã để mặc đó]. Thượng đế đã ra lệnh, và các nhu cầu buộc người ta phải *lao động*. Đó là sở hữu của một người, là cái không thể bị tước khỏi anh ta ở bất kỳ đâu, khi đã cố định sở hữu vào nó. Và từ đây, ta thấy việc khai hoang hay bồi bổ đất đai trên Trái đất và việc có quyền chiếm hữu, là được liên kết vào nhau. Vì thế mà Thượng đế, bằng mệnh lệnh khai khẩn đất đai, cũng đã trao ra một thẩm quyền xa hơn, là *chiếm giữ* nó. [V]à điều kiện của đời sống con người, vốn đòi hỏi lao động và chất liệu để làm việc, nhất thiết đưa đến *chiếm hữu tư nhân*.

§36. Về hạn mức của sở hữu, tự nhiên đã sắp đặt hợp lý từ phạm vi của *hoạt động lao động của con người và tiện nghi của cuộc sống*. Không có sự lao động của một ai có thể khai khẩn và chiếm giữ tất cả, mà thụ hưởng của anh ta cũng không thể dùng đến hơn một phần nhỏ. [V]ì thế mà không thể xảy ra việc ai đó, theo cách này, xâm phạm đến quyền [khai khẩn và chiếm hữu] của người khác, hay giành cho riêng mình một phần sở hữu trước sự thành kiến của láng giềng, là những người vẫn có chỗ cho một phần chiếm hữu cũng tốt và cũng rộng lớn (sau khi người kia đã lấy đi phần của anh ta) như trước khi nó bị *chiếm giữ riêng*. *Hạn mức* này đã hạn chế sự *chiếm hữu* của mỗi người đến một tỷ

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

lệ vừa phải; và những gì một người có thể chiếm giữ cho riêng mình mà không gây thiệt hại cho người khác, trong những buổi đầu của thế giới này, là khi mà người ta có nhiều nguy hiểm để mất - bằng việc đi chệch ra khỏi bầu đoàn chung của họ, trong vùng hoang dại mênh mông của Trái đất khi đó - hơn là việc bị túng quẫn trước nhu cầu có chỗ để trồng trọt.

[V]à cùng một *hạn mức* là điều có thể được cho phép mà không gây thành kiến với bất kỳ ai, ở mức trọn vẹn mà thế giới này dường như có. Vì giả định như một người hay một gia đình, trong trạng thái giống như đợt đầu tiên định cư trên thế giới của con cái *Adam* hoặc con cái *Noah*, để cho anh ta trồng trọt ở vùng nội địa và còn bỏ không nào đó của *châu Mỹ*, chúng ta sẽ thấy rằng sự *chiếm hữu* này anh ta có thể thực hiện cho mình, theo những *hạn mức* mà chúng ta đã được cho, thì sẽ không là quá lớn mà cũng không có thành kiến ở phân loài người còn lại - dù là ở ngày nay, hoặc cho họ lý do để than phiền hay nghĩ rằng mình bị thiệt hại do sự xâm phạm của anh ta, dù rằng loài người nay đã trải ra khắp các góc ngách của thế giới và đã vượt quá xa con số nhỏ bé lúc ban đầu. Hơn nữa, phạm vi *đất đai* của sở hữu sẽ có rất ít giá trị nếu *không có lao động*, đến mức tôi nghe quả quyết rằng ở *Tây Ban Nha* tự một người có thể được phép cày xới, gieo hạt và thu hoạch mà không bị quấy nhiễu, trên đất đai mà anh ta không có địa vị gì khác ngoài duy chỉ việc sử dụng nó. Vậy mà còn ngược lại, cư

VỀ SỞ HỮU

dân ở đó nghĩ rằng chính họ chịu ơn anh ta, vì với sự cần cù của mình trên vùng đất hoang phí do bị bỏ bê, anh ta đã làm tăng thêm nguồn cung cấp ngũ cốc của họ, là điều mà họ muốn có. Nhưng sẽ là điều được nói đến sau đây, mà tôi còn chưa nhấn mạnh gì và là điều tôi dám liều lĩnh quả quyết, rằng cùng một *quy tắc về sở hữu* đó - tức là mỗi người cũng phải có ở mức tối đa để có thể sử dụng - vẫn sẽ có ảnh hưởng trên thế giới này mà không có sự khắt khe đối với bất cứ ai, vì nơi đây có đủ đất để đáp ứng cho một lượng cư dân gấp đôi, khi chưa *phát minh ra tiền* và thỏa thuận ngầm của con người nhằm đặt lên nó một giá trị, khiến đưa đến (từ sự chấp thuận) việc có những tài sản lớn hơn và có quyền đối với chúng. [Đ]iều này đã được thực hiện như thế nào, tôi sẽ cho thấy chi tiết hơn ngay bây giờ.

§37. Điều chắc chắn là vào lúc ban đầu, trước khi mong muốn có được nhiều hơn những gì cần đến, con người đã làm thay đổi giá trị thực chất của các sự vật, vốn chỉ phụ thuộc vào tính hữu dụng của chúng đối với đời sống của họ; hoặc họ đã *đồng ý* với nhau, *rằng một mẫu nhỏ kim loại màu vàng*, có thể cất giữ mà không bị hao mòn hay phân hủy, phải đáng giá của một miếng thịt lớn hay bằng cả một đồng ngũ cốc. [Điều này xảy đến] dù người ta, bằng lao động của mỗi người, đã có quyền chiếm giữ cho riêng mình đến mức tối đa những vật *phẩm tự nhiên mà mình có thể sử dụng*, tuy sự chiếm giữ này không thể nhiều được,

mà cũng không tạo nên thành kiến đối với người khác, ở nơi mà cùng một sự dôi dào vẫn còn được để lại cho những người sẽ sử dụng đến với cùng một sự cần cù.

[H]ãy để tôi thêm vào điều này, rằng người chiếm giữ đất cho riêng mình, thông qua lao động của bản thân, không làm giảm bớt mà là làm tăng thêm nguồn cung cấp chung cho loài người, vì thực phẩm dự trữ phục vụ cho việc nuôi sống con người, sản xuất từ một mẫu đất³² đã được rào lại và bồi bổ, (xét trên nhiều phạm vi) là bằng mười lần số thu hoạch được từ một mẫu tương tự, màu mỡ nhưng lại nằm trong cái chung phí phạm. Và bằng việc rào đất đó, anh ta có được tiện nghi cuộc sống từ mười mẫu đất nhiều hơn là những gì anh ta có được từ một trăm mẫu đất vốn để mặc cho tự nhiên, và thật sự có thể nói là giao chín mươi mẫu kia cho loài người, vì lao động của anh ta nay cung cấp một lượng thực phẩm từ mười mẫu bằng với lượng sản phẩm của một trăm mẫu khi còn dưới sở hữu chung. Tỷ lệ tôi đưa ra ở đây về vùng đất được cải thiện là còn rất thấp khi nói đến việc tạo ra sản phẩm của nó chỉ là mười so với một, trong khi nó rất gần với con số một trăm so với một. Tôi muốn hỏi là có hay không, trong những khu rừng hoang dại và bị bỏ lãng phí của châu Mỹ, để mặc cho tự nhiên và không có bất kỳ cái thiện nào, canh tác hay quản lý nào, nơi một trăm mẫu đất tạo ra

³² Một mẫu Anh bằng khoảng 0,4 hecta.

VỀ SỞ HỮU

những cư dân nghèo khổ và túng quẫn, cũng đem lại nhiều tiện nghi cuộc sống như khi làm trên mười mẫu đất màu mỡ tương đương, được bồi bổ tốt ở Devonshire³³.

Trước khi chiếm giữ đất đai, người ta hái lượm hoa quả, giết, bắt hay thuần dưỡng thú vật, ở mức thật nhiều mà một người có thể làm; vì thế mà đối với những sản phẩm tự phát của tự nhiên, anh ta dùng tâm trí của mình cho việc biến đổi chúng - theo cách nào đó - từ trạng thái mà tự nhiên đã đặt chúng vào, *bằng cách* đặt lao động của mình vào đó, và từ việc làm này mà đã có được sở hữu đôi với chúng. [N]hưng nếu trong phần chiếm hữu của anh ta có số bị hủy hoại, không hưởng được công dụng của chúng, nếu hoa quả bị hư thối, nếu thịt săn bị thối rữa trước khi anh ta có thể dùng đến, thì anh ta đã xâm phạm đến luật tự nhiên chung và có khả năng bị trừng phạt: anh ta đã xâm lấn vào phần của người láng giềng, vì anh ta không có quyền đi xa những gì cần thiết cho sự sử dụng của mình trong số mà chúng có thể phục vụ để đem lại cho anh ta những tiện nghi của cuộc sống.

§38. Cùng những hạn mức như vậy đã chi phối đến việc *chiếm hữu đất đai*: bất cứ thứ gì anh ta canh tác và thu hoạch, dự trữ và sử dụng, trước khi bị hư hỏng, đó là thuộc quyền riêng của anh ta; bất cứ thứ gì anh ta đã rào lại, có thể nuôi ăn và sử dụng, gia súc và sản phẩm, cũng là của anh. Nhưng nếu

³³ Devonshire: một tỉnh thuộc vùng tây nam nước Anh.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

cỏ trên đất được rào của anh bị chết, hoặc cây trái trồng trọt của anh bị hư thối mà không được hái lượm hay bảo quản dự trữ, thì phần đất này, bất chấp việc rào lại của anh ta, vẫn bị xem là phí phạm và có thể là tài sản của bất kỳ ai khác.

[V]ì thế, lúc ban đầu, *Cain* có thể lấy một phần đất nhiều nhất mà anh ta có khả năng canh tác, biến nó thành đất của riêng mình, để phần đất còn lại đủ cho việc nuôi cừ của *Abel*, còn một ít mẫu đất sẽ xem như tài sản của cả hai. Nhưng khi các gia đình tăng thêm người và sự cần cù giúp mở rộng thêm các kho dự trữ của họ, nhu cầu của họ đối với tài sản trở nên lớn hơn, nhưng chúng vẫn là của chung mà không có sự cố định sở hữu nào trên vùng đất mà họ cùng sử dụng, cho đến khi họ hợp lại với nhau, định cư cùng nhau, xây dựng các đô thị, và rồi bằng sự đồng thuận, đến lúc họ phân định ranh giới cho các vùng lãnh thổ riêng biệt, đồng ý về những giới hạn giữa họ với những người láng giềng, và bằng luật pháp, họ tự giải quyết với nhau vấn đề sở hữu giữa những người sống trong cùng một xã hội. [C]húng ta thấy, trong vùng đất đó của thế giới, đã có được sự định cư đầu tiên, và vì thế, muốn là khối dân chúng tốt nhất, thậm chí là diễn ra chậm chạp như dưới thời *Abraham*, họ đã nhìn nhor với đàn cừ và đám gia súc làm của cải của họ, thoải mái đi tới đi lui; và điều này *Abraham* đã làm, nơi một đất nước mà ông là người lạ. Do rõ ràng là ít nhất, phần đất đai rộng lớn thuộc về của chung mà cư dân ở đây đã không định giá trị cho nó, mà cũng

VỀ SỞ HỮU

không đòi hỏi sở hữu gì hơn là như đã sử dụng nó. Nhưng khi không còn đủ chỗ trong cùng một nơi, vì các đàn gia súc của họ được nuôi chung, bằng sự đồng thuận, như *Abraham* và *Lot* đã làm (Gen. xiii. 5)³⁴, họ tách rời nhau ra và mở rộng đồng cỏ của riêng mình, ở nơi tốt nhất mà họ muốn³⁵. Và với cùng nguyên do này, *Esau*³⁶ rời khỏi cha và em, đến trồng trọt tại núi *Seir*³⁷ (Gen. xxxvi. 6).

§39. Và vì thế, không thể có việc giả định về sự chiếm hữu riêng và sở hữu tư nào của *Adam* trên khắp thế giới này, ngoại trừ của tất cả những người khác, là điều không cách nào chứng minh được; mà cũng không có bất kỳ sở hữu của ai khác được tạo

³⁴ *Quyền Sáng thế*, Cựu ước.

³⁵ *Abraham*: tổ phụ chung của tất cả người Israel Do Thái giáo, Thiên chúa giáo và Hồi giáo. *Lot* là cháu trai của *Abraham*, đã cùng *Abraham* và gia đình đến Ai Cập. Trong chuyến đi đến Canaan theo lệnh của Chúa trời, *Lot* cũng đi cùng ông, nhưng giữa chừng họ không thể tiếp tục chung đường, vì cả hai đều có đàn gia súc lớn và các mục đồng của họ thỉnh thoảng lại cãi nhau. *Abraham* cho *Lot* chọn nơi lưu trú. *Lot* đi theo hướng đông nam, về vùng đồng bằng gần các đô thị *Sodom* và *Gomorrhah*.

³⁶ *Esau*: con của *Isaac* và *Rebekah*, anh song sinh của *Jacob*. *Esau* mất bầy của *Jacob* khi đổi quyền kế vị của mình (lãnh đạo Israel) cho *Jacob* để lấy một bát cháo hầm.

³⁷ *Seir*: vùng núi kéo dài dọc theo phía đông của *Arabah* (vùng định hình biên giới giữa Israel và Jordan ngày nay), từ điểm tận cùng đông nam *Biên Chết* đến gần *Akah* (phía đông *Biên Đò*, thuộc tây nam Jordan); trước khi được chia cho *Esau* và con cháu, vùng này thuộc bộ tộc của người *Hori* và sau đó là *Edom*.

thành từ đó. [C]hi có giả định là *thế giới* đã được trao tặng - có thể nói như vậy - cho con cái của con người *nói chung*, thì chúng ta sẽ thấy *lao động* khiến người ta tách biệt về địa vị đối với những vùng đất khác nhau của thế giới như thế nào, do sự sử dụng tư riêng của họ. [D]ưới bất kỳ khía cạnh nào, cũng không thể nghi ngờ về quyền [xuất phát từ lao động như thế], và không có chỗ cho cãi cọ ở đây.

§40. Cũng không có gì là quá lạ khi có lẽ xem xét vừa rồi hóa ra là *sở hữu của lao động* có khả năng làm mất cân bằng tính cộng đồng về đất đai, vì *lao động* thật sự đã *đặt sự khác biệt về giá trị* lên mọi thứ. [H]ãy để cho người nào đó xét xem đâu là khác biệt giữa một mẫu đất trồng thuốc lá hay củ cải đường, gieo lúa mì hay lúa mạch, với cũng một mẫu như thế nhưng thuộc của chung, không có sự trông nom, trồng trọt nào trên đó, và anh ta sẽ nhận ra rằng sự cải thiện đất đai từ *lao động tạo nên* phần lớn hơn rất nhiều về *giá trị*. Tôi nghĩ, nếu chỉ tính toán khiêm nhường nhất, các *sản phẩm* hữu dụng của đất dành cho cuộc sống con người, chín phần mười là từ *hiệu quả của lao động*. [K]hông những thế, nếu đánh giá các thứ đúng như bản thân chúng khi ta sử dụng, cộng thêm vài phí tổn cho điều đó, thì cái gì trong chúng thuần túy thuộc về *tự nhiên*, cái gì thuộc về *lao động*, qua đó chúng ta sẽ nhận thấy rằng hầu hết trong số đó, chín mươi chín phần trăm, là hoàn toàn được đặt trên lý giải về *lao động*.

§41. Không thể có một chứng minh nào rõ ràng về điều này hơn là từ một vài dân tộc ở *châu Mỹ*, là

những người giàu có về đất đai nhưng lại nghèo nàn trong tất cả những tiện nghi của cuộc sống, những người mà tự nhiên, như đối với bao nhiêu dân tộc khác, đã hào phóng trang bị cho những chất liệu của sự sung túc, tức là một thổ nhưỡng phì nhiêu, dễ dàng sản xuất dư dật những thứ có thể dùng làm thực phẩm, tạo ra quần áo, và đem lại niềm vui thích. [N]hưng do thiếu vắng sự cải thiện cho nó bằng lao động, họ không có lấy một phần trăm của những tiện nghi mà chúng ta hưởng được; và ông vua của một lãnh thổ rộng lớn và màu mỡ như thế lại ăn, mặc và ở còn tệ hơn là một người lao động công nhật ở Anh.

§42. Để làm cho điều này rõ ràng hơn một chút, chúng ta chỉ cần lần theo vài nguồn vật phẩm bình thường của cuộc sống, trước khi chúng được sử dụng, và xem bằng cách nào mà chúng nhận được các giá trị từ sự cần cù của con người. Bánh mì, rượu và vài vóc là những thứ được sử dụng hàng ngày và có rất dồi dào. [N]hưng dù dồi dào như vậy, thì quả sồi, nước lã, và lá cây hay da thú phải trở thành bánh mì, thức uống và đồ mặc của chúng ta, mà chính lao động cũng không cung cấp những vật phẩm gì hữu ích hơn thế; vì phần *bánh mì* nào cũng có giá trị hơn là các quả sồi, *rượu vang* thì hơn nước, còn *vải* hoặc *tơ* thì hơn lá cây, da hay rêu; và những gì có giá trị hơn này hoàn toàn là từ lao động và sự cần cù. Một vế trong số những thứ vừa nêu là thức ăn và quần áo, thì tự nhiên ở dạng không được trợ giúp [của con người] có thể cung cấp cho chúng ta,

còn về khác là nguồn của những vật phẩm mà sự cần cù và nỗ lực của chúng ta đem lại, là những cái vượt trội về giá trị so với số kia. [D]ù là ai tính toán, người ta cũng sẽ thấy rằng *lao động tạo nên phần lớn nhất trong giá trị* của những gì mà chúng ta hưởng thụ trên thế giới này; và đất đai [tham gia vào việc] sản xuất ra những chất liệu đó, vào một lần bất kỳ hay hầu hết những khi xét đến, hiếm khi được tính vào ngoài một phần rất nhỏ của nó, nhỏ đến mức mà thậm chí là đối với chúng ta, những vùng đất phỏ mặc hoàn toàn cho tự nhiên, không có cải thiện gì về chăn thả, canh tác hay trồng trọt, luôn được gọi là *đất hoang* - như nó thật sự là vậy; và chúng ta sẽ nhận thấy rằng lợi ích của nó không hơn gì mấy so với việc chẳng có gì.

[Đ]iều này cho thấy nhiều người được ưu ái nhắm đến những phần chiếm hữu rộng lớn; và việc gia tăng đất đai đó, cùng với quyền sử dụng chúng là nghệ thuật tuyệt vời của chính quyền. [V]à vị quân vương nào có sự thông thái và thánh tâm, bằng những luật được thiết lập về quyền tự do, nhằm bảo đảm sự bảo hộ và khuyến khích cho sự cần cù lương thiện của loài người, chống lại sự áp bức của quyền lực và tính hạn hẹp đảng phái, sẽ nhanh chóng cứng rắn với những láng giềng của ông. [N]hưng điều này chỉ là tiện thể được đề cập đến, xin trở về với lý lẽ đang được bàn.

§43. Một mẫu đất [được cải thiện] cho ra hai mươi giạ lúa mì, một mẫu khác ở *châu Mỹ* - cùng sử

VỀ SỞ HỮU

dụng nông nghiệp, cũng sẽ như vậy; và không nghi ngờ gì, chúng cũng có cùng giá trị tự nhiên thực. [N]hung lợi ích mà con người nhận được từ mười mẫu này trong một năm đáng giá năm bàng³⁸, còn từ mười mẫu ở châu Mỹ có thể không đáng một xu, nếu tất cả lợi nhuận mà một người *Indian* nhận được - và thổ nhưỡng ở đây nữa - là có giá trị, thì - ít ra tôi có thể nói sự thật - nó không là một phần ngàn [so với ở nơi kia]. Lao động mới là cái đặt phân giá trị lớn nhất lên đất; không có nó đất đai chắc chắn sẽ không đáng giá gì, đến mức là nó đem lại cho chúng ta phần lớn nhất trong số tất cả sản phẩm hữu dụng của đất. [V]ì tất cả những rom, cám, bánh mì của mẫu đất trồng lúa mì đó, đáng giá hơn sản phẩm của cùng một mẫu đất tốt như thế nhưng nằm hoang phí, tất cả là từ hiệu quả của lao động. [V]ì không đơn thuần là sự cố gắng của người cày đất, cực nhọc của người gặt và người đập lúa cùng với mồ hôi của người làm bánh được tính vào trong *bánh mì* chúng ta ăn; lao động của người đã thuần dưỡng gia súc, của người đã đào xới và chế tác đồ sắt và đồ đá, của người đã đồn và đóng khung đồ gỗ được sử dụng cho việc cày xới,

³⁸ Trong văn bản gốc, Locke không dùng chữ hay ký hiệu "bàng" như ngày nay (pound, £), mà là chữ *l*. trong cụm viết tắt LSD của *librae, solidi, denarii* (tức pound, shilling và pence theo hệ thống tiền tệ thập nhị phân ban đầu). Ký hiệu £ chính là xuất phát từ chữ L viết theo kiểu Gothic thường, sử dụng phổ biến ở khắp Tây Âu từ giữa thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XVI.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

làm máy cán, lò nướng, hay bất kỳ vật dụng nào khác vốn nhiều vô số và cần thiết đối với số ngũ cốc này, từ lúc còn là hạt giống được gieo đến khi làm thành bánh mì, tất cả đều phải được *trả* theo một lượng *lao động*, được nhận lấy như là kết quả của lao động đó. [T]ự nhiên và Trái đất hầu như chỉ cung cấp những vật liệu vô giá trị - xét tự thân chúng. Nó là một *cuốn sách giới thiệu lạ lùng về những thứ mà sự cần cù đã cung cấp và làm nên công dụng cho mỗi ổ bánh mì* trước khi đi vào sử dụng của chúng ta. [N]ếu chúng ta phát hiện ra vết tích của những thứ như sắt, gỗ cây, da thuộc, vỏ cây, gỗ mộc, đá, gạch, than, vôi, vải, đồ nhuộm, thuốc uống, dầu hắc, nhựa đường, quả sồi, dây thừng và tất cả vật liệu khác được dùng trên tàu bè, đã tạo nên bất kỳ vật dụng nào đó, được bất kỳ người lao động nào sử dụng, đối với bất kỳ phần nào của công việc, thì chúng ta đều sẽ gán như không thể, hoặc ít ra là mất rất nhiều thời gian, để tính toán tổng số [của những gì có sự tham gia của lao động vào đó để làm nên những vật dụng này].

§44. Từ tất cả những điều hiển nhiên, là dù mọi vật được trao tặng chung, nhưng con người, bằng việc là chủ nhân của bản thân và *chủ sở hữu của riêng cá nhân mình* và của hành động hay *lao động* của nó, trong tự thân mỗi người vẫn có một *nền tảng cao cả cho sở hữu*; và hiển nhiên là cái gì làm nên phần lớn hơn trong số những thứ mà người đó dùng cho việc *nuôi dưỡng* hay thỏa mãn cho sự sống của mình, khi mà phát minh và nghệ thuật đã

VỀ SỞ HỮU

đem lại sự cải thiện cho tiện nghi cuộc sống, thì đó là cái hoàn toàn của riêng mỗi người, không còn thuộc về của chung đối với người khác.

§45. Vì thế, *lao động*, vào lúc khởi đầu, đã đem lại *quyền sở hữu* - ở bất kỳ đâu mà một người có được sự vui thích để sử dụng đến nó - trên cái mà đã duy trì rất lâu ở trạng thái của chung, trong một vùng rộng lớn, thay vì để cho loài người làm cho nó có công dụng. Con người, vào lúc ban đầu, ở hầu hết các nơi, đã cảm thấy thỏa mãn với những gì mà một tự nhiên thuần túy đem lại cho những nhu cầu thiết yếu của họ. [T]hế nhưng sau đó, ở một số vùng của thế giới (nơi tăng thêm người và kho dự trữ, cùng với việc *sử dụng tiên*, đã làm cho đất đai khan hiếm, và vì thế khiến nó có một giá trị nào đó) một số *cộng đồng* đã cố định ranh giới cho những vùng lãnh thổ riêng biệt của họ, bằng luật pháp của cộng đồng mình mà điều tiết sở hữu tư nhân có trong xã hội; và vì thế, *bằng thoả ước* và sự tán thành, họ đã cố định nên *sở hữu* mà *lao động* và sự cần cù đã khởi đầu. [V]à các liên minh được tạo thành giữa một số quốc gia và vương quốc là để hoặc công khai hoặc ngấm ngấm không thừa nhận tất cả những khẳng định và quyền hạn đối với đất đai mà người khác chiếm hữu. [Khi đó, con người] bằng sự đồng thuận chung, đã từ bỏ những đòi hỏi của họ đối với quyền chung mà mặc nhiên họ đã có vào lúc khởi thủy đối với những đất nước nơi đó; và vì thế, bằng sự *thỏa thuận xác thực*, đã tự cố định *sở hữu* giữa họ với nhau, tách biệt ra các vùng lãnh

thổ và các vùng đất trên Trái đất này. [N]hưng vẫn có *những vùng rộng lớn* khác được tìm thấy trong tình trạng hoang phí (cư dân ở đây không có sự liên kết với phần loài người kia, trong việc cùng đồng thuận sử dụng tiền tệ chung của họ), thay vì được người dân sống nơi đó dùng đến hay làm cho có công dụng; và vì thế đất đai vẫn thuộc của chung, dù điều này có thể là hiếm xảy ra trong những vùng đất mà loài người đã đồng thuận đối với việc sử dụng tiền.

§46. Đa phần trong số *các vật hữu dụng thật sự* cho đời sống con người, ví dụ như những thứ thiết yếu để sống, khiến những thường dân đầu tiên của thế giới quan tâm đến - như nó làm thế đối với những người *châu Mỹ* hiện nay, nói chung là những thứ có *thời gian tồn tại ngắn*; chẳng hạn nếu không được tiêu dùng chúng sẽ thối rữa và tự tiêu hủy. [V]àng, bạc và kim cương là những thứ mà sự tưởng tượng hay thỏa thuận chung đã đặt giá trị vào đó hơn là công dụng thật, và trở thành những thứ chu cấp thiết yếu cho đời sống. Những phẩm vật mà tự nhiên đã cung cấp chung cho tất cả này, nay mỗi người đều có quyền (như đã trình bày) để sử dụng, ở mức tối đa có thể được, và có quyền sở hữu đối với tất cả những gì một người tác động vào bằng lao động của mình; tất cả những gì mà sự cần cù của anh ta có thể với tới, để biến đổi chúng từ trạng thái mà tự nhiên đã đặt chúng vào, thì chúng đã là của anh ta. Anh ta *hái lượm một trăm quả* quả sồi hay quả táo, vì thế mà đã có *sở hữu* đặt vào

VỀ SỞ HỮU

chúng, chúng đã là tài sản của anh ngay vào lúc được hái lượm. Người này chỉ cần biết rằng mình dùng chúng trước khi chúng bị hỏng, còn không thì anh ta đã lấy nhiều hơn phần của mình và đã cướp phần của người khác. Thật sự là một điều ngu xuẩn và cũng không lương thiện khi đi tích trữ nhiều hơn mức anh ta có thể tận dụng. Nếu anh ta cho đi một phần, đến bất kỳ người nào khác, để nó dù có hư hỏng cũng không phải là tài sản vô ích của anh ta, thì số này anh cũng đã đem ra sử dụng. Và nếu anh ta bán tháo đi những quả mận sẽ hư thối trong vòng một tuần, để lấy những quả hạch có thể ăn trong vòng một năm, thì anh ta đã không gây phương hại gì, không phí phạm nguồn cung cấp chung, không phá hoại phần tài sản thuộc về người khác, miễn sao không có gì bị hỏng một cách vô ích trong tay anh ta. Lại nữa, nếu người này trao các quả hạch của mình lấy một mẫu kim loại, để thích thú với màu sắc của nó, hoặc đổi con cừu của mình để lấy những vỏ sò, hay đổi len để lấy một viên đá thạch anh lóng lánh hoặc một viên kim cương, và giữ những thứ này đến suốt đời, anh ta không xâm phạm đến quyền của người khác; anh ta có thể chất đồng những thứ lâu bền này bao nhiêu tùy thích, việc *vượt quá giới hạn sở hữu* chính đáng của anh ta không dựa trên độ lớn tài sản anh ta có, mà vào việc có làm hỏng một cách vô ích thứ gì đó trong số này hay không.

§47. Và vì thế, người ta đã đi đến việc sử dụng tiền, một thứ bền vững để họ có thể cất giữ mà

không bị hư hỏng, và là cái mà bằng sự chấp thuận hồ tương, họ đưa vào trao đổi thay cho công dụng thật, ngoài những thứ có thể hư hỏng khác dùng để nuôi sống con người.

§48. Do mức độ cần cù khác nhau thường đem lại cho người ta những phần chiếm hữu có tỷ lệ khác nhau, nên việc *phát minh ra tiền* đã tạo cho họ cơ hội duy trì và mở rộng chúng. [G]iả sử một hòn đảo tách khỏi mọi hoạt động thương mại khả dĩ với phần còn lại của thế giới. [N]ơi đây, ngoài một trăm gia đình, còn có cừu, ngựa, bò và những con vật có ích khác, cùng với cây ăn trái; còn đất đai thì đủ để cung cấp ngũ cốc cho một trăm ngàn lần nhiều hơn [số người hiện có]. [N]hưng lại không có gì trên đảo thích hợp để có chỗ cho việc dùng *tiền*, hoặc vì tính sở hữu chung của nó, hoặc vì tính có thể thối rữa và tự tiêu hủy của cây trái và thú vật; vậy ở đây, đâu là nguyên do mà người ta có thể có để mở rộng sự chiếm hữu của mình vượt qua mức sử dụng của gia đình và đem lại sự cung cấp dồi dào cho tiêu dùng của đảo, hoặc bằng những gì mà sự cần cù của họ sản xuất ra, hoặc họ có thể trao đổi với người khác để lấy những vật phẩm có ích và dễ hư hỏng kia? Nơi đâu không có cái gì đó vừa bền vững mà cũng vừa hiếm hoi, và vì thế mà có giá trị để tích lũy, nơi đó người ta sẽ không có khuynh hướng mở rộng *chiếm hữu đất đai* của họ, nó đã quá dồi dào, quá tự do để họ chiếm lấy rồi. [V]ậy tôi muốn hỏi, đâu là cái mà một người sẽ định giá cho mười ngàn, hay một trăm ngàn mẫu *đất* tốt nhất, đã

VỀ SỞ HỮU

bồi bổ và cũng đã là nguồn cung cấp nhiều trâu bò, nằm sâu trong nội địa của trung phần *Mỹ châu*, nơi mà anh ta không có hy vọng giao dịch thương mại với những vùng khác của thế giới, để *tiền bạc* có thể chạy vào túi anh ta từ việc bán sản phẩm? Sẽ không đáng để mà rào đất lại, và chúng ta thấy rằng anh ta sẽ từ bỏ [đất đai chiếm hữu] để lại đến với cái đất công hoang dại của tự nhiên, thay vì sẽ cung cấp bất kỳ thứ gì cho cuộc sống tiện nghi đã có được ở đây cho anh và gia đình.

§49. Vì vậy, vào lúc khởi đầu, toàn bộ thế giới là *châu Mỹ*, còn nay thì lớn hơn thế rất nhiều, vì không một vật nào như vậy với vai trò là *tiền* được biết đến ở bất cứ đâu. Nếu phát hiện ra cái gì đó có *công dụng và giá trị của đồng tiền* trong số những người láng giềng của anh ta, thì quý vị sẽ thấy rằng cùng con người đó chẳng mấy chốc sẽ bắt đầu *mở rộng phạm vi chiếm hữu* của mình.

§50. Nhưng từ khi vàng và bạc - vốn có ít công dụng trong đời sống con người khi so về tỷ lệ với thức ăn, quần áo và xe ngựa - có giá trị của nó chỉ từ sự thỏa thuận chung của những người mà lao động của họ phần lớn đã tạo ra *phương tiện đo lường này*, thì rõ ràng là những người này đã đồng ý về một sự chiếm hữu không bằng nhau và không theo tỷ lệ đối với đất đai. [H]ọ, bằng sự chấp thuận ngầm và tự nguyện, đã tìm ra cách thức mà một người có thể chiếm hữu một cách ngay thẳng nhiều đất đai hơn, so với việc tự anh ta có thể sử dụng sản phẩm vàng và bạc nhận được trong trao đổi để

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

lấy thặng dư, là những thứ có thể được cất giữ mà không gây phương hại đến bất kỳ ai. [N]hững kim loại này không hư hỏng mà cũng không thối rữa trong tay người chủ sở hữu. Số này nằm trong những tài sản tư nhân không ngang bằng nhau mà người ta đã kiếm được bên ngoài ranh giới của xã hội và không có thỏa ước, mà chỉ bằng việc đặt một giá trị lên vàng và bạc, và ngầm đồng ý về công dụng của đồng tiền: vì ở nhiều chính quyền, luật thì điều tiết quyền về sở hữu, còn việc chiếm hữu đất đai thì được xác định bằng hiến pháp xác thực.

§51. Và như thế, tôi nghĩ rằng chúng ta rất dễ hình dung *cách thức mà vào lúc ban đầu lao động khởi sự cho một địa vị sở hữu* đối với các vật phẩm chung của tự nhiên, và đối với cách thức tiêu dùng mà việc sử dụng của chúng ta đã tạo nên những giới hạn cho việc này; để sau đó không có lý do gì còn tranh chấp quanh địa vị này, mà cũng không còn nghi ngờ gì về sự mở rộng chiếm hữu mà lao động đã đem lại. Quyền và lợi đã cùng bước với nhau, vì khi một người có quyền đối với tất cả, anh ta có thể đặt lao động của mình lên đó, vì thế không có sự cảm dỗ nào đối với lao động hơn là việc anh ta dùng đến nó. Điều này không dành chỗ cho tranh chấp về tư cách sở hữu, mà cũng không có chỗ cho sự xâm phạm vào quyền của người khác. Dễ dàng để thấy đâu là phần mà một người đã cắt ra cho mình, và sẽ là vô dụng - mà cũng là không lương thiện - khi cắt ra cho riêng mình quá nhiều hay lấy đi nhiều hơn là nhu cầu cần đến.

CHƯƠNG VI

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

§52. Có lẽ trong một luận văn về tự nhiên như thế này mà đi tìm sự khiếm khuyết bằng những từ ngữ và danh xưng vẫn được sử dụng trên thế giới chúng ta đây, thì sẽ bị chỉ trích là phê phán xác xược. Và nhiều khả năng không phải không thích hợp để đưa ra những từ ngữ và danh xưng mới, khi mà cái cũ thường đưa người ta vào những sai lầm, như danh xưng *quyền lực gia trưởng* hầu như chắc chắn đã làm đối với điều mà vì thế có vẻ đã đặt quyền lực của cha mẹ đối với con cái hoàn toàn vào người *cha*, như thế là người *mẹ* không có phần. [T]rong khi đó, nếu chiếu theo lý trí hay tra cứu Sách Khải huyền, ta sẽ thấy rằng bà cũng có một địa vị bình đẳng. Điều này đưa đến lý do để hỏi rằng có thích đáng hơn hay không, khi gọi điều này là quyền lực gia trưởng? Đối với bất cứ nghĩa vụ gì mà tự nhiên và cái *quyền lực của người sinh thành* đặt lên con cái, phải ràng buộc chắc chắn chúng như nhau vào cả hai căn nguyên đồng thời của nó [là cha và mẹ]. Và do vậy chúng ta thấy rằng trong luật xác thực của Thượng đế, mọi nơi đều liên kết hai căn nguyên này lại mà không

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

có sự phân biệt, khi luật đó ra lệnh cho con cái phải phục tùng: *Tôn kính cha và mẹ của người* (Exod. xx. 12), *Bất cứ kẻ nào chửi rủa cha hay mẹ của hắn* (Lev. xx. 9)³⁹, *Người sẽ khiếp sợ cả người cha lẫn người mẹ của hắn* (Lev. xix. 5), *Con cái, hãy tuân lệnh cha mẹ của các người* (Eph. vi. 1)⁴⁰, v.v..., là phong cách của Cựu ước và Tân ước.

§53. Nhưng đây là một việc đã được xem xét kỹ mà không cần nhìn sâu thêm nữa vào vấn đề, nó có lẽ đã giữ không cho người ta mắc vào hàng tá sai lầm mà họ đã có, về quyền lực gia trưởng này. [N]ó không có sự khắc nghiệt cao cả, nhưng dù có thể mang danh của quyền thế tuyệt đối và thẩm quyền hoàng gia - khi với địa vị là *quyền lực gia trưởng*, nó dường như đích thị dành cho người cha - thì cũng sẽ chỉ nghe vang lên một cách kỳ quặc, và mới ngay trong danh xưng thôi đã cho thấy sự vô lý. [N]ếu quyền lực tuyệt đối được giả định này, đặt trên con cái, đã được gọi là *cha mẹ*, thì đã là nhận ra rằng quyền lực đó cũng thuộc về người *mẹ*; vì cái danh xưng ấy sẽ chỉ đáp ứng một cách yếu ớt cho xu hướng của những người đàn ông này, vốn tranh đấu quá nhiều cho quyền lực và thẩm quyền tuyệt đối của *cương vị làm cha* - như họ gọi nó, đến mức là người *mẹ* cần có phần trong đó. Và danh xưng như vậy cũng sẽ chỉ hậu thuẫn yếu ớt cho *nền quân chủ* mà họ đấu tranh vì nó, khi bằng chính danh xưng

³⁹ Quyền *Levitiu*s, Cựu ước.

⁴⁰ Quyền *Ephesians*, Tân ước.

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

này, hóa ra là thâm quyền nên tảng đó - mà họ sẽ xuất phát cho cái chính quyền của một con người duy nhất - không phải đã là nơi một cá nhân được đặt vào, mà là nơi hai cá nhân cùng chung [một thâm quyền]. Nhưng hãy để điều này về các danh xưng qua đi.

§54. Dù đã nói ở trên, tại chương II, rằng mọi người đều có sự bình đẳng do tự nhiên đem lại, tôi không thể cho rằng mình hiểu hết mọi loại bình đẳng. Tuổi đời hoặc đức hạnh có thể đem lại cho nhiều người một sự ưu tiên đúng đắn. Xuất sắc về tài năng và phẩm chất có thể đặt những người khác cao hơn mức độ bình thường. Dòng dõi có thể khuất phục một số này và tạo liên kết hoặc lợi ích cho số khác. [T]ự nhiên đặt sự tuân thủ đôi với người kia, còn người nọ thì hưởng được sự mang ơn, kính trọng. [V]à tất cả những điều này phù hợp với cái bình đẳng mà mọi người sống theo đó, về quyền tài phán hay thống trị của người này đối với người kia; còn bình đẳng mà tôi muốn nói đến ở đây, thích hợp với chính công việc đang bàn đến lúc này, là cái quyền ngang nhau mà mỗi người đều có đôi với sự tự do đương nhiên có của mình, mà không phải khuất phục trước ý chí hay quyền uy của bất cứ ai khác.

§55. Tôi thừa nhận rằng con cái không được sinh ra trong trạng thái bình đẳng, dù chúng được sinh ra để sống với điều đó. Cha mẹ có một kiểu cai trị và quyền tài phán đối với chúng khi chúng bước vào

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

thế giới và ở một thời gian sau đó, nhưng đây chỉ là tạm thời. Những ràng buộc của sự lệ thuộc này giống như sự vây bọc của quần áo mà chúng được mặc vào và được bảo bọc từ đó, vào lúc yếu ớt của tuổi thơ. Khi chúng lớn lên, tuổi đời và lý trí sẽ nói dần sự vây bọc này, để cuối cùng là hoàn toàn cởi bỏ nó và để lại một con người đã đến lúc ở vào vị thế tự do theo ý mình.

§56. *Adam* đã được tạo tác nên như một con người hoàn hảo, thể xác và tinh thần của ông chiếm hữu trọn vẹn đối với sức mạnh và lý trí của chúng, và vì thế, ngay thuở đầu tồn tại của mình ông đã có thể lo liệu việc nuôi nấng và bảo toàn cho chính ông, chi phối hành động của mình theo những mệnh lệnh của luật lý trí mà Thượng đế đã khắc ghi vào ông. Từ *Adam*, với những hậu duệ sau đó, thế giới đã trở nên đông người, mà ai được sinh ra cũng đều ẵm ngửa, yếu ớt và cần sự giúp đỡ, không có kiến thức hay sự hiểu biết. Nhưng bù đắp cho những khiếm khuyết của tình trạng chưa hoàn thiện này, rồi sẽ đến lúc mà sự mở mang trí tuệ, kiến thức của sự trưởng thành và tuổi đời dõ bỏ chúng. [*Adam* và *Eve*, và sau đó là tất cả những cha mẹ khác, theo luật tự nhiên, *tuân thủ nghĩa vụ phải bảo toàn, nuôi nấng và giáo dục con cái* họ đã sinh ra; đây không phải là tài nghệ của chính họ, mà là tài nghệ của đấng Tạo hóa, của đấng Toàn năng, mà họ có trách nhiệm với ngài về những việc này.

§57. Luật đã chi phối *Adam* là cùng một luật chi phối lên tất cả hậu duệ của ông - *luật của lý trí*.

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

Nhưng con cái của ông có một cách nữa để bước vào thế giới, khác với ông. [S]inh sản tự nhiên tạo ra những đứa bé không biết gì và không sử dụng đến *lý trí*, nên chúng đã không tức thì chịu sự *chi phối của luật lý trí* vì không một ai phải sống dưới một luật mà không được công bố với anh ta, đồng thời nó được công bố hay được biết đến chỉ bằng *lý trí*, nên người chưa sử dụng đến *lý trí* của mình thì không thể được cho rằng sống *dưới sự chi phối luật này*. [V]à con cái của Adam không thể ngay lúc mới sinh ra là đã chịu sự chi phối của luật lý trí, là đã tức thời *tự do*.

[V]ì *luật pháp*, nơi ý niệm chân thật của nó, với *tư cách là phương hướng của một tác nhân tự do và có trí tuệ*, không có nhiều hạn chế đối với quyền lợi chính đáng của anh ta, nó bắt buộc không được vượt quá lợi ích chung của những con người sống dưới luật. Có thể họ hạnh phúc hơn mà không có nó; khi đó thì *luật pháp* này, như một thứ vô dụng, sẽ tự biến mất; và yếu kém đó xứng danh là một sự giam hãm khi nó vây bọc chúng ta lại, trong đầm lầy và quanh những vách núi. Thế nhưng, dù có thể mắc sai lầm, *mục đích của luật pháp* không phải là thù tiêu hay kiểm tòa tự do, mà là *bảo toàn và khuyến khích* *trạng* nó. Vì trong mọi trạng thái của những sinh vật được tạo tác nên cùng với năng lực pháp lý, *nơi nào không có luật pháp, nơi đó không có tự do*. Vì *quyền tự do* là tự do trước sự kiểm tòa và xâm phạm của người khác, là điều sẽ không thể có ở nơi không có luật pháp. [N]hưng tự do không phải là, như được

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

nói với chúng ta, *quyền tự do để mỗi người làm điều mà mình muốn* (vì ai có thể tự do cho được khi mà ý thích của những người khác có thể áp chế anh ta?), mà là *quyền tự do để sắp đặt và bố trí như anh ta muốn, đối với con người, hành động, tài sản, cũng như toàn bộ sở hữu của anh, trong khuôn khổ cho phép của hệ thống luật mà anh ta sống dưới sự chi phối của nó, nơi anh không phải chịu sự khuất phục trước ý chí độc đoán của người khác, mà là tự do tuân theo ý chí của chính mình.*

§58. Vậy thì *quyền lực* mà *cha mẹ* có đối với con cái của mình, xuất phát từ bốn phận vốn có của họ trong việc chăm sóc chúng ở giai đoạn chưa trưởng thành. Bảo ban về tinh thần và quản lý hành động của trẻ vị thành niên còn nhiều khờ dại, ở những điều mà con cái muốn nhưng cha mẹ lại giới hạn, cho đến khi lý trí bước vào chỗ của nó và giúp giảm bớt phiền phức này. Vì Thượng đế khi trao cho một con người sự nhận thức để vạch hướng cho hành động của mình, đã cho anh ta sự tự do ý chí và quyền tự do hành động - như điều thích đáng thuộc về sự tự do ý chí này - trong khuôn khổ luật pháp chi phối. Nhưng khi vẫn còn trong trạng thái không *hiểu biết* về những gì thuộc về mình để định hướng *ý chí*, người ta không có ý chí nào của chính mình để theo; ai có *hiểu biết* thay cho anh ta, thì cũng có *ý chí* thay cho anh ta như thế; người này quy định cho ý chí và điều tiết các hành động của anh ta. [N]hưng khi anh ta đến với cái trạng thái vốn đã khiến *cha anh là một người tự do*, thì *anh ta cũng là một người tự do.*

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

§59. Điều này chi phối tất cả các luật mà người ta sống theo đó, dù là luật tự nhiên hay luật dân sự. Một người sống dưới sự chi phối của luật tự nhiên thì sao? *Điều gì khiến anh ta hưởng trọn vẹn luật này?* Điều gì đem lại cho anh ta sự quyết định tự do đối với sở hữu của mình, theo ý chí của chính mình, trong phạm vi của luật này? Tôi trả lời rằng đó là trạng thái trưởng thành, khi mà anh ta được cho là có năng lực nhận thức đối với luật tự nhiên, để có thể giữ cho hành động của mình trong những giới hạn của nó. Khi đạt đến trạng thái này, anh được xem như đã biết rằng luật tự nhiên có thể hướng dẫn cho anh đến đâu, rằng anh có thể sử dụng *tự do* của mình đến đâu để từ đó mà có được nó; cho đến trước lúc ấy, có một người khác nữa hướng dẫn anh ta, là người được cho là biết rằng luật tự nhiên cho phép một quyền tự do đạt đến mức độ nào. Nếu một trạng thái lý trí như thế, ở độ tuổi biết suy xét như vậy *đã khiến cho anh ta tự do*, thì cũng điều này sẽ khiến cho con của anh ta tự do.

[C]òn một người sống dưới sự chi phối của luật pháp nước Anh thì sao? *Điều gì khiến anh ta hưởng trọn vẹn luật pháp này*, tức là có cái quyền tự do để quyết định về hành động và tài sản của mình theo ý chí của chính mình, trong phạm vi cho phép của luật pháp? Đó là năng lực nhận thức đối với luật pháp nước Anh, được giả định từ luật pháp đó, là vào độ tuổi hai mươi một hoặc đôi khi sớm hơn. Nếu điều này *đã làm cho người cha tự do*, nó cũng sẽ *làm cho người con tự do*. Cho đến trước lúc ấy ta

thấy luật pháp chưa cho phép người con có ý chí riêng gì cả, mà được hướng dẫn bởi ý chí của người cha hay người giám hộ, là người hiểu biết luật pháp thay cho anh ta. Và nếu người cha chết đi mà không đặt một người khác thay vào theo sự uỷ thác của ông, nếu ông đã không quy định một người giám quản để quản lý con ông trong thời gian vị thành niên của nó, thì trong thời gian nó thiếu sự hiểu biết, luật pháp sẽ quan tâm thực hiện điều đó, một người khác sẽ quản lý nó và đóng vai trò là ý chí của nó, cho đến khi nó *đạt đến trạng thái tự do*. Nhưng sau đó thì cha và con đều *tự do* như nhau; cũng như người giám hộ và trẻ được giám hộ sau giai đoạn vị thành niên, là những chủ thể cùng giữ địa vị bình đẳng trước luật pháp chung. [K]hông còn bất kỳ quyền thế nào lưu lại nơi người cha đối với cuộc sống, tự do hay tài sản của người con, dù là họ chỉ đang trong một trạng thái tự nhiên và sống theo luật của nó, hay là đang sống dưới những luật xác thực của một chính quyền được thiết định.

§60. Nhưng nếu, thông qua những khiếm khuyết có thể xảy ra ngoài tiến trình bình thường của tự nhiên, người nào không đi đến trình độ lý trí như vậy, đặc điểm được cho là có năng lực nhận thức luật pháp, và từ đó mà sống trong khuôn khổ những quy tắc của nó, thì người đó *không bao giờ có năng lực tồn tại của một người tự do*. [A]nh ta không bao giờ được thả lỏng để *tự do quyết định* cho ý chí của chính mình (vì anh ta không biết gì về những

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

giới hạn đối với nó, không nhận thức được về sự hướng dẫn đích thực của nó), mà được tiếp tục đặt dưới sự dạy bảo và quản lý của người khác, trong toàn bộ thời gian mà nhận thức của anh ta ở vào tình trạng thiếu năng trước trách nhiệm của ý chí tự do. Và vì thế mà người mất trí và người thiếu năng trí tuệ không bao giờ được để cho tự do rời khỏi sự quản lý của cha mẹ họ. Những đứa trẻ còn chưa đến tuổi có năng lực nhận thức - như sau đó chúng có thể có, những người dân độn tự nhiên bị loại trừ do một khiếm khuyết bẩm sinh, còn thứ ba là người điên mà hiện tại không có khả năng sử dụng lý trí một cách đúng đắn để tự hướng dẫn mình, là những người mà thay cho sự hướng dẫn của họ là cái lý trí được hướng dẫn bởi người khác, với vai trò là người giám quản, nhằm tìm kiếm và đem lại điều tốt đẹp cho họ, như Hooker nói (Hooker, Eccl. Pol. lib. i. sect. 7). Mọi thứ dường như không có gì hơn là cái bổn phận mà Thượng đế và tự nhiên đã đặt lên con người, cũng như những sinh vật khác, là bảo toàn cho con cái của họ, cho đến khi chúng có thể thay họ bảo toàn cho chính mình; và rốt cuộc đều hiếm khi là một mình họa hay bằng chứng cho vương quyền nơi cha mẹ đối với con cái.

§61. Như vậy, chúng ta sinh ra là tự do, như chúng ta sinh ra là có lý trí, mà - thật sự - không phải là chúng ta chỉ thực thi một trong hai điều đó; tuổi đời mang lại điều này và cũng mang lại điều kia cùng với nó. Vì thế, chúng ta thấy là sự tự do mặc nhiên của con cái đối với cha mẹ và sự phụ thuộc tự

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

nhiên vào họ có thể bao hàm lẫn nhau như thế nào, và cả hai đều được xây dựng trên cùng một nguyên tắc. Một đứa trẻ tự do là từ địa vị của người cha của nó, từ hiểu biết của cha của nó, là những cái dùng để quản lý nó cho đến khi nó có hiểu biết của chính mình. Sự tự do của một người là khi bước vào tuổi khôn lớn; và sự phụ thuộc của một đứa trẻ vào cha mẹ chỉ trong quăng thời gian ngắn ngủi, là điều rất nhất quán và cũng rất tách biệt [với sự tự do của tuổi lớn khôn], đến mức mà những đối thủ mù quáng của điều này, vốn ủng hộ cho nên quân chủ, từ cơ sở của quyền làm cha, cũng không thể bỏ qua sự khác biệt như thế. [N]gười ngoan cố nhất cũng không thể làm gì ngoài việc cho phép sự nhất quán đó. Vì giả như chủ thuyết của họ hoàn toàn là sự thật, thì nay người thừa kế chính xác của Adam đã được biết đến, và bằng cái địa vị đó đã cố định một nhà vua vào ngai vàng, đã dồn vào đó mọi quyền lực vô hạn và tuyệt đối.

[S]ir Robert Filmer nói, nếu ông chết ngay khi người thừa kế của ông ra đời, thì *đứa trẻ* không phải phụ thuộc vào người mẹ và bảo mẫu của nó, vào những người giám hộ và người quản lý nó, mà vẫn cứ rất tự do, vẫn cứ có chủ quyền tối cao, cho đến khi tuổi tác và giáo dục đem lại cho nó lý trí và năng lực tự quản lý mình và quản lý người khác sao? Những điều thiết yếu của cuộc sống, sức khỏe của cơ thể và kiến thức của tâm trí, là những điều *đứa trẻ* cần đến sự hướng dẫn từ ý chí của người

khác chứ không phải của chính nó. [C]ó ai sẽ nghĩ rằng sự kiểm tỏa và phụ thuộc này là mâu thuẫn với quyền tự do hay chủ quyền tối cao mà nó có quyền có, hoặc cướp đi của nó những điều đó, hoặc lấy đi sự kiểm soát bản thân của nó để trao cho những người có quyền quản lý giai đoạn vị thành niên của nó? Sự quản lý này chỉ là nhằm chuẩn bị cho đứa trẻ tốt hơn và sớm hơn cho quyền tự do và chủ quyền tối cao đó. Nếu có ai hỏi tôi, đến *tuổi nào* thì con của tôi *được tự do*? Tôi sẽ trả lời rằng cũng ở ngay cái tuổi mà đức vua của nó nắm quyền cai trị. Hooker sáng suốt nói (Hooker, Eccl. Pol. lib. i. sect. 6): *Nhưng vào lúc nào mà một người có thể được cho là đã đạt đến mức độ sử dụng được lý trí một cách đầy đủ, khiến anh ta có được năng lực pháp lý và nhờ đó nắm lấy việc hướng dẫn hành động của mình, thì đây là một việc rất dễ dàng để nhận biết thay vì ai đó phải dùng kỹ năng và kiến thức để xác định.*

§62. Chính các cộng đồng quốc gia sẽ lưu ý và cho phép có một *thời điểm mà người ta bắt đầu hành động như một người tự do*; và vì thế, đến thời điểm đó, không đòi hỏi có những lời thề trung quân hay trung thành, không cần đến một sự sở hữu công cộng hay một sự quy phục đối với chính quyền của đất nước họ.

§63. Vậy thì sự *tự do* và quyền tự do hành động theo ý chí của chính mình, nơi mỗi con người, *đặt cơ sở từ việc anh ta có lý trí*, là cái có thể hướng dẫn cho anh ta, trong phạm vi luật pháp mà theo đó

anh ta tự chi phối bản thân mình, và là cái khiến anh biết mình được dành cho một sự tự do ý chí riêng đến mức độ nào. Để nhẹ nhàng chuyển hướng một người [từ việc chịu sự quản lý ở tuổi vị thành niên] sang một quyền tự do không bị kiểm tỏa, thì trước khi đưa trẻ có lý trí để tự hướng dẫn mình sẽ không có việc cho phép nó sử dụng đặc quyền tự do vốn thuộc bản tính của nó, ngoài việc cho phép đẩy đưa trẻ ra khỏi những kẻ cục xúc và không để nó đến với một tình trạng đáng thương và thấp kém như thế của một con người, như ở số người cục xúc này. Đây là điều luôn đặt *thẩm quyền* vào tay *cha mẹ* nhằm thực hiện việc quản lý con cái đang *tuổi vị thành niên* của họ. Thượng đế đã khiến đó là công việc của họ, nhằm thực hiện việc chăm sóc cho con cái và đặt vào chúng thiên hướng nhân hậu thích hợp, đồng thời lưu tâm tôi luyện quyền lực này, để áp dụng nó, như đấng Thông thái đã thiết kế vì lợi ích của con trẻ, chừng nào mà chúng còn cần sống trong phạm vi của quyền lực đó.

§64. Nhưng lý do gì mà từ sự chăm sóc, vốn là nghĩa vụ của *cha mẹ* đối với con cái họ, lại có thể phát triển thành một *quyền thế độc đoán tuyệt đối* của người cha, khi mà quyền lực của ông không thể đi xa hơn là một kỷ cương mà ông nhận thấy có hiệu lực nhất, để đem lại cho chúng một cơ thể mạnh mẽ và khỏe khoắn, một tinh thần khí khái và chính trực, với tư cách là những gì có thể thích hợp nhất cho các con của ông *khi cơ thể và tinh thần đó hữu ích nhất cho bản thân chúng và cho người khác*, và

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

- nếu là cần thiết đối với điều kiện của ông - cơ thể và tinh thần đó khiến chúng biết làm việc khi có thể làm được, vì sự sinh kế của chúng. [N]hưng trong quyền lực này, người mẹ cũng có phần của bà cùng với người cha.

§65. Nói cho đúng ra, *quyền lực* này rất ít thuộc về người cha - theo bất kỳ quyền tự nhiên cụ thể nào, mà ông chỉ là người giám hộ của con cái, đến độ khi ông ngừng việc chăm sóc, ông mất đi quyền lực đối với chúng - cái quyền lực đi cùng với sự nuôi dưỡng và giáo dục vốn kết hợp chung vào nhau, không thể tách rời; và đây cũng là bốn phận của người cha nuôi của một đứa trẻ nào đó, như là bốn phận ở người cha đẻ của đứa trẻ khác vậy. Khi thực hiện thuần túy *vai trò làm cha*, chỉ có ít quyền lực được trao cho một người nếu tất cả sự chăm sóc của ông dừng lại ở vai trò thuần túy đó, và đây là tất cả địa vị ông có với danh nghĩa và thẩm quyền của một người cha.

[V]ậy còn điều gì sẽ trở thành *quyền lực gia trưởng* như thế này ở nơi nào đó trên thế giới mà người phụ nữ cùng lúc có nhiều chồng, hay như nhiều nơi ở *châu Mỹ*, khi chồng và vợ cắt đứt quan hệ - điều vẫn thường xuyên xảy ra, tất cả con cái được để lại cho người mẹ, theo mẹ, đặt hoàn toàn dưới sự chăm sóc và cấp dưỡng của bà? Nếu người cha chết đi lúc các con còn nhỏ, có phải là không tự nhiên khi mà khắp nơi đều là việc con cái có cùng bốn phận phục tùng đối với mẹ trong thời gian vị

thành niên, như đối với cha của chúng khi ông còn sống? Và sẽ có ai nói, rằng người mẹ có quyền lập pháp đặt trên các con của bà, rằng bà có thể đưa ra các quy tắc thường trực, để trở thành những nghĩa vụ vĩnh viễn mà con cái phải điều tiết mọi việc liên quan về sở hữu và giới hạn quyền tự do của chúng theo đó, trong suốt dòng đời? Hay bà có thể áp đặt sự giám sát đối với chúng cùng với án tử hình hay không? Vì đây chính là *quyền lực của quan cai trị* mà quyền lực của người cha không thể có, dù chỉ với tư cách là cái bóng của nó. Mệnh lệnh của ông đối với các con chỉ là tạm thời và không chạm tới cuộc sống hay sở hữu của chúng, mà chỉ là một sự giúp đỡ cho sự yếu ớt và chưa hoàn thiện của tuổi vị thành niên, một thứ kỷ luật cần thiết cho việc giáo dục chúng. Và dù người cha có thể sắp xếp tài sản của riêng mình như ông muốn, khi các con của ông không bị đe dọa sẽ bỏ mạng vì thiếu thốn, thì *quyền lực của ông* không mở rộng ra để chạm đến cuộc sống hay tài sản mà chúng có được hoặc bằng sự cần cù của riêng chúng, hoặc vốn là vật tặng của người khác; mà quyền lực đó cũng không mở rộng ra để chạm đến quyền tự do của chúng một khi chúng đã đi đến sự giải phóng của tuổi trưởng thành. *Để chế của người cha* chấm dứt từ đây, và ông không thể tiếp tục sắp đặt lên quyền tự do của con cái nhiều hơn là sự sắp đặt như thế đối với bất kỳ ai khác. Và đó chắc chắn không là một quyền tài phán tuyệt đối hay vĩnh viễn mà một người có thể tự rút

lui, sau khi nhận được sự cho phép từ thẩm quyền thần thánh để rời khỏi cha mẹ và đi trung thành với vợ của mình.

§66. Nhưng dù có một thời điểm mà người con đi đến chỗ *tự do*, không phụ thuộc vào ý chí và mệnh lệnh của cha, như chính cha của anh tự do, không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ ai, và mỗi người họ đều không sống dưới sự kiểm tỏa nào khác ngoài cái chung đối với cả hai, dù đó là luật của tự nhiên hay luật của riêng đất nước họ. [N]hưng sự tự do này không loại trừ người con khỏi sự *tôn kính* mà anh ta phải có, theo luật của Thượng đế và luật tự nhiên, để trả ơn cha mẹ mình. Thượng đế đã tạo cho cha mẹ những công cụ, theo chủ định vĩ đại của ngài, để nối tiếp loài người và đem lại cơ hội cuộc sống cho con cái của họ. Ngài đã đặt lên cha mẹ nghĩa vụ nuôi nấng, bảo toàn, dưỡng dục con cái, vì thế cũng đặt lên con cái *nghĩa vụ vĩnh viễn phải tôn kính cha mẹ*. [N]ó chứa đựng sự quý trọng và sùng kính nội tâm, và được bộc lộ bằng tất cả những gì thể hiện ra, gắn với người con trước bất cứ điều gì có thể là xúc phạm hay lăng mạ, gây lo âu hay tạo đe dọa, đối với niềm hạnh phúc hay sinh mạng của những người mà từ họ anh ta đã nhận được những gì thuộc về anh; và cũng gắn kết anh ta với mọi hành động phòng vệ, sự thư thái, việc trợ giúp hay sự an nhàn cuộc sống của những người mà nhờ họ anh đã ra đời và tạo cho anh năng lực hưởng thụ cuộc sống. Từ nghĩa

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

vụ này, không một nhà nước nào, một nền tự do nào có thể miễn trách nhiệm đó cho con cái. Nhưng điều này khác rất xa việc cho cha mẹ có một quyền lực mệnh lệnh lên con cái, hay thậm chí quyền làm luật và sắp đặt theo ý muốn đối với đời sống và tự do của con cái họ. Một bên là có được danh giá, tôn trọng, hàm ơn và trợ giúp, trong khi bên kia là đòi hỏi sự tuân lệnh và phục tùng tuyệt đối. Sự *danh giá hàm ơn đối với cha mẹ*, một ông vua trên ngai vàng còn chịu ơn mẹ của mình; điều này không làm giảm đi quyền uy của ông và ngược lại, cũng không buộc ông phụ tùng theo sự cai quản của bà.

§67. Sự phụ thuộc của một người vị thành niên đặt người cha vào vị thế cai quản tạm thời, sẽ kết thúc cùng với sự kết thúc tuổi vị thành niên của trẻ; và sự *tôn kính nhận được từ đứa trẻ* cũng đặt cha mẹ vào một quyền vĩnh viễn được quý trọng, sùng kính, nương tựa và vâng lời, dù ít hay nhiều; như là sự chăm sóc, phí tổn và sự ân cần của người cha đã có, dù nhiều hay ít, trong quá trình giáo dục của ông. Quyền này không kết thúc cùng sự kết thúc của tuổi vị thành niên, mà ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh và bối cảnh của cuộc sống một con người. Nhưng không có sự phân biệt giữa hai quyền lực này, tức là quyền mà người cha có khi *dạy dỗ* trong giai đoạn vị thành niên, với cái quyền được *tôn kính* suốt đời của ông, có lẽ đã là phần lớn nhất gây nên những sai lầm trong vấn đề này. Vì, nói một cách đúng đắn về chúng, thì cái quyền đầu

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

đúng ra là một đặc ân của con cái, và là bổn phận của cha mẹ thay vì là một đặc quyền hành động⁴¹ của quyền lực gia trưởng. Nuôi dưỡng và giáo dục con cái là gánh vác một trách nhiệm vốn đã đặt lên cha mẹ, vì lợi ích của con cái họ, là điều mà không gì có thể miễn trừ họ khỏi phải bận tâm đến. Và dù *quyền ra lệnh và trừng phạt* đi cùng với trách nhiệm này, Thượng đế cũng đã gắn kết vào đó những nguyên tắc của bản tính con người để có sự nhân hậu dành cho con cái họ, đến mức có rất ít e sợ về việc cha mẹ dùng quyền lực của mình quá sức khắc nghiệt; sự thái quá hiếm khi nghiêng về phía khắc khe, chiều hướng mạnh mẽ của tự nhiên vạch nên một con đường khác. Và vì thế Thượng đế toàn năng, khi biểu lộ sự hiền hòa trong cách đối xử với người Do Thái, ngài nói với họ rằng dù ngài trừng phạt họ, ngài *trừng phạt như một người đi trừng phạt con của mình* (Deut. viii. 5, i. e.)⁴², tức là bằng sự nhân hậu, tình thương, và đặt họ dưới một kỷ luật mà sự khắc khe của nó không hơn gì điều chắc chắn là tốt nhất đối với họ, cũng như không có ít tử tế để giảm bớt sự quyết liệt. Đây là loại quyền lực

⁴¹ Đặc quyền hành động: một khía cạnh phổ biến thường được đề cập ở luật pháp phong kiến, là quyền pháp lý đặc biệt, dành riêng cho một cá nhân hay một nhóm, tách khỏi cơ chế về quyền và thẩm quyền theo quy chuẩn của luật pháp chung.

⁴² *Quyền Đệ nhị luật*, Cựu ước. Đây là lời nói lại của Moses với đoàn người mà ông dẫn dắt đã bốn mươi năm để đến miền Đất hứa (xem chú thích tại §109).

mà *con cái* được lệnh phải *tuân thủ*, đến mức mà những cố gắng và quan tâm của cha mẹ không thể tăng thêm được nữa, mà cũng không thể được đền đáp một cách yếu ớt.

§68. Về phía kia, *tôn kính* và *nuông tựa* - tất cả những gì mà sự biết ơn đòi hỏi đáp lại cho những lợi ích đã nhận được từ cha mẹ, là bốn phận không thể thiếu được của *con cái* và là đặc ân thích đáng của cha mẹ. Điều này dành cho lợi ích của cha mẹ, cũng như nuôi dưỡng và giáo dục là cho lợi ích của *con cái*, dù giáo dục - bốn phận của cha mẹ - dường như có quyền lực hơn cả, vì sự khờ dại và yếu ớt của thời thơ ấu cần đến sự kiểm tỏa và trừng phạt, vốn là sự thực thi có thể nhận thấy của các quy định và là một kiểu thống trị. Còn cái bốn phận được tổng hợp trong từ *tôn kính* ít đòi hỏi sự tuân lệnh, dù có một nghĩa vụ mạnh hơn đặt lên trẻ trưởng thành so với lên trẻ chưa trưởng thành. Đối với người nghĩ rằng mệnh lệnh: *Con cái, hãy tuân lệnh cha mẹ các người* quy định ở một người, rằng con của anh ta có cùng sự phụ thuộc vào cha của anh, như sự phụ thuộc của những trẻ nhỏ này vào anh; và bằng lời giáo huấn như vậy, anh ta đã chịu sự ràng buộc phải tuân theo mọi mệnh lệnh của cha anh cho dù, do một sự tự phụ quyền uy, ông sẽ thiếu khôn ngoan khi đối xử với anh vẫn như với một đứa trẻ.

§69. Vậy thì, phần trước tiên của quyền lực *gia trưởng*, hay đúng hơn là bốn phận *giáo dục*, là thuộc

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

về người cha, là điều sẽ kết thúc vào một thời gian nhất định. Khi công việc giáo dục này đến lúc chấm dứt, tự nó sẽ qua đi. [C]ũng có thể có sự chuyển đổi trước, khi có người đặt việc dạy dỗ con mình vào tay người khác, và ông trao con mình, với tư cách *người bước vào học nghề*, cho người khác. [V]ào lúc đó, ông đã tháo bỏ cho con phần nhiều sự tuân lệnh đối với cả ông và vợ ông. Nhưng còn phần kia [của quyền lực này], mọi *ngĩa vụ tôn kính* vẫn được giữ vẹn toàn đối với họ; không gì có thể xóa bỏ điều đó. Không thể nào tách rời điều này giữa cha và mẹ, đến mức quyền uy của người cha không thể tước mất quyền của người mẹ, mà cũng không ai có thể gỡ bỏ người con ra khỏi sự *tôn kính* đối với mẹ dù điều đó có làm phiền lòng người này. Nhưng sự *tôn kính* này đối với cả hai không hề giống với quyền định ra luật và tạo cho nó hiệu lực bằng những hình phạt đùng chạm đến điền sản, quyền tự do, thân thể hay sinh mạng. Quyền lực mệnh lệnh chấm dứt cùng với tuổi vị thành niên, và dù sau đó sự *tôn kính* và quý trọng, nương tựa và bảo vệ, hay với bất kỳ lòng biết ơn nào - luôn có ở con cái đối với cha mẹ mình vì những lợi ích cao nhất đã có được một cách tự nhiên, mà vốn cũng không thể đặt quyền trọng vào tay người cha - thì cũng không thể buộc người ta vào một quyền lực mệnh lệnh tối cao nào cả. Ông không có quyền thống trị đối với sở hữu hay hành động của con ông, mà cũng không có quyền gì để có thể buộc con ông phải thi hành ý chí của ông trong tất cả các việc của

chúng, cho dù nó có thể thích hợp cho người con ở những việc không có nhiều phiền phức cho anh và gia đình của anh khi tỏ lòng tôn kính đối với ý chí đó.

§70. Người ta có thể có sự *tôn kính* và quý trọng với người xưa hay một người thông thái, có sự bảo vệ cho con cái hay bạn bè, có việc cứu tế hay cấp dưỡng cho người cùng khổ và có sự biết ơn đối với người hào tâm, đến độ là tất cả những gì anh ta có, tất cả những gì anh ta có thể làm không thể đủ để trả ơn. Nhưng cũng tất cả những điều này không đem lại một thẩm quyền nào, một quyền nào cho bất cứ ai, để định ra luật pháp đặt lên trên người chịu ơn. Và thật dễ hiểu, tất cả điều này không chỉ vì cái địa vị trần trụi của người cha, không chỉ vì - như đã nói đến - cũng có sự chịu ơn đối với người mẹ, mà vì những nghĩa vụ đối với cha mẹ và các mức độ đòi hỏi đối với con cái có thể là khác nhau, do có sự khác nhau trong việc chăm sóc và sự ân cần, của những rối rắm và phí tổn, là những điều thường không phải như nhau ở mọi lứa trẻ.

§71. Điều này cho thấy lý do dẫn ra, như thực tế diễn ra, của việc *các bậc cha mẹ trong xã hội*, nơi chính họ cũng là những thân dân, vẫn giữ lấy *quyền lực đối với con cái* và có rất nhiều quyền đối với sự phục tùng của chúng, như ở mức của những người đang sống trong trạng thái tự nhiên. Điều không thể khả dĩ là, nếu mọi quyền lực chính trị chỉ là quyền lực gia trưởng - và thực vậy, chúng đã là một và cùng chung một thứ, vậy thì tất cả quyền

VỀ QUYỀN LỰC GIA TRƯỞNG

lực gia trưởng là ở nơi quân vương, thần dân không thể có phần trong đó. Nhưng hai loại quyền lực này, *quyền lực chính trị* và *quyền lực gia trưởng*, là *hoàn toàn phân biệt* và tách rời nhau, được xây dựng trên những nền tảng rất khác nhau, và đem lại những kết cục rất khác nhau, đến mức những thần dân nào đang làm cha cũng có một *quyền lực gia trưởng* lên con cái bằng với quyền lực mà một quân vương có đối với con của ngài. Và quân vương, vốn cũng có cha mẹ, có sự tuân lệnh và bốn phận của đạo làm con, bằng với sự tuân lệnh và bốn phận mà các thần dân tầm thường của ông có đối với cha mẹ của họ, và vì thế không thể bao hàm bất kỳ phần nào hay mức độ nào của cái kiểu thống trị mà một quân vương hay một quan cai trị có đối với thần dân của mình.

§72. Dù nghĩa vụ mà cha mẹ phải *nuôi dưỡng* con cái của mình và nghĩa vụ mà con cái phải *tôn kính* cha mẹ của họ, chúng hàm chứa mọi quyền lực ở mặt này và sự phục tùng ở mặt kia - vốn thích đáng với quan hệ này; vẫn còn có một *quyền lực khác*, thông thường là ở *người cha*, và nhờ đó ông ràng buộc sự tuân lệnh của các con ông. [Q]uần quyền lực đó, dù có chung với người khác, thì những dịp thể hiện nó hầu như diễn ra liên tục cho những người làm cha, trong gia đình riêng của họ; và những minh họa về nó, ở nơi khác - ngoài gia đình, là hiếm hoi và ít được chú ý. [N]ó đi qua trên thế giới này vì một phần của *quyền tài phán gia trưởng*. Và nói chung, đây là quyền lực mà con người có để

tặng di sản của họ cho những người làm hài lòng họ nhất. Tài sản của người cha là sự mong đợi và sự thừa kế của con cái, bình thường thì ở những phần nhất định, theo luật pháp và phong tục của mỗi nước, nhưng nó lắm khi là quyền của người cha trong việc ban tặng, bằng bàn tay nhiều dè xén hay hào phóng là tùy theo hành vi của đứa con này hay đứa con khác khi xử sự trước ý chí và tính khí của ông.

§73. Không có ràng buộc nhỏ nào vào sự tuân lệnh của con cái, và luôn thêm vào việc thụ hưởng đất đai một sự phục tùng đối với chính quyền của đất nước có phần đất đó. Thường người ta hay nghĩ rằng một người *cha* có thể *bắt con cháu mình phục tùng chính quyền này* khi chính ông là một thần dân của nó; rằng giao ước của ông đã chi phối chúng, trong khi nó chỉ là một điều kiện cần thiết được thêm vào khu đất và quyền thừa kế một điền sản, vốn đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền, chỉ động chạm đến những người sẽ nhận nó theo điều kiện này, và vì thế không hề là ràng buộc hay cam kết mặc nhiên, mà là một sự phục tùng tự nguyện; vì *con cái của mỗi người*, theo tự nhiên, cũng *tự do* như chính ông hay cha ông của ông từng có, có thể, khi sống trong sự tự do đó, đã chọn một xã hội mà họ sẽ tự gắn kết mình với nó, đã chọn một cộng đồng quốc gia mà họ sẽ tự đặt mình vào đó. Nhưng nếu họ thích thú việc *thừa kế* từ cha ông của họ, họ *phải nhận nó theo cùng những điều khoản* mà cha ông họ đã có, và chấp nhận tất cả những điều kiện

được thêm vào với một tài sản như vậy. Bằng quyền lực này, những người làm cha thật sự buộc con cái tuân lệnh họ ngay cả khi tuổi vị thành niên của chúng đã qua, và cũng rất nhiều khi buộc con cái khuất phục trước quyền lực chính trị này hay quyền lực chính trị khác. Nhưng cả hai điều này đều không xuất phát từ một quyền đặc biệt nào đó của địa vị người cha, mà từ sự tương thưởng họ có trong tay để tạo hiệu lực và đáp đền cho việc thuận theo ý họ. [V]à không một quyền lực nào nhiều hơn là một người Pháp có đối với một người Anh, khi từ những hy vọng về một điền sản để lại cho anh ta, sẽ chắc chắn có sự ràng buộc mạnh mẽ vào sự tuân lệnh của mình; và nếu thích thú với nó - khi được để lại, anh chắc chắn nhận nó theo những điều kiện được thêm vào cùng với số tài sản đất đai này ở đất nước mà nó tọa lạc, dù là Pháp hay Anh.

§74. Vậy thì, để kết luận, dù quyền lực mệnh lệnh của người cha không kéo dài qua khỏi tuổi vị thành niên của con ông, và chỉ ở mức độ thích hợp cho kỷ luật và việc quản lý đối với lứa tuổi này; và dù có sự tôn kính và quý trọng cũng như tất cả những gì mà người Latin⁴³ gọi là *hiếu thảo* - là việc chịu ơn không thể nào thiếu được đối với cha mẹ trong suốt cuộc đời họ, ở mọi điền sản, với mọi sự nuôi nấng và bảo vệ vốn có được từ cha mẹ - cũng

⁴³ Chỉ cư dân những vùng thuộc văn hóa Latin như Pháp, Tây Ban Nha, Ý... khác với dân Anh của tác giả, là người Angle.

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

không đem lại cho cha mẹ quyền lực cai trị nào, tức việc làm ra luật pháp và quy định các hình phạt có tính pháp lý đối với con mình.

[D]ù với tất cả những điều này, ông không hề có quyền chi phối đối với sở hữu hay hành động của con ông, nhưng rõ ràng rất dễ hình dung là trong buổi đầu của thế giới này, và nay vẫn còn ở nhiều nơi, sự thừa thớt của cư dân phó mặc cho các gia đình phân tán vào những vùng vô chủ, và họ có chỗ để tự di chuyển hay đến định cư tại những vùng cư trú còn chưa có người, để người *cha của gia đình* trở thành quân vương của vùng này*. [Ô]ng đã

* *Vì thế, không phải là một quan niệm đầu đầu ở điều là vị triết gia tối cao cho rằng người đứng đầu của mỗi gia đình, có thể nói, luôn luôn là một ông vua; vì thế khi số người của các hộ gia đình cùng liên kết với nhau trong xã hội dân sự, thì vua chúa là loại hình đầu tiên trong số những người cai quản; đó cũng dường như là lý do mà danh xưng của người cha vẫn còn ở lại với họ khi đã trở thành người cai trị; cũng là tục lệ cổ đại mà những người cai quản thực hiện với tư cách là Melchizedeck, và là quốc vương, để thực hiện nghi lễ của thầy tư tế, điều mà những người cha làm ở buổi đầu, có lẽ đều tiên triển cùng lúc. Dù sao thì đây không phải là loại nhóm cai trị duy nhất được tiếp nhận trên thế giới này. Những phiền phức của loại này đã là nguyên nhân đưa đến nhiều loại khác mà có thể nghĩ ra được; vì thế, bằng một từ của bất kỳ loại nào, thì mọi nhóm cai trị công đều dường như rõ ràng đã phát sinh từ sự khuyên bảo, tham vấn thận trọng và cấu thành nên giữa nhiều người, khi xét đoán về sự thuận tiện và nhiệm vụ của nó. [Đ]iều không thể xảy ra trong tự nhiên khi được xem xét bởi chính nó, chính là con người có thể sống mà không có một tập hợp chung nào (Hooker's Eccl. P. 1. i. sect. 10).*

là một nhà cai trị từ lúc bắt đầu, vào thời các con ông còn thơ ấu; và [khi chúng lớn lên]⁴⁴ vì lẽ không có chính quyền nào đó thì sẽ khó cho chúng khi sống chung với nhau, nên khả năng cao nhất là bằng sự chấp thuận công khai hay ngầm ẩn của những người con đã lớn, đặt chính quyền này vào người cha, nơi có lẽ vừa đủ để tiếp tục mà không có những thay đổi. Và khi thật sự không có gì cần đến hơn là việc cho phép một mình người *cha* thi hành, trong gia đình của ông, quyền thực thi luật tự nhiên mà mỗi người tự do đều đã mặc nhiên có, và bằng sự cho phép đó trao cho ông một quyền lực quân chủ, đồng thời họ cũng duy trì trong phạm vi quyền lực đó. Nhưng điều này không phải là từ một *quyền gia trưởng* nào cả, mà chỉ từ sự chấp thuận của các con ông. [B]ằng chứng mà không ai nghi ngờ là từ đây, dù chỉ là một người lạ nào đó, đến với gia đình này từ sự tình cờ hay do công việc, và tại đây đã phạm phải một sự việc bất kỳ hay giết một người con của ông, thì ông có thể kết tội và bắt người này phải chết hoặc đưa ra hình phạt khác, như đối với người con nào đó của ông, là điều mà

(*Triết gia tôi cao* đề cập ở đây là ám chỉ đến Aristotle khi ông nói về ý này trong *Politics* (Chính trị), đặt biệt ở quyền I §2; *Melchizedeck* là tên gọi để chỉ hàng giáo phẩm mà ở ngày nay là tương đương với giám mục - LTH.)

⁴⁴ Ở bản sách được Prometheus Books ấn hành năm 1986, in theo bản năm 1690, câu này đúng là: *và khi chúng lớn lên, vì lẽ không có chính quyền nào đó thì sẽ khó cho chúng...*, rõ nghĩa hơn.

ông không thể thực hiện từ quyền lực gia trưởng đối với một người không phải là con ông, mà chỉ từ quyền thực thi luật tự nhiên mà ông có quyền, với tư cách một con người. [V]à tự một mình ông có thể trừng phạt người này trong gia đình của ông, nơi mà sự kính trọng của các con ông đặt trên việc thực thi một quyền lực như vậy, khi chuyển giao phẩm giá và thẩm quyền mà họ sẵn lòng tiếp tục để lại nơi ông, và ông trở thành người đứng trên những người còn lại của gia đình.

§75. Vì vậy, thật dễ dàng và hầu như là tự nhiên đối với con cái, bằng sự chấp thuận ngầm ẩn và hiếm khi tránh được, đã dọn đường cho *thẩm quyền và chính quyền của người cha*. Họ đã được tập cho quen từ nhỏ, để đi theo hướng của ông, để quy những khác biệt nhỏ giữa họ với nhau về cho ông xử lý. [V]à khi họ đã là những người đàn ông, còn ai là người thích hợp hơn để cai trị họ? Những tài sản ít ỏi của họ, và cũng ít có sự tham lam, hiếm khi đủ sức tạo ra những tranh cãi lớn; và khi có điều gì đó nảy sinh, đâu là nơi họ có thể có một người phân xử thích hợp hơn là ông, vốn bằng sự chăm sóc đã khiến mỗi người con đó được nuôi dưỡng và duy trì cuộc sống; và còn ai đã có sự nhân hậu với tất cả họ [hơn là ông]? Không có gì ngạc nhiên khi họ đã không phân biệt giữa thời vị thành niên và tuổi trưởng thành, mà cũng không tìm kiếm nó sau tuổi hai mươi một hay một độ tuổi nào khác mà có thể tạo cho họ vị thế của những người sắp đặt tự do đối với bản thân và số phận của chính mình, khi

mà họ không hề mong muốn ra khỏi tình trạng giám hộ đôi với mình. Cái chính quyền mà họ sống dưới đó đã tiếp tục là nơi bảo vệ hơn là nơi kiểm tóa họ, và họ không thể tìm ra một nơi nào nữa có được sự bảo đảm lớn hơn cho hòa bình, cho các quyền tự do và cho số phận của họ, hơn là nơi có sự *cai trị của một người cha*.

§76. Vì thế mà *những người cha* mang tính tự nhiên của các gia đình, bằng một thay đổi không nhận biết được, cũng đã trở thành *những nhà vua mang tính chính trị*. [K]hi những người cha này may mắn mà sống thọ và để lại những người thừa kế có khả năng và xứng đáng, trong vài đời kế vị, hay theo cách thức khác nào đó, thì vì thế mà họ đã đặt nền tảng cho các vương quốc có tính cha truyền con nối hay những vương quốc có sự bầu chọn, dưới sự chi phối của một số hiến chế và tập quán, và cũng tùy dịp, theo sự sắp đặt hay cơ hội khi diễn ra mà đúc nên vương quốc theo dạng nào. Nhưng dù các quân vương có được tước vị bằng quyền của cha mình, và nó là bằng chứng đầy đủ của *quyền tự nhiên của người cha* đối với thẩm quyền chính trị, vì họ thường là những người mà *trên thực tế* nắm trong tay công việc hành xử của chính quyền; thì tôi có thể nói rằng nếu lập luận này là đúng, nó cũng sẽ minh chứng một cách mạnh mẽ rằng mọi quân vương, nói cho đúng là chỉ các quân vương, cần phải là những thầy tư tế, vì vào lúc khởi đầu, *người cha của gia đình đã là một thầy tư tế, chắc chắn như ông đã là người cai trị trong hộ gia đình của riêng mình*.

CHƯƠNG VII

VỀ XÃ HỘI CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ

§77. Thượng đế, khi tạo nên con người như một sinh vật như thế, theo xét đoán của riêng ngài, sẽ là không tốt nếu cho họ trợ trợ chỉ có vậy, nên đã đặt họ dưới những nghĩa vụ mạnh mẽ, trong sự tất yếu, thuận lợi và có sẵn thiên hướng để đưa họ vào đời sống *xã hội*, cũng như khiến họ thích hợp với hiểu biết và ngôn ngữ để duy trì và thụ hưởng xã hội đó. *Xã hội đầu tiên* là giữa người đàn ông và người vợ, là cái tạo khởi đầu cho quan hệ giữa cha mẹ và con cái, và cũng là cái mà đến lúc quan hệ giữa chủ và tớ sẽ được thêm vào. Dù tất cả những điều này có thể, và thường đáp ứng lẫn nhau, tạo nên chỉ mới là một gia đình, nơi ông chủ hoặc bà chủ của gia đình cũng đã có một loại cai quản thích hợp nào đó đối với gia đình; và mỗi người trong số này, hay tất cả họ cùng với nhau, đã nhanh chóng bước tới một *xã hội chính trị*, như chúng ta sẽ thấy, nếu xét đến những mục đích, ràng buộc và giới hạn khác nhau của mỗi người trong số họ.

§78. Cái *Xã hội giữa vợ và chồng* được tạo nên từ một thỏa ước tự nguyện giữa đàn ông và đàn bà,

và dù nó chủ yếu là ở quan hệ tình cảm và gắn với thể xác của người khác, cái đóng vai trò là điều cần thiết đối với mục đích chính của nó là sự sinh sản, thì cũng kéo theo với nó là sự nương tựa và trợ giúp hỗ tương, đồng thời cũng là quan hệ của những lợi ích, với vai trò là điều cần thiết không chỉ để hợp nhất sự chăm sóc và tình cảm của họ, mà còn thiết yếu đối với con cái chung của họ, vốn có quyền nhận được sự nuôi dưỡng và cru mang từ họ, cho đến khi chúng có thể tự làm điều đó cho mình.

§79. Vì mục đích của sự *liên hợp giữa nam và nữ* không là sự sinh sản thuần túy, mà là sự nối tiếp của giống loài, nên sự liên hợp này phải tiếp tục tồn tại, ngay cả sau khi sinh sản, chừng nào mà nó còn là điều cần thiết cho việc nuôi dưỡng và nương tựa của những người trẻ, vốn duy trì được sự tồn tại nhờ những người đã sinh ra họ, cho đến khi có thể tự thay thế và lo liệu cho chính mình. Ta thấy rằng, quy tắc này, mà sự thông thái vô hạn của đấng Tạo hóa đã sắp đặt cho các tác phẩm từ đôi tay ngài, được những sinh vật cấp thấp hoàn toàn tuân theo. Ở các động vật đẻ con và được nuôi lớn bằng cỏ, sự *liên hợp giữa con đực và con cái* tồn tại không vượt quá chính cái hành động giao phối. [V]ì bầu vú của con mẹ có thể nuôi dưỡng cho con đến khi nó có thể tự nuôi ăn trên đồng cỏ, con đực làm cha nhưng bản thân nó không lo lắng cho vợ hay cho con trong chuyện ăn uống mà nó không đóng góp được gì. Nhưng ở những thú săn mồi, sự *liên*

hợp này tồn tại lâu hơn, vì con mẹ không thể sinh sống và nuôi dưỡng con của mình bằng mỗi mà một mình nó sẵn được (một cách sống siêng năng hơn và cũng nguy hiểm hơn thay vì sinh sống trên đồng cỏ); sự trợ giúp của con đực là cần thiết để duy trì gia đình chung của chúng khi các con thú con không thể tự sinh sống, mà chỉ duy trì bằng việc cùng chăm lo của con đực và con cái, cho đến khi con của chúng có thể tự săn mồi cho mình. Cách thức này cũng được quan sát thấy ở tất cả các loài chim (trừ một số giống được nuôi trong nhà, thức ăn dồi dào đã miễn cho con trống khỏi việc nuôi ăn và chăm lo cho đàn con nhỏ), khi mà chim non còn nhu cầu có thức ăn trong tổ, con trống và mái còn tiếp tục làm bạn đời, cho đến khi chim non có thể sử dụng đôi cánh và tự lo liệu cho mình.

§80. Và tôi cho rằng điều chủ yếu là ở đây, nếu không nói đó là nguyên do duy nhất *tại sao giống đực và giống cái của loài người bị ràng buộc vào một sự liên hợp lâu dài hơn* so với những sinh vật khác. [Đ]ó là vì nữ giới có khả năng thụ thai, với thực tế thường là lại tiếp tục có con khi lần sinh nở mới thì còn rất lâu trước khi đưa trước không còn phụ thuộc vào sự cưu mang dựa trên giúp đỡ của cha mẹ và có thể tự mình thay thế vai trò đó, cũng như có được tất cả những trợ giúp vốn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với nó; do đó mà người cha, bị ràng buộc với việc chăm lo cho những người ông đã sinh ra, có nghĩa vụ phải tiếp tục giữ một xã hội vợ chồng với cùng người đàn bà đó, lâu hơn so với các

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

sinh vật mà con của chúng có thể tự nuôi sống trước khi một mùa sinh sản mới lại đến. [Ở những sinh vật này,] ràng buộc vợ chồng tự tan rã và chúng trở nên tự do cho đến khi *thân hôn nhân* - vào dịp được nhớ đến theo thường lệ của ông - lại sẽ mời gọi chúng chọn lựa một bạn đời mới. Người ta không thể làm gì hơn là thán phục sự thông thái của đấng Tạo hóa vĩ đại, vì sau khi cho con người biết dự liệu trước và một khả năng nhằm dành cho tương lai cũng như nhằm đáp ứng cho sự cần thiết hiện tại, ngài đã khiến cái *xã hội của người đàn ông và vợ tất yếu phải tồn tại lâu dài* hơn quan hệ giữa con đực và con cái nơi các sinh vật khác, đến mức là sự cần cù của họ nhận được khuyến khích và lợi ích của họ có thể được kết hợp tốt hơn, để dự phòng và dành dụm nhiều thứ cho những việc chung của họ, là những điều hỗn tạp còn chưa xác định hay những giải pháp dễ dàng và thường xuyên của xã hội vợ chồng, mà có thể sẽ tạo sự xáo trộn mãnh liệt.

§81. Nhưng dù những điều này là sợi dây trói buộc loài người, khiến cho những ràng buộc vợ chồng thêm vững chắc và tồn tại lâu dài nơi con người hơn là ở những loài vật khác, thì nó vẫn đem lại lý do để hỏi, rằng tại sao *thỏa ước* này, với sự sinh sản và giáo dục được bảo đảm, việc thừa kế được quan tâm, lại có thể không được xác định hoặc bằng sự chấp thuận, hoặc tại một thời điểm nhất định, hoặc trên những bối cảnh nào đó, như bất kỳ thỏa ước tự nguyện nào khác, không là sự tất yếu trong bản

chất của vấn đề, mà cũng không cần thiết đối với những mục đích của nó, vốn luôn cần có cho cuộc sống. [Ý] tôi là những điều như thế lại không được đặt dưới sự ràng buộc của bất kỳ luật xác thực nào, là cái quy định những kế ước như thế là vĩnh viễn.

§82. Nhưng người chồng và người vợ, dù chính là có một quan tâm chung, họ vẫn có những hiểu biết khác nhau, và đôi khi cũng sẽ không tránh khỏi khác biệt về ý chí. Vì thế mà nhất thiết là cái ý chí giữ vai trò quyết định, tức cái có quyền cai trị, phải được đặt ở đâu đó; và nó rơi vào người đàn ông một cách tự nhiên, với tư cách là người có năng lực hơn và mạnh mẽ hơn. Nhưng điều này chỉ động chạm đến những việc thuộc về lợi ích và sở hữu chung của họ, còn thì vẫn để cho người vợ chiếm hữu đầy đủ và tự do đối với những gì mà theo kế ước là quyền riêng biệt của bà, và cho người chồng không nhiều quyền lực đối với cuộc sống của người vợ so với cũng quyền lực này bà ta có đối với chồng. *Quyền lực của người chồng* khác xa với quyền lực của một ông vua chuyên chế, và nhiều khi người *vợ* có quyền tự do *tách khỏi* chồng, ở những trường hợp mà quyền tự nhiên hay kế ước của họ cho phép, dù kế ước đó được làm bởi chính họ trong trạng thái tự nhiên, hay bởi tập quán hoặc luật pháp nơi đất nước họ sống; và con cái, từ sự chia tách như vậy, sẽ theo lá thăm mà về với cha hay với mẹ, như một kế ước như vậy xác định.

§83. Vì tất cả mục đích của *hôn nhân* đạt được dưới sự cai quản chính trị cũng chẳng khác gì điều

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

đạt được trong trạng thái tự nhiên, nên quan cai trị dân sự không tước đoạt quyền hay quyền lực của điều tất yếu tự nhiên đối với những mục đích này, tức sự sinh sản và nuông tựa, trợ giúp hỗ tương trong thời gian họ cùng chung sống; mà [ông ta] chỉ phân xử những tranh cãi có thể xảy ra giữa người đàn ông với vợ về những vấn đề của họ. Nếu không có sự phân xử này, cùng với việc *chủ quyền tối cao* tuyệt đối và quyền sinh sát vốn tự nhiên thuộc về người chồng, đã là *tất yếu trong quan hệ giữa người đàn ông với vợ*, thì sẽ không có đời sống vợ chồng ở bất kỳ đất nước nào mà người chồng được phép có một thẩm quyền tuyệt đối như vậy. Mà mục đích của đời sống vợ chồng cũng không cần đến một quyền lực như thế ở người chồng, bởi cảnh của *xã hội vợ chồng* không đặt quyền lực đó vào ông, nó không cần thiết chút nào cho quan hệ đó cả. [N]ói cho đúng, tính cộng đồng về tài sản và quyền lực đặt lên chúng, sự trợ giúp và cuu mang hỗ tương, cùng những điều khác nữa thuộc về *xã hội vợ chồng* có thể được đa dạng hóa và được điều tiết từ cái khế ước đã làm nên sự hợp nhất giữa người đàn ông và người vợ trong kiểu xã hội này, trong chừng mực có thể phù hợp với việc sinh sản và nuôi dưỡng con cái cho đến khi chúng có thể tự xoay xở. [K]hông có gì cần thiết cho một kiểu xã hội nào đó khi mà nó không cần thiết cho những mục đích mà vì đó xã hội này được tạo dựng.

§84. *Cái xã hội giữa cha mẹ và con cái, và giữa các quyền và quyền lực khác nhau vốn thuộc về họ*

VỀ XÃ HỘI CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ

một cách riêng biệt, là điều tôi đã đề cập cụ thể trong chương trước và không cần thiết phải nói thêm ở đây. Và tôi cho rằng rõ ràng là nó khác xa với xã hội chính trị.

§85. *Chủ nhân và đầy tớ* là những cái tên xưa như Trái đất nhưng đã đem lại cho những con người đó thân phận rất khác biệt. [M]ột người tự do tự biến mình thành đầy tớ cho người khác bằng cách bán mình trong một thời gian nhất định, đảm nhận việc phục dịch để đổi lấy tiền lương anh ta nhận; và dù điều này thường đặt anh ta vào trong gia đình của người chủ, dưới một tình trạng kỷ luật vẫn thường gặp của nó, nhưng cũng chỉ cho chủ nhân một quyền lực tạm thời đối với anh ta và không lớn hơn điều được bao hàm trong *khế ước* giữa họ với nhau. Nhưng còn có một loại đầy tớ khác, mà bằng cái tên riêng biệt chúng ta gọi họ là *nô lệ*, là những người bị bắt trong chiến tranh và theo quyền tự nhiên thì phải chịu khuất phục trước quyền uy tuyệt đối và quyền lực độc đoán của chủ nhân. Những người này, như tôi nói, đã bị tước đi cuộc sống của riêng họ, và cùng với nó là các quyền tự do, bị mất hết điền sản và rơi vào *tình trạng nô lệ*, không có khả năng có bất kỳ sở hữu nào. [V]à trong tình trạng đó, họ không thể được xét đến như một phần của *xã hội dân sự*, nơi mà mục đích chính của nó là sự bảo toàn đối với sở hữu.

§86. Vậy chúng ta hãy xét đến *chủ nhân của một gia đình* cùng với tất cả những quan hệ phụ thuộc

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

của vợ, con cái, đầy tớ và nô lệ, thống nhất dưới gia quy của gia đình, là cái mà dù có thể tương đồng đến đâu chẳng nữa trong trật tự, chức vụ và cả số lượng của nó với một cộng đồng quốc gia nhỏ, thì vẫn khác rất xa với một cộng đồng như vậy, cả trong hiến chế lẫn trong quyền lực và mục đích. [C]òn nếu nó phải được xem là một nền quân chủ, và do đó càng có nhiều các vị *gia trưởng* thì càng có nhiều những ông vua chuyên chế, thì nền quân chủ chuyên chế sẽ chỉ có một quyền lực vụn vờ và ngắn ngủi khi - theo điều đã được nói trên đây - rõ ràng là chủ nhân của gia đình chỉ có một quyền lực hạn chế tách biệt và khác biệt đối với những người trong gia đình, cả về thời gian và phạm vi. Với việc loại bỏ người nô lệ ra (và gia đình là một gia đình lớn, còn quyền lực của ông ta cỡ như khi có nhiều gia trưởng, dù có nô lệ nào hay không trong gia đình của ông), thì ông không có quyền lực lập pháp nào lên sự sinh tử của bất kỳ ai trong số họ; và cũng như ông, không một *bà chủ gia đình* nào có thể có quyền lực này. Như thế ông chắc chắn không thể có một quyền lực tuyệt đối lên toàn bộ *gia đình*, mà chỉ có một quyền lực rất hạn chế lên các cá nhân trong đó. Nhưng *gia đình* hay bất kỳ quan hệ xã hội nào khác của con người, khác biệt như thế nào với chính cái *xã hội chính trị*, thì cách tốt nhất để chúng ta nhận ra là xem xét khía cạnh mà chính *xã hội chính trị* bao hàm.

§87. Con người sinh ra, như đã được chúng minh, với một địa vị tự do hoàn hảo và sự thụ

hưởng không bị kiểm soát đối với tất cả các quyền và những ân huệ của luật tự nhiên, một cách bình đẳng như bất kỳ ai khác hay như với tất cả lượng người có trên thế giới này. [M]ang bản chất của một quyền lực, địa vị đó không chỉ để bảo toàn sở hữu của một con người, tức là sinh mạng, quyền tự do và điền sản của anh ta, chống lại những phương hại và xâm phạm của người khác; mà còn để xét xử và trừng phạt những vi phạm đối với luật này của người khác, ngay cả bằng cái chết, khi người đó được chứng minh là phạm tội, với thực tế tội lỗi ghê tởm mà ngay trong suy nghĩ của anh ta đã muốn hành động như vậy. Nhưng vì không một *xã hội chính trị* nào có thể có, mà cũng không thể tồn tại, khi mà không có một quyền lực tự thân nhằm bảo toàn sở hữu, và thêm vào, để trừng phạt người phạm tội đối với người khác trong xã hội; nên ở đó - và chỉ ở đó, là xã hội chính trị, nơi mà mỗi một thành viên của nó đã rời bỏ quyền lực tự nhiên của mình và trao vào tay của cộng đồng, trong tất cả các trường hợp, mà không loại trừ anh ta khỏi quyền cáo kiện đến luật pháp, vốn được thiết lập từ cộng đồng đó, để nhận được sự bảo hộ. Và vì thế, mọi phán xử tư riêng đối với các thành viên cụ thể đều bị loại trừ, cộng đồng trở thành người phân xử, theo những luật lệ thường trực đã được cố định, khách quan và như nhau đối với mọi bên, từ những người nhận thẩm quyền từ cộng đồng để thực thi những luật lệ này, quyết định về tất cả những khác biệt có thể xảy ra giữa các thành viên bất kỳ trong

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

xã hội, về bất kỳ vấn đề gì thuộc về lẽ phải của họ, và trừng phạt những vi phạm của bất kỳ thành viên nào phạm phải chống lại xã hội, với những hình phạt như đã được luật pháp thiết định, mà theo đó dễ dàng phân biệt là ai có và ai không có trong cùng một *xã hội chính trị* với nhau. Những người được hợp nhất trong một cơ thể xã hội, đồng thời có luật pháp và cơ quan tư pháp được thiết lập chung để cáo kiện đến, với thẩm quyền quyết định những tranh cãi giữa họ và trừng phạt người vi phạm, là những người cùng chung sống *trong một xã hội dân sự*. [C]òn những người mà không có chỗ làm nơi cáo kiện chung như thế - tôi muốn nói trên Trái đất vẫn có nơi còn trong trạng thái tự nhiên, thì mỗi người - ở nơi mà vốn không có ai khác - là người phán xử và người thừa hành cho chính mình, tức điều mà, như tôi đã chỉ ra, là một *trạng thái tự nhiên* hoàn hảo.

§88. Và vì thế mà cộng đồng quốc gia có được quyền lực để gán loại trừng phạt nào dành cho những vi phạm luật pháp mà cộng đồng cho rằng đáng như vậy, đối với những thành viên nào của xã hội phạm phải (*quyền định ra luật pháp*), cũng như có quyền lực để trừng phạt bất kỳ sự phung phí nào gây ra cho thành viên của nó, từ bất kỳ ai không thuộc về cộng đồng quốc gia (*quyền chiến tranh và hòa bình*), và tất cả điều này là để bảo toàn sở hữu của mọi thành viên trong xã hội, đến mức cao nhất có thể được. Nhưng dù mỗi người đã gia nhập vào xã hội dân sự và trở thành thành viên của

VỀ XÃ HỘI CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ

một cộng đồng quốc gia bất kỳ, và do vậy đã rời bỏ quyền của mình trong việc [trực tiếp] trừng phạt những tội phạm chống lại luật tự nhiên bằng sự truy tố xuất phát từ phán xử tư riêng của chính anh ta, và bằng sự phán xử đối với các tội phạm mà anh đã nhường cho cơ quan lập pháp trong mọi trường hợp có thể cáo kiện đến quan cai trị, thì anh ta đã trao cho cộng đồng quốc gia quyền thực hiện vũ lực của mình, để thực thi các phán xét của cộng đồng quốc gia, bất cứ khi nào mà anh ta kêu gọi đến nó, là cái thật sự là những phán xét của chính anh ta, được chính anh ta hay đại diện của anh ta làm nên. Và ở đây chúng ta thấy nguồn gốc của *quyền lực lập pháp* và *quyền lực hành pháp* trong xã hội dân sự, vốn là để phán xét - bằng những luật thường trực - mức độ mà các tội phạm bị trừng phạt khi phạm phải trong cộng đồng quốc gia; và cũng là để xác định, bằng những phán xử theo trường hợp cụ thể căn cứ trên bối cảnh thực tế hiện thời; và cả hai điều này là nhằm sử dụng tất cả vũ lực của mọi thành viên, khi nào nó được cần đến.

§ 89. Vì thế, hễ khi nào có một lượng người hợp nhất trong một xã hội, với tính cách là mỗi người rút khỏi quyền thực thi luật tự nhiên của mình và trao quyền lực đó cho cộng đồng, thì khi đó - và chỉ khi đó, nó là một *xã hội chính trị*, tức là một *xã hội dân sự*. Và nếu điều này được thực hiện, hễ nơi nào có một lượng người bất kỳ thuộc trạng thái tự nhiên mà gia nhập vào xã hội và làm nên một cộng đồng nhân dân, thì đó là một cơ thể chính trị, dưới một

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

chính quyền tối cao; hoặc là vào lúc khác, khi ai đó bất kỳ tự liên kết mình vào và hợp nhất với một chính quyền đã được tạo lập rồi, vì bằng biện pháp này anh ta đã ủy quyền cho xã hội - cái tổng thể toàn vẹn, cho cơ quan lập pháp - để định ra luật pháp cho anh ta, theo như lợi ích công của xã hội đòi hỏi, cho cơ quan hành pháp - để có sự trợ giúp mà chính anh ta được hưởng (theo những mức độ của riêng mình). Và điều này đưa người ta ra khỏi trạng thái tự nhiên để bước vào một cộng đồng quốc gia, bằng việc dựng nên một người phán xử thế tục với thẩm quyền quyết định tất cả những tranh cãi và bồi thường cho những phương hại có thể xảy ra cho bất kỳ thành viên nào của cộng đồng này. [N]gười phán xử đó là cơ quan lập pháp hoặc quan cai trị được chỉ định từ đây. Và hễ ở đâu có một lượng người, dù đã liên hợp lại, nhưng không có quyền lực nào có thể đưa ra quyết định như thế để mọi người cáo kiện đến, thì ở đó vẫn chỉ là trong trạng thái tự nhiên.

§90. Do đó mà hiển nhiên, nền *quân chủ chuyên chế*, với một số người được xem là những người cai quản duy nhất trên thế giới này, là điều thật sự *mâu thuẫn với xã hội dân sự*, và vì thế không hề là hình thức của chính quyền dân sự. Vì *mục đích của xã hội dân sự* là để tránh những phiền phức của trạng thái tự nhiên, và nó cũng chính là phương cách giải quyết cho những phiền phức tất yếu theo cùng với trạng thái này, ở việc mỗi người đều là quan tòa cho trường hợp của riêng mình, bằng cách thiết lập

VỀ XÃ HỘI CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ

một thẩm quyền được nhận biết mà mỗi người của xã hội dân sự đều có thể cáo kiện đến do có bất kỳ sự phương hại nào đã phải nhận lấy hay vì những tranh cãi có thể nảy sinh, và đó là thẩm quyền mà mọi người trong xã hội phải tuân thủ². Nơi đâu mà những con người bất kỳ không có một nơi có thẩm quyền như vậy để cáo kiện đến hầu có được quyết định cho sự khác biệt bất kỳ nào đó giữa họ, nơi đó người ta vẫn sống *trong trạng thái tự nhiên*, và vì thế mỗi người họ là một *quân vương chuyên chế* đối với những người sống dưới *quyền thế* của họ.

§91. Vì quân vương được cho rằng có tất cả nơi mình ông, cả quyền lập pháp lẫn quyền hành pháp, nên không một quan tòa nào được tìm thấy, không một cáo kiện nào được mở ra, đến bất kỳ người nào có thẩm quyền quyết định, công bằng và vô tư, và từ quyết định của người này có thể hy vọng đến việc giảm nhẹ và sửa chữa cho những phương hại hay phiền phức bất kỳ nào đó đã phải chịu từ quân vương hay từ mệnh lệnh của ông. Đến mức mà một quân vương như vậy, dù được trao quyền, là *Sa*

² *Quyền lực công của toàn thể xã hội đứng trên mọi tâm ý riêng có trong xã hội đó, và công dụng chính yếu của quyền lực này là đem luật pháp đến cho tất cả những ai sống dưới nó, cái luật pháp mà trong những trường hợp như vậy chúng ta phải tuân thủ, trừ khi có lý do cho thấy điều có thể có hiệu lực - từ luật lý trí hay luật của Thượng đế - ra lệnh điều ngược lại.* (Hooker, Eccl. Pol. I. i. sect. 16)

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

hoàng hay *Lãnh chúa Vĩ đại*⁴⁵, hay là [tên gọi] gì khác mà quý vị muốn, với tất cả những gì đặt dưới sự thống trị của ông, thì ông cùng với phần loài người còn lại cũng chỉ là như *trong trạng thái tự nhiên* mà thôi. Vì ở đâu có hai người bất kỳ mà lại không có luật lệ thường trực và quan tòa thế tục chung để cáo kiện, hầu có được quyết định về những tranh cãi về lẽ phải giữa họ với nhau, ở đó họ vẫn *trong trạng thái tự nhiên* và sống dưới mọi phiền phức của nó, ngay cả bằng sự khác biệt đáng buồn này đối với thần dân, những người mà nói cho đúng ra, chính là nô lệ của một quân vương chuyên chế³⁷.

⁴⁵ Lãnh chúa Vĩ đại (Grand Seignior): danh hiệu của Sultan Thổ Nhĩ Kỳ (Sultan: danh xưng của vua chúa ở các nước Hồi giáo, có xuất xứ từ Thổ Nhĩ Kỳ, đầu thế kỷ XI).

³⁷ Lấy đi tất cả những phiền trách, tổn thương và sai trái gây ra cho nhau - tức là, ví dụ, quan tâm đến con người trong trạng thái tự nhiên - không có cách nào khác ngoài việc dân đi đến sự kết hợp và thỏa thuận giữa họ với nhau, bằng việc quy định loại cai quản công nào đó, và thêm vào đó, bằng việc tự mình chịu sự phục tùng đối với những người mà họ đã ban cho thẩm quyền cai trị và cai quản; từ những người này mà trạng thái hòa bình, thanh tĩnh và hạnh phúc của những người còn lại có thể có được. Con người luôn biết rằng nơi nào vũ lực và sự phương hại được tạo cơ hội, thì họ có thể là những người phòng vệ cho chính mình; họ biết rằng dù người ta có thể tìm kiếm những gì thuộc về chính họ, nhưng nếu điều này được thực hiện bằng sự phương hại gây ra cho người khác, nó không thể chấp nhận được, mà phải với việc là mọi người và mọi phương tiện tốt vẫn được giữ vững. Cuối cùng, họ biết rằng không một ai biết phải trái để mà giao cho anh ta quyết định về quyền của riêng mình, và theo sự xác định của riêng anh ta mà tiếp tục duy trì ở mức tồi đa có thể được trong

Đến mức là trong khi ở trạng thái tự nhiên bình thường, thần dân có quyền tự do để phán xét về quyền của mình và duy trì nó, theo những gì tốt nhất từ quyền lực của mình; thì nay khi sở hữu của anh ta bị xâm đoạt bởi ý chí và mệnh lệnh của nhà vua, anh ta không những không thể cáo kiện, như những người trong xã hội cần phải có, mà còn - như thể anh ta bị thoái hóa so với tình trạng chung của những sinh vật có lý trí - bị từ chối quyền tự do để phán xét về quyền của mình hay để bảo vệ nó, và vì thế mà bị đặt vào tình thế phải hứng chịu tất cả cảnh khổ cực và những phiền phức, đến độ người ta có thể sợ hãi trước một con người nay đang trong trạng thái tự nhiên không bị kiểm tỏa, mà lại còn trở nên thối nát bằng sự xu nịnh và được vũ trang bằng quyền lực.

§92. Đối với ai nghĩ rằng *quyền lực chuyên chế sẽ thanh lọc giống nòi* và sửa chữa tính hèn hạ nơi bản chất con người, thì chỉ cần đọc lịch sử của thời đại này hay bất kỳ thời đại nào khác, sẽ thấy được rằng thực tế là ngược lại. Giả như ai đó xác láo và gây ra nhiều tổn hại trong các cánh rừng *châu Mỹ*, cũng sẽ không chắc là tốt hơn khi ngồi trên một ngai vàng,

việc mỗi người tự hướng đến mình và đến riêng những người mà anh ta có ảnh hưởng lớn lao; rồi vì thế, các xung đột và rắc rối sẽ trở nên vô tận, trừ khi họ trao ra sự chấp thuận chung, để tất cả được sắp xếp bởi một số người đã có được sự đồng ý với họ; mà nếu không có sự chấp thuận này, sẽ không có lý do gì để một người tự đảm nhận là chúa tể hay phán quan đứng trên người khác. (Hooker's Eccl. Pol. l. i. sect. 10)

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

nơi mà có lẽ học thức và tôn giáo sẽ được nhận ra là cái để biện minh cho mọi điều ông thực hiện với thần dân của mình, và thanh gươm tức thời làm câm lặng tất cả những người dám đặt câu hỏi. Nền *quân chủ chuyên chế bảo vệ* cho cái gì, loại người cha nào nơi đất nước của họ làm nên các quân vương, và nó đem lại hạnh phúc, an ninh đến mức độ nào cho một xã hội dân sự, nơi mà loại chính quyền này trưởng thành và hoàn thiện; nếu người nào nghiên cứu về liên hệ gần đây của *Ceylon*⁴⁶ thì có thể dễ dàng thấy được.

§93. Thật vậy, trong nền *quân chủ chuyên chế*, cũng như những chính quyền khác của thế giới này, thần dân được cáo kiện đến luật pháp, các quan tòa quyết định về bất kỳ tranh cãi nào và kiểm tòa những hành vi bạo lực có thể xảy ra giữa thần dân với nhau, người này với người kia. Điều này mỗi người đều nghĩ là cần thiết, và tin rằng cái người đi khắp nơi để tước đi quyền cáo kiện này, đáng được xem là một kẻ thù công khai của xã hội và loài người. Nhưng cho dù đây là điều xuất phát từ một tinh yêu chân thật của loài người và xã hội, và lòng nhân hậu như vậy là việc mà tất cả chúng ta chịu ơn đối với nhau, thì vẫn có lý do để nghi ngờ. Vì điều này không hơn cái mà những con

⁴⁶ *Ceylon*: tên cũ của đảo quốc Sri Lanka (độc lập năm 1948). Ở đây Locke muốn nói đến tác phẩm *An Historical Relation of the Island of Ceylon* (Liên hệ lịch sử của đảo Ceylon) của Robert Knox, 1680.

VỀ XÃ HỘI CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ

người yêu quyền lực, lợi nhuận hay sự tôn quý của riêng mình có thể làm và phải làm một cách đương nhiên, để giữ cho những động vật này khỏi việc gây tổn hại hay hủy hoại lẫn nhau, mà lao động và lao dịch của họ chỉ là cho sự thỏa mãn và lợi lộc của ông ta, và vì thế được chăm nom không phải từ tình yêu thương nào đó chủ nhân dành cho họ, mà do sự yêu thương đối với chính mình và lợi nhuận đem lại cho ông ta từ họ.

[N]ếu có được hỏi, sự an ninh nào, sự bảo vệ nào có được, trong một trạng thái như vậy, để chống lại bạo lực và áp bức của nhà cai trị chuyên chế này, thì chính câu hỏi này cũng đã hiếm khi mà sinh ra được. Họ sẵn sàng nói với quý vị, rằng điều đó đáng phải kết liễu, vì chỉ có câu hỏi sau khi đã có sự an toàn. Giữa thân dân với thân dân, họ sẽ chấp nhận, rằng chắc hẳn phải có những biện pháp, luật pháp và các quan tòa, vì sự thanh bình và an ninh giữa họ với nhau. Nhưng về phần nhà cai trị, ông phải là tuyệt đối và đứng trên tất cả những tình huống như vậy, vì ông có một quyền lực để gây ra nhiều phương hại và những sai trái, đó là quyền của ông khi thực hiện quyền lực của mình. Hỏi rằng bằng cách nào quý vị được bảo vệ trước sự thiệt hại hay tổn thương mà phía thực hiện nó lại có quyền hành mạnh nhất, thì tức thì đó là tiếng nói của phe phái và nổi loạn. Như thế khi con người thoát khỏi trạng thái tự nhiên và bước vào xã hội, họ đồng ý rằng tất cả họ, trừ ra một người, phải đặt dưới sự kiểm tỏa của luật pháp, rằng con

người đó vẫn giữ lấy mọi quyền tự do của trạng thái tự nhiên, lại còn được gia tăng thêm cùng với quyền lực, và thực hiện những quyền đó một cách bừa bãi do được miễn tố. Điều này đưa đến suy nghĩ rằng con người ta thật là ngu xuẩn khi họ đã cẩn thận để tránh đi những nguy hại do *chôn* hoặc *cáo* có thể gây ra, nghĩ rằng đã an toàn, nhưng kỳ thực lại đang bị nhai nát bởi *sự tử*.

§94. Nhưng bất cứ điều gì những kẻ xu nịnh có thể nói để mua vui cho nhận thức của nhân dân, thì nó cũng không cản trở được cảm nhận của con người, và khi họ nhận biết được, rằng có người bất kỳ nào đó, ở vào một địa vị nằm ngoài những ràng buộc của xã hội dân sự mà họ thuộc về nó, và rằng họ không có được sự cáo kiện trần thế nào để chống lại một thiệt hại bất kỳ mà họ có thể nhận lãnh từ quân vương, thì họ thường nghĩ rằng mình đang sống trong trạng thái tự nhiên. [V]ới ông, họ cũng nhận thấy như thế. [V]à họ lo toan, trong thời gian sớm nhất có thể, nhằm có được sự *an toàn và an ninh trong xã hội dân sự*, vốn được thiết chế nên chính vì điều đó, và chỉ vì điều đó họ mới gia nhập vào. Như thế, dù có lẽ là vào lúc ban đầu (như sẽ được chỉ ra cụ thể hơn sau đây trong phần tiếp theo của luận văn này), một người tốt và xuất sắc nào đó có được khả năng vượt trội hơn số còn lại, có được sự tôn kính như là sự đáp lại cho cái tốt và phẩm hạnh của ông, liên quan đến một loại thẩm quyền tự nhiên vốn là *chính yếu của sự cai trị, với việc phân xử những khác biệt của họ; bằng sự chấp*

thuận ngẫm, họ đã chuyển giao quyền lực vào tay của người này, không có bất kỳ cảnh báo nào khác ngoài sự tin chắc mà họ có về sự chính trực và thông thái của ông; thì theo thời gian, việc trao thẩm quyền và tính thiêng liêng của các tập quán (như một số người thuyết phục chúng ta) đã có vào lúc ban đầu, với tính ngây thơ của sự hững hờ và việc không nhìn thấy trước, đã đem lại cho những người kế vị một con dấu bảo đảm khác. Nhân dân nhận thấy sở hữu của mình không được bảo đảm dưới chính quyền này, có thể nói như vậy (trong khi mà chính quyền không có mục đích nào khác ngoài việc bảo toàn sở hữu), và có thể không bao giờ an toàn, cũng không thể yên tâm, mà họ cũng không nghĩ mình đang sống trong xã hội dân sự, cho đến khi cơ quan lập pháp được đặt vào trong số những cơ quan quyền lực tập thể của con người, được gọi là viện nguyên lão, nghị viện, hay bất cứ tên gì mà chúng ta muốn⁴. Theo đó thì có nghĩa là

⁴ Ban đầu, khi một nhóm cai trị nào đó được cử ra, nó có thể không là gì, rồi được nó nghĩ xa hơn cho một lẽ lối cai quản, nhưng tất cả những gì được dùng để cai trị là đều dành cho sự thông thái và chủ ý hành động của họ; đến khi, bằng sự trải nghiệm, họ nhận thấy rằng điều này đôi với mọi thành phần đều rất phiền phức, vì thế với cái điều mà họ đã nghĩ ra như một phương cách [cai quản xã hội], nó chỉ thật sự làm tăng sự nhức nhối cần phải chữa trị. Họ thấy rằng việc sống bằng [sự quyết định từ] ý chí của một người đã trở thành nguyên nhân cho cảnh cùng cực của mọi người. Điều này thúc ép họ hình thành luật pháp, là cái mà ở mọi mặt ai ai cũng đều có thể thấy trước bốn phận

mỗi một con người cá thể trong cơ quan này trở thành đối tượng bình đẳng với những con người bình thường khác trước luật pháp mà chính mỗi cá thể đó, với tư cách thành phần của cơ quan lập pháp, đã thiết lập. [Cũng theo đó], bất kỳ ai đều không thể, dù với thẩm quyền của riêng mình, né tránh sự bắt buộc của luật pháp một khi nó đã được làm nên; mà cũng không bằng bất cứ sự nguy tạo nào về sự ưu việt để biện hộ cho một sự miễn trừ, và theo đó cho phép những điều như vậy cho riêng mình hay cho những thất bại của những người dựa dẫm vào mình. *Không một ai trong xã hội dân sự có thể được miễn trừ trước luật pháp của nó*⁵, vì nếu ai cũng có thể làm điều mình nghĩ là thích hợp và không có sự cáo kiện thế tục nào để sửa chữa hay bảo đảm nhằm chống lại bất kỳ nguy hại nào mà một người có thể sẽ gây ra, vậy tôi hỏi, ông ta có hoàn hảo được hay không, hay vẫn còn trong trạng thái tự nhiên, và vì thế *không thể là một thành phần hay một thành viên của xã hội dân sự*, trừ khi có ai đó nói rằng trạng thái tự nhiên và xã hội dân sự là một và như nhau, điều mà tôi không bao giờ thấy một ai, với tư cách là người bảo trợ cao cả cho trạng thái vô chính phủ, xác quyết.

và biết được những hình phạt của việc vi phạm chúng. (Hooker's Eccl. Pol. lib. i. sect. 10)

⁵ Luật dân sự, là hành động của tổng thể cơ chế chính trị, vì thế mà nó chỉ phân biệt lên từng thành phần khác nhau của chính cơ chế này. (Hooker, sđd.)

CHƯƠNG VIII

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

§95. Con người, như đã nói, theo tự nhiên, tất cả đều tự do, bình đẳng và độc lập, không một ai có thể bị đưa ra khỏi tình trạng này và phải khuất phục trước quyền lực chính trị của người khác mà không có sự chấp thuận của chính người bị đặt ra. Cách duy nhất mà theo đó một người tước bỏ của chính mình quyền tự do tự nhiên và *gắn với những ràng buộc của xã hội dân sự*, là bằng sự đồng thuận với những người khác để cùng liên kết và hợp nhất trong một cộng đồng, vì cuộc sống tiện lợi, an toàn và thanh bình giữa họ với nhau, trong sự thụ hưởng một cách bảo đảm đối với sở hữu của họ, và một sự an ninh lớn hơn [trước đây, trong trạng thái tự nhiên] để chống lại bất cứ thứ gì không thuộc về điều đó. Bất kỳ thành viên nào của loài người cũng có thể thực hiện điều này, vì nó không gây phương hại đến tự do của những người còn lại; có thể nói, [khi hành động như vậy,] họ được để lại trong sự tự do của trạng thái tự nhiên. Khi có một lượng bất kỳ nào của loài người *đã chấp thuận việc xây dựng một cộng đồng* hay chính quyền, họ vì thế mà tức

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

khắc hợp thành tổ chức và làm nên *một cơ thể chính trị*, nơi mà *đa số* có quyền hành động và quyết định so với những người còn lại.

§96. Khi có một lượng người bất kỳ - do sự chấp thuận của mỗi cá nhân - làm nên một *cộng đồng*, họ vì thế cũng đã tạo cho *cộng đồng* đó một cơ quan có quyền lực để hành động - với tư cách là một cơ thể chung, theo chính ý chí và quyết định của *đa số*. Vì hành động của bất kỳ cộng đồng nào đều chỉ là sự chấp thuận của các cá nhân trong đó, và sự chấp thuận này là điều nhất thiết có để một cơ quan chung vận động thuận chiều, nên nhất thiết là cơ quan đó cần phải vận động trên con đường đi đến nơi có một sức mạnh lớn hơn, là nơi của sự *chấp thuận của đa số*; còn nếu khác đi, sẽ là bất khả để nó có thể hành động hay duy trì như một cơ thể chung, *một cộng đồng* mà sự chấp thuận của các cá nhân hợp thành nó đã đồng ý rằng nó cần phải vậy; vì thế mỗi người bị ràng buộc bởi sự một chấp thuận được quyết định bằng *đa số*. Và do đó, chúng ta thấy rằng trong các hội đồng được các luật xác thực trao quyền hành động, nơi không một con số [cụ thể] nào được quy định từ luật xác thực đã trao quyền cho họ đó, *hành động của đa số* được coi là hành động của toàn thể, và tất nhiên nó quyết định - như đã có, bằng luật tự nhiên và lý trí - quyền lực của toàn thể.

§97. Và như thế, mỗi người, bằng sự đồng thuận với người khác để làm nên một cơ thể chính trị,

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

dưới một chính quyền, cũng đặt chính mình vào một nghĩa vụ, để mỗi người trong xã hội đó, phục tùng quyết nghị của *đa số* và được quyết định từ quyết nghị đó; nếu không, cái *giao ước gốc* mà theo đó anh ta cùng với người khác hợp thành tổ chức trong *một xã hội* sẽ không biểu thị nên gì cả, và không hề là giao ước gì nếu anh ta được để mặc cho tự do và không gắn với một ràng buộc nào khác hơn là điều anh có trước đây trong trạng thái tự nhiên. Một giao ước nào đó hiện diện là còn cho điều gì nữa chứ? Có sự gắn kết mới nào không, nếu anh ta không bị ràng buộc bởi những sắc lệnh của xã hội hơn là chính anh ta nghĩ là thích hợp và đã thật sự chấp thuận nó? Đây vẫn sẽ là một quyền tự do to lớn như chính anh ta có trước khi có giao ước của anh hay bất kỳ ai khác trong trạng thái tự nhiên đã có, vốn chỉ có thể phục tùng chính mình và chấp thuận đối với hành động bất kỳ nào nếu anh ta cho là thích hợp.

§98. Vì nếu *sự chấp thuận của đa số*, về lý lẽ, không được tiếp nhận như *hành động của toàn thể* và quyết định đối với mỗi cá nhân, thì không có gì ngoài sự chấp thuận từ mỗi cá nhân có thể khiến cho một việc bất kỳ trở thành hành động của toàn thể. [N]hung một sự chấp thuận như vậy cũng gần như không thể xảy ra được nếu chúng ta xét đến sự yếu ớt trong sức khỏe, tính lặt vặt trong công việc ở một lượng người, dù ít hơn nhiều so với một cộng đồng quốc gia, sẽ tất yếu khiến nhiều người phải đứng xa khỏi cái hội đồng chung đó. [N]ếu chúng

ta thêm vào đó tính đa dạng về quan điểm và tính mâu thuẫn trong quyền lợi, vốn không thể tránh khỏi ở mọi tập thể người, thì việc bước vào xã hội trên cơ sở những điều kiện như vậy sẽ chỉ như việc Cato bước vào hý viện cũng chỉ là để lại bước ra⁴⁷. Một hiến chế như thế này sẽ khiến cho *Leviathan* hùng mạnh⁴⁸ có thời hiệu ngắn ngủi hơn cả những sinh vật yếu đuối nhất, và không cho nó tồn tại quá cái ngày mà nó được sinh ra. [Đ]ó là điều không thể giả định được cho đến khi chúng ta có thể nghĩ rằng các sinh vật lý trí mong muốn và thiết lập nên xã hội chỉ là để cho nó bị tan rã; vì nơi mà *đa số* không thể quyết định so với phần còn lại, nơi đó họ không thể hành động với tư cách một cơ thể chung, và do đó sẽ lại lập tức tan rã.

§99. Vì thế mà bất cứ ai ra khỏi trạng thái tự nhiên và hợp nhất vào một *cộng đồng* phải nhận

⁴⁷ Đây là đang nhắc đến Cato Nhỏ (95-45 TCN), chính khách thuộc giai đoạn sau của Cộng hòa Rome, theo chủ nghĩa khắc kỷ, được nhắc đến với tính liêm chính, căm ghét tệ hối lộ và những lạm; là cháu của Cato Lớn (234-149 TCN) từng là chấp chính quan (người nắm hành pháp) tại nước Cộng hòa (xem thêm chú thích tại §102). Câu này của Locke đang diễn ý một giai thoại gắn với Cato:

Cur in theatrum, Cato severe, venisti,

An ideo tantum veneras, ut exires?

(Sao trong hý viện Cato lại bước đi nghiêm nghị,

Mà cũng cùng sự nề trọng lúc bước ra?)

⁴⁸ Locke nhắc đến quái vật *Leviathan* mà Thomas Hobbes (1588-1679) bàn đến ở tác phẩm cùng tên, ám chỉ một nhà nước đồ sộ, đầy quyền lực và bao trùm toàn bộ xã hội.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

thức được việc từ bỏ mọi quyền lực, một cách nhất thiết, cho những mục đích mà vì đó họ đã hợp thành xã hội, tạo nên *đa số* của cộng đồng, trừ khi là họ đã đồng ý một cách hoàn toàn rõ rệt với một số lượng còn lớn hơn phe đa số [về những điều không phải như thế]. Và điều này được thực hiện bằng sự đồng ý vừa đủ để *hợp nhất trong một xã hội chính trị*, cái vốn là, hoặc cần phải là, *tất cả những gì mà giao ước xã hội* mang trong nó ý nghĩa, giữa các cá nhân gia nhập vào đó, tức là làm nên một *cộng đồng quốc gia*. Và vì thế, những người đã khởi sự và thật sự *thiết lập nên một xã hội chính trị*, là không có gì khác ngoài sự đồng thuận của một lượng người tự do mang năng lực của một đa số, để hợp nhất và hợp thành trong một xã hội như vậy. Và đây là điều mà - và chỉ điều này - đã đem lại sự *khởi đầu*, hoặc có khả năng đem lại sự *khởi đầu* cho bất kỳ một *chính quyền hợp pháp* nào trên thế giới này.

§100. Với điều này, tôi nhận thấy đã có hai phản đối.

Phản đối thứ nhất, là *không một trường hợp cụ thể nào được tìm thấy trong câu chuyện về một tổ chức chung của những người độc lập và bình đẳng với nhau, đáp ứng được cho nhau, và bằng cách này mà khởi đầu và dựng lên một chính quyền.*

Phản đối thứ hai, *việc người ta thực hiện như thế là điều không thể đúng được, vì mọi người đều được sinh ra dưới một chính quyền [có sẵn], họ phải phục tùng nó và không được tự tiện khởi sinh một chính quyền mới.*

§101. Đôi với ý kiến thứ nhất, đây là câu trả lời: không có gì đáng ngạc nhiên khi lịch sử chỉ đem lại cho chúng ta rất ít lý giải về những *con người đã sống cùng với nhau trong trạng thái tự nhiên*. Sự phiền phức của tình trạng này, cùng tình yêu và sự mong muốn dành cho một trạng thái xã hội đã không hề đem họ lại với nhau sớm hơn, nhưng họ đã lập tức hợp nhất và hợp thành tổ chức nếu có ý định tiếp tục cùng sống với nhau như thế. Và nếu chúng ta không thể giả định *con người từng sống trong một trạng thái tự nhiên* vì chúng ta không biết được nhiều về họ trong trạng thái như vậy, chúng ta cũng có thể giả định rằng các đội quân của *Salmanasser*⁴⁹ hay *Xerxes*⁵⁰ không bao giờ là trẻ em, vì chúng ta biết ít về họ, cho đến khi họ là những người đàn ông và hiện diện trong quân đội. Chính quyền có ở mọi nơi trước khi có những ghi chép, còn chữ nghĩa thì hiếm khi đi vào dân chúng cho đến khi sự tồn tại dài lâu của xã hội dân sự, bằng nhiều tài nghệ cần thiết khác nữa, đem lại cho họ sự an toàn, thoải mái và sung túc. Và rồi họ bắt đầu để ý đến lịch sử về những *người sáng lập* nên xã hội của họ, tìm kiếm sâu vào nguồn gốc của nó, khi họ

⁴⁹ Salmanasser (858-823 TCN): vua người Assyria (vùng lãnh thổ thượng nguồn sông Tigris), người tiếp tục chinh phạt các lân bang trong tiến trình xây dựng đế chế Assyria.

⁵⁰ Xerxes (519?-465 TCN): vua Ba Tư, người tiếp tục thực hiện cuộc chinh phạt lần thứ hai nhắm vào các thành bang Hy Lạp, bị thất bại hoàn toàn vào năm 479 TCN.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

sống lâu hơn ký ức về nó. Vì cùng với *cộng đồng quốc gia*, với tư cách những con người cụ thể, họ thường *không biết về việc ra đời và thời thơ ấu* của chính mình, và nếu họ biết gì đó về *nguồn gốc* này, họ phải mang ơn những ghi chép ngẫu nhiên mà người khác đã lưu giữ lại. Và những gì mà chúng ta có về sự khởi đầu của bất kỳ xã hội chính trị nào trên thế giới này - trừ xã hội của người *Do Thái*, nơi mà Thượng đế đã trực tiếp can thiệp vào⁵¹ và không hề có sự thống trị gia trưởng - là tất cả những trường hợp rõ rệt về sự khởi đầu như chúng ta đã đề cập, hoặc ít ra là có những bước hiển nhiên về sự khởi đầu đó.

§102. Người có ý kiến này hẳn cho thấy một hướng lạ lùng khi từ chối một vấn đề thực tế rành rành, vì nó không nhất trí với giả thuyết của ông ta. [Ô]ng sẽ không cho phép, rằng *khởi đầu của Rome*⁵²

⁵¹ Kinh thánh xem Do Thái là dân tộc được Thượng đế chọn để dọn đường cho việc cứu chuộc cả nhân loại.

⁵² Theo truyền thuyết, Rome được khai lập vào năm 753 TCN bởi hoàng tử Aeneas, sau khi rời khỏi Troy (đây là một trong hai người con sinh đôi mà Achilles giao lại thành Troy sau khi chiến thắng, trở thành vị vua đầu tiên của Vương quốc Rome sau khi giết người anh em sinh đôi kia do cãi cọ về quyền trị vì). Theo những bằng chứng khảo cổ, Rome nhiều khả năng được thành lập trong khoảng thế kỷ IX TCN, từ sự định cư của những người đến từ hai bộ tộc thuộc trung phần Italia là Latin và Sabine. Người Etruscan, từ phía bắc miền trung Italia, thiết lập quyền kiểm soát chính trị đối với vùng này từ cuối thế kỷ VII TCN. Năm 509 TCN, sau khi trục xuất người Etruscan, cư dân Rome xây dựng một hình thức tổ

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

và Venice⁵³ là từ sự hợp nhất của một số người tự do và độc lập với nhau, mà giữa họ vốn không có sự ưu việt hay sự khuất phục đương nhiên nào. Và nếu ngôn từ của *Josephus Acosta*⁵⁴ có thể nắm bắt được, ông nói với chúng ta rằng trong nhiều vùng ở châu Mỹ không có một chính quyền nào cả. Có những phỏng đoán rất có giá trị và hiển nhiên, ông nói, rằng những người này, ý đang nói về những người ở Peru, trong một thời gian dài đã không có nhà vua mà cũng không có cả cộng đồng quốc gia, họ chỉ sống theo đoàn, như hiện nay họ sống ở Florida, như người

chức chính trị được gọi là cộng hòa. Cộng hòa Rome (509-31 TCN), với bộ máy quyền lực gồm ba thành phần gần như tương tự một hệ thống phân quyền ngày nay. Chính ở việc có sự kiểm soát quyền lực như thế, đã là điểm lý giải chủ yếu cho sự tồn tại lâu bền hơn rất nhiều so với Athens hay Sparta (xem thêm chú thích tại §105).

⁵³ Venice: thành phố gồm nhiều đảo thuộc biển Adriatic, đông bắc Italia ngày nay. Theo truyền thuyết, nơi này hình thành năm 422, từ những người Rome chạy lánh nạn người Goth (tộc người German tiến hành xâm lược đế chế Rome trong thời gian thế kỷ III-V) và dần định hình như một thành bang. Cộng hòa Venice (thế kỷ VIII-XVIII) là một thế lực lớn trên biển trong thời kỳ của những cuộc tập tữ chinh (thế kỷ XI-XIII), đồng thời là trung tâm thương mại và nghệ thuật quan trọng thời Phục hưng.

⁵⁴ Josephus Acosta (tức José de Acosta, 1540-1600): sử gia người Tây Ban Nha; *Natural and Moral History of the Indies* (Lịch sử tự nhiên và lịch sử tinh thần của các vùng lãnh thổ Ấn, 1604) của ông là tác phẩm Locke ưa thích, và đoạn được trích ra là từ đây.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

*Cheriquanas*⁵⁵ ở Brasil và nhiều dân tộc khác nữa. [Họ không có những ông vua cố định mà chỉ có những người được đề nghị vào vị trí này vào những dịp nào đó, theo thời bình hay thời chiến. [Họ chọn người đứng đầu theo như họ muốn. (l. i. c. 25) Dù điều cho rằng mỗi người sinh ra là phục tùng đối với người cha, tức là người đứng đầu của gia đình mình, rằng sự phục tùng của con đối với cha không lấy mất của anh ta sự tự do trong việc hợp nhất vào xã hội chính trị nào mà anh cho là thích hợp, đã được chứng minh; thì điều hiển nhiên là những con người này đã thật sự tự do [chứ không phải là phục tùng, khi hợp nhất vào một xã hội], và bất cứ sự ưu việt nào mà một số chính trị gia nay gán vào cho mình - nhưng chỉ từ sự chấp thuận, thì chính họ đã khẳng định là không phải tất cả là bình đẳng, cho đến khi, cũng bằng sự chấp thuận đó, họ đặt nhà cai trị lên trên chính họ. Đến độ là các xã hội chính trị của họ tất thay đều bắt đầu từ một liên hợp tự nguyện và từ thỏa thuận chung của những người có hành động tự do, trong việc chọn lựa người cai quản mình cũng như lựa chọn hình thức của chính quyền.

§103. Và tôi hy vọng những người đã rời khỏi *Sparta*⁵⁶ cùng với *Palantus*⁵⁷, được *Justin*⁵⁸ đề cập

⁵⁵ *Cheriquanas*: một bộ tộc lớn cư trú trong rừng rậm phía đông dãy Andes.

⁵⁶ *Sparta*: cùng với *Athens*, là hai thành bang hùng mạnh nhất của Hy Lạp cổ đại. Trong khi *Athens* được xem là quyền lực trên biển thì *Sparta* là một thế lực quân sự của toàn vùng. Trong những điểm nổi bật nhất của

đến (l. iii. c. 4), sẽ được phép là *những người tự do và độc lập* với nhau, được phép dựng lên một chính quyền đặt trên họ, từ sự chấp thuận của chính họ. Vì thế tôi đã đưa một vài ví dụ ngoài lịch sử về *những người tự do và trong trạng thái tự nhiên* chấp nhận nhau, hợp thành tổ chức và *khởi đầu một cộng đồng quốc gia*. Và nếu cái ý muốn xem những minh họa như vậy là một lập luận để chứng minh rằng *chính quyền* đã không, mà cũng không thể được *khởi đầu* như thế, thì tôi cho rằng các đối thủ của đế chế gia trưởng tốt hơn hết là cứ để mặc nó đó, hơn là khiến cho nó chống lại quyền tự do tự nhiên. [V]ì nếu họ có thể cho rất nhiều minh họa ngoài lịch sử,

đời sống chính trị-xã hội ở thành bang này có thể kể đến, là kinh tế nô lệ, đời sống quân sự và xã hội bình quân... Sparta dùng nô lệ (hầu hết là chiến tù, cư dân những vùng bị chinh phạt) làm lực lượng chính trong hoạt động sản xuất, còn công dân là người tham gia vào hoạt động chính trị và quân sự. Trẻ trai, từ năm lên bảy đã rời nhà để sống tập trung và sau đó là huấn luyện quân sự, đến năm ba mươi mới được xem là đủ để trở thành công dân bình đẳng và rời doanh trại. Tại thành bang, ruộng đất và nô lệ được cấp phát đồng đều, phụ nữ không có quyền công dân, quan hệ giới tính nhiều tự do... Plato (427?-347? TCN) đã lấy nhiều yếu tố của Sparta làm hình mẫu xây dựng "nhà nước lý tưởng" của ông trong *The Republic (Nền Cộng hòa)*.

⁵⁷ Palantus: một lãnh đạo của Sparta trong thế kỷ VIII TCN, là người sáng lập thành Tarentum.

⁵⁸ Justin: tức Marcus Junianus Justinus (hay Justinus Frontinus), sử gia La Mã vào thế kỷ III. Tác phẩm mà Locke đề cập là *Ex Trogi Pompei, historiis, libri xxiii*, in năm 1543.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

về *những chính quyền đã khởi đầu* dựa trên quyền gia trưởng, thì (dù điều tốt nhất của một lập luận là từ cái đã là đến cái cần đúng là, cũng không có một sức mạnh lớn) tôi nghĩ là không có nguy hiểm lớn nào cho một người chịu nhận chúng là nguyên nhân. Nhưng nếu có thể đưa lời khuyên trong trường hợp này, tôi nghĩ tốt hơn họ đừng tìm kiếm quá sâu vào *nguồn gốc của chính quyền*, như nó đã khởi đầu *trên thực tế*, vì e rằng họ sẽ phải nhận thấy, tại nền tảng của hầu hết các chính quyền, một điều gì đó rất ít hứa hẹn cho ý đồ mà họ thúc đẩy và cho một loại quyền lực mà họ đấu tranh vì nó.

§104. Nhưng để kết luận, lý lẽ về phía chúng ta là rõ ràng, rằng con người vốn mặc nhiên tự do và những dẫn chứng của lịch sử cho thấy rằng các *chính quyền* trên thế giới này đã được khởi sự trong hòa bình, và sự khởi đầu của nó là trên nền tảng này, được *dựng nên từ sự chấp thuận của nhân dân*. Có ít điểm để có thể nghi ngờ, rằng đâu là điều đúng đắn, hoặc đâu là quan niệm hay thực tế của loài người về việc xây dựng ở *buổi ban đầu để tạo nên chính quyền*.

§105. Tôi sẽ không phủ nhận, rằng nếu nhìn ngược về lịch sử, trong chừng mực mà nó hướng chúng ta về đến *cội nguồn của cộng đồng quốc gia*, thì nói chung chúng ta sẽ nhận thấy là nó đặt dưới chính quyền và sự điều hành của một người. Và tôi cũng thường hay tin rằng nơi nào mà một gia đình đủ số lượng để tự tồn tại và cùng nhau duy trì tổng

thế, không có sự pha trộn với những người bên ngoài như vẫn thường diễn ra, nơi nào có nhiều đất mà ít người, thì nơi đó chính quyền thường khởi sự từ người cha. [V]ì người cha, theo luật tự nhiên, có cùng loại quyền lực mà mọi người khác cũng có để trừng phạt, như ông nghĩ là thích hợp, trước bất kỳ xâm phạm nào đối với luật pháp, hầu có thể theo đó mà trừng phạt con cái vi phạm, ngay cả khi họ đã lớn và đã ra khỏi thời kỳ giám hộ; và họ chắc rằng sẽ phục tùng sự trừng phạt của ông, [R]ồi thì đến lượt họ cũng sẽ hoàn toàn liên kết với ông để chống lại những vi phạm khác, từ đó mà trao cho ông quyền lực để thực hiện bản án của ông nhằm chống lại bất kỳ sự vi phạm nào, và do đó, thực tế đã biến ông thành người định ra luật pháp và người cai quản tất cả những người khác, chung với gia đình ông. Ông là người thích hợp nhất để được uỷ thác, tình cảm gia trưởng bảo đảm cho sở hữu và quyền lợi của họ dưới sự trông nom của ông, và thói quen tuân lệnh ông trong thời thơ ấu của họ khiến dễ dàng có sự phục tùng đối với ông hơn là đối với bất kỳ ai khác. Vì thế, nếu mà họ phải có một người để cai trị mình, với tư cách một chính quyền, như là điều khó tránh khỏi giữa những con người đang cùng sống với nhau, thì ai là người có nhiều khả năng để trở thành người đó hơn là cha chung của họ, trừ khi sự cầu thả, tính hung ác, hay bất kỳ khiếm khuyết nào khác về tinh thần hoặc thể xác đã khiến ông không thích hợp cho điều đó? Nhưng khi, hoặc là người cha chết đi và để lại

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

người thừa kế của ông, do sự yếu kém về tuổi tác, thiếu vắng sự uyên thâm, can đảm, hay bất kỳ phẩm chất nào khác, nên ít thích hợp cho việc cai trị; hoặc là ở nơi nào mà một số gia đình gặp gỡ và đồng ý tiếp tục cùng sống với nhau, thì ở đó, không thể nghi ngờ, họ chỉ làm cái việc là sử dụng sự tự do mặc nhiên của họ để dựng lên một người mà họ đánh giá là có năng lực nhất và có nhiều khả năng nhất để đặt một sự cai trị tốt lên họ. Thích hợp để nói thêm ở đây, đó là ta thấy người dân *châu Mỹ* - vốn sống ngoài tầm với của thanh gươm xâm lược và sự thống trị trải rộng của hai đế chế lớn là *Peru* và *Mexico* - họ hưởng thụ sự tự do tự nhiên của riêng mình dù họ thường ưu ái người thừa kế của vị vua quá cố của họ, *cæteris paribus*⁵⁹, nhưng nếu nhận thấy ở người này bất kỳ sự yếu kém hay bất tài nào, họ sẽ bỏ qua anh ta và đưa một người quá quyết nhất và dũng cảm nhất lên làm người cai trị của họ.

§106. Vì thế, dù việc nhìn lại những ghi chép xưa có thể đem lại cho chúng ta giải thích nào đó về việc định hình cư dân trên thế giới và lịch sử các dân tộc, ta thường thấy là *chính quyền* nằm trong tay một người; nhưng như thế không làm mất đi hiệu lực đối với điều chúng ta khẳng định, tức sự *khởi đầu của xã hội chính trị* phụ thuộc vào sự chấp thuận của các cá nhân, để làm nên và liên

⁵⁹ *Cæteris paribus*: những thứ (người, việc) khác cũng như vậy.

kết trong một xã hội. [K]hi đã hợp nhất thành tổ chức từ đó, họ có thể dựng lên hình thức nào của chính quyền mà họ cho là thích hợp. Nhưng điều này đem lại cho người ta cơ hội để mắc sai lầm và nghĩ rằng theo lẽ đương nhiên, chính quyền là một chế độ quân chủ và thuộc về người cha. [C]ó lẽ không phải là không thích hợp khi xem xét ở đây, rằng tại sao nhân dân, vào lúc khởi đầu, nói chung đã sinh sống cùng với hình thức chính quyền này, là cái mà dù sự vượt trội nơi người cha có thể theo định chế ban đầu của cộng đồng quốc gia nào đó mà nổi lên, và vào lúc khởi đầu đã đặt quyền lực vào tay một người, thì rõ ràng là nguyên do khiến duy trì *hình thức chính quyền [mà quyền lực] trong tay một cá thể*, là đã không kính trọng hay tôn trọng đối với thẩm quyền gia trưởng, vì tất cả các nền tiểu quân chủ, cũng tức là hầu hết *các nền quân chủ*, gần như khởi nguồn của chúng thường là *bầu chọn*, ít ra là khi có dịp.

§107. Vậy thì trước tiên, lúc khởi sự mọi điều, sự cai quản của người cha vào thời thơ ấu của những người mà nhờ có ông họ sinh trưởng nên, đã làm họ quen với sự *cai trị của một người*, và dạy cho họ rằng ở nơi mà điều này được thực hiện bằng sự chăm lo và khéo léo, bằng tình cảm và yêu thương dành cho những con người sống trong đó, là đã đủ cho việc tạo nên và bảo toàn cho mọi người một niềm hạnh phúc chính trị mà họ tìm kiếm trong cuộc sống xã hội. Không gì phải ngạc nhiên, rằng họ sẽ sinh sống nơi đó và hòa hợp một cách tự

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

nhiên với hình thức chính quyền mà từ thời còn ẵm ngửa họ đã hoàn toàn quen thuộc, và cũng là chính thể mà bằng trải nghiệm họ đã tìm thấy cả sự thoải mái và an toàn. Với điều này, nếu chúng ta thêm vào, rằng *chế độ quân chủ* tồn tại một cách đơn giản và hoàn toàn hiển nhiên đối với tất cả những người vốn không có những trải nghiệm được truyền thụ dưới nhiều chính thể khác nhau, mà cũng không có tham vọng hay sự xác láo mà đế chế đã dạy, để cảnh giác về sự xâm phạm và lạm dụng của đặc quyền hành động hay những phiền phức của quyền lực chuyên chế, loại quyền lực mà chế độ quân chủ vẫn thường liên tục tuyên bố và tạo ra; thì không hề có gì lạ lùng ở điều là họ sẽ không tạo nhiều rắc rối cho bản thân khi nghĩ đến phương pháp để kiểm giữ bất kỳ sự thái quá nào của những người mà họ đã trao cho thẩm quyền đứng lên trên họ, và phương pháp để cân bằng quyền lực của nhà nước, bằng cách đặt những bộ phận khác nhau của nó vào những bàn tay khác nhau. Họ đã chưa cảm nhận sự áp bức của nền thống trị bạo ngược, chưa cảm nhận kiểu cách của thời đại, cũng chưa cảm nhận về tài sản hay lối sống của họ (vốn chỉ có thể chịu đựng không nhiều sự tham lam và tham vọng) như là những điều cho họ lý do để e sợ hay là chuẩn bị để chống lại quyền lực đó. [V]à do vậy, không ngạc nhiên khi tự họ đặt mình vào một *hệ thống chính quyền* như vậy, vì không chỉ là, như tôi đã nói, hoàn toàn hiển nhiên và đơn giản, mà còn là thích hợp nhất cho trạng thái và điều kiện hiện tại

của họ, vốn còn nhiều nhu cầu về phòng vệ chống lại sự xâm lược và gây hại của nước ngoài, hơn là của nhu cầu về tính đa lượng của luật pháp. Sự đồng đều của một lối sống nghèo nàn, đơn giản, việc giam hãm các mong ước trong những giới hạn chật hẹp của sở hữu nhỏ bé nơi mỗi con người đã tạo nên ít tranh chấp, và vì thế không cần phải có nhiều luật để giải quyết hay nhiều loại quan chức để giám sát tiến trình này, tức là không cần phải chú trọng vào việc thực thi công lý ở nơi mà chỉ có ít những xâm phạm và tội phạm. Rồi thì từ đây, những con người cùng muốn gia nhập vào xã hội, không thể có gì khác hơn ngoài việc được giả định là có sự quen biết và tình bạn nào đó với nhau, một sự tin tưởng lẫn nhau, họ không thể có gì khác ngoài những e sợ đối với những người khác hơn là giữa họ với nhau, và vì thế sự quan tâm và suy nghĩ của họ không thể khác với việc được cho là nhắm đến cách thức nhằm bảo vệ chính họ chống lại sức mạnh ngoại bang. Là điều tự nhiên khi họ tự đặt mình dưới một *hệ thống chính quyền* có thể phục vụ tốt nhất cho mục đích này, và chọn lấy người thông thái nhất và dũng cảm nhất để chỉ huy họ trong chiến tranh và lãnh đạo họ chống lại kẻ thù; và chủ yếu trong tình trạng này, đây là *người cai trị* của họ.

§108. Vì thế mà ta thấy rằng các vị *vua* của người *Indian* ở *châu Mỹ*, vốn còn là một hình mẫu ở *châu Á* và *châu Âu* vào những thời kỳ đầu tiên, khi mà cư dân còn rất ít trên một đất nước, khi sự thiếu thốn

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

con người và tiền bạc không đem lại cho người ta sự cảm dỗ để bành trướng đất đai chiếm hữu của họ hay tranh giành để mở rộng hơn một phần đất, so với *các tướng lĩnh quân đội của họ*. [V]à dù các tướng lĩnh ra lệnh tuyệt đối trong chiến tranh, nhưng ở nhà và trong thời bình họ thực hiện rất ít quyền thống trị và cũng chỉ có một quyền tối cao rất vừa phải, những quyết nghị về chiến tranh và hoà bình thường được đưa ra hoặc từ nhân dân hoặc từ một hội đồng. Nhưng cho dù ở chính cuộc chiến tranh mà không phải là từ những người cai quản vốn không chiếm số đông đó, quyền chỉ huy vẫn được chuyển giao một cách đương nhiên vào *thẩm quyền duy nhất của nhà vua*.

§ 109. Và như thế, ở ngay Israel, công việc chính của các phán quan và các vị vua đầu tiên dường như là làm người chỉ huy trong chiến tranh và là người lãnh đạo quân đội, điều mà (bên cạnh cái được biểu thị bởi *quyền bước vào và bước ra trước khi người dân bước theo*, khi hành quân ra chiến trận và trở lại quê nhà với vị trí là người đầu lĩnh lực lượng của họ) xem ra là rõ ràng trong câu chuyện về *Jephthah*. Người Ammon⁶⁰ tiến hành chiến tranh chống Israel, những người thuộc gia tộc *Gilead*⁶¹ được phái đến gặp *Jephthah* trong sợ hãi đối với

⁶⁰ Ammon: cư dân sống ở bờ đông sông Jordan, có nguồn gốc từ gia tộc của Lot.

⁶¹ Gilead: tên cha của *Jephthah* (xem chú thích tại §21).

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

người con hoang của gia đình mà họ đã từ bỏ, và thỏa thuận rằng nếu ông trợ giúp chống lại người *Ammon*, họ sẽ đưa ông lên làm người cai trị của họ, là điều họ đã giữ lời. *Và nhân dân đã đưa ông lên làm người đầu lĩnh và chỉ huy của họ* (Judg. xi. 11), nhiệm vụ giống như người phân xử. *Và ông đã phán xét Israel* (Judg. xii. 7) - tức ông đã là người tổng chỉ huy của họ - *trong sáu năm*. Vì thế khi *Jotham* quở trách người dân *Shechem* về nghĩa vụ của họ đối với *Gideon*⁶² - người đã là phán quan và nhà cai trị của họ - ông nói rằng: *Người đã chiến đấu vì các ngươi, đã quá liều mạng và đã cứu các ngươi khỏi tay người Midian*⁶³ (Judg. ix. 17). Không có gì được đề cập về ông ngoài việc ông là một vị tướng, và thật sự đó là tất cả những gì

⁶² *Gideon* là phán quan thứ năm tại Israel, *Abimelech* là một trong bảy mươi người con của ông (với một tỷ thiếp), lên kế vị sau khi ông mất. Khi đó, *Jotham*, con út của *Gideon*, tại núi *Gerizim* đã đưa ra lời tiên đoán, cảnh báo cư dân *Shechem* (thủ đô đầu tiên của Vương quốc Israel, ở phía bắc so với Jerusalem) về nền bạo quyền sắp tới của *Abimelech*. *Jotham* bị *Abimelech* ra lệnh bắt giết nhưng trốn thoát được, chạy lánh nạn về *Beer*. Ba năm sau, khi *Shechem* có một cuộc nổi loạn, *Abimelech* đã cho tiêu hủy hoàn toàn thành phố và đốt đền *Baal-berith*, là nơi người dân chạy vào lánh nạn. Khai quật khảo cổ cho thấy vụ tiêu hủy này xảy ra vào năm 1100 TCN.

⁶³ *Midian*: con của *Abraham* (với một tỷ thiếp). Hậu duệ của *Midian* định cư tại vùng bờ đông sông *Jordan* và phía đông *Biển Chết*. Trong thời đại của các phán quan, người *Midian*, dưới sự lãnh đạo của *Oreb* và *Zeeb* đã tấn công vào lãnh thổ Israel, cho đến khi bị *Gideon* đánh bại.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRI

được tìm thấy về lịch sử của ông hay về bất kỳ phán quan nào khác còn lại. Còn *Abimelech* đặc biệt được gọi là *vua* dù hầu như ông chỉ là vị *tướng* của họ.

[V]à rồi, khi chán ngán trước sự điều hành yếu kém của các con của *Samuel*⁶⁴, con cái của người *Israel* mong ước có một vị vua giống như mọi dân tộc khác, để phân xử cho họ, để bước đi trước họ, và để chiến đấu trong những trận chiến của họ (i Sam. viii. 20)⁶⁵. Thượng đế ban cho mong ước của họ, phán bảo với *Samuel*: *Ta sẽ phái cho con một người, và con sẽ tấn phong cho người này trở thành chỉ huy của dân Israel, để người này có thể cứu giúp con dân của ta thoát khỏi tay người Philistine*⁶⁶ (ch. ix. 16). Như thế công việc duy nhất của một vị vua là dẫn dắt quân đội và chiến đấu cùng họ, do vậy *Samuel*, khi phong

⁶⁴ *Samuel*: phán quan cuối cùng và là một trong số các nhà tiên tri đầu tiên đưa ra tiên đoán khi đang ở trong “Đất Israel” (khái niệm chỉ miền “Đất hứa” mà Thượng đế đã hứa là vĩnh viễn dành cho con cháu của các tổ phụ Abraham, Isaac và Jacob). *Samuel* là người đã ban dầu thánh phong vương cho hai vị vua Israel đầu tiên là Saul và David.

⁶⁵ Quyển *Samuel I*, Cựu ước. Những trích dẫn tiếp theo sau về sự kiện này cũng từ *Samuel I*.

⁶⁶ *Philistine*: cư dân bờ biển phía nam Canaan trong thời gian có sự nhập cư của người Do Thái. (Vùng cư trú này gọi là *Philistia*, theo bản đồ hiện nay là vùng ven biển, phía đông và “đối diện” với vùng đất trải dài từ bắc Jerusalem, qua Hebron, xuống phía nam Beersheba.)

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

vương, đổ lọ dầu thánh lên Saul⁶⁷ và tuyên rằng: *Chúa trời đã phong cho người này làm chỉ huy đội với những gì hấn thừa hưởng* (ch. x. 1). Và vì thế sau khi Saul trở thành vị vua được chọn và được chào đón một cách long trọng từ các bộ tộc tại *Mispah*, những người miễn cưỡng xem ông là vua của họ đã không có sự phản đối nào ngoài điều này: *Người này sẽ cứu giúp chúng ta bằng cách nào?* (ch. x. 27), giống như là họ nói: người này không thích hợp để làm vua của chúng ta, không có đủ tài nghệ và tài chỉ đạo chiến tranh để có thể bảo vệ chúng ta. Và khi Thượng đế quyết định chuyển chính quyền về cho *David*, thì có những lời này: *Nhưng bây giờ thì vương quốc của người sẽ không còn: Chúa trời đã tìm kiếm cho ngài một con người theo chính con tim của ngài, và Chúa trời đã ban lệnh cho hấn làm chỉ huy đội với con dân của ngài* (ch. xiii. 14). Cứ như là toàn bộ thẩm quyền vua chúa không là gì khác ngoài làm vị tướng cho họ, và vì thế những bộ tộc nào đã bám vào dòng họ *Saul* và chống lại vương quyền của *David*, khi đến *Hebron* với những điều kiện buộc họ phục tùng, họ nói với ông - cùng với những lời lẽ khác, rằng họ đã phải phục tùng ông như một vị vua, rằng ông thực tế đã là vua của họ trong thời của *Saul*, vì thế họ nay không có lý lẽ gì ngoài việc chấp nhận ông như là vua của họ. Họ nói: *Cũng trong quá*

⁶⁷ Saul: quốc vương đầu tiên của Vương quốc Israel. Trong Cựu ước, cùng tại Quyền *Samuel*, có đến ba lý giải khác nhau về việc Saul trở thành vua.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

khứ, khi Saul là vua của chúng tôi, ngài đã ở bên ngoài và được mang vào Israel, và Chúa trời đã nói với ngài, “ngươi phải nuôi nấng con dân Israel của ta, và ngươi sẽ là người chỉ huy của Israel”.

§110. Vì thế, có thể là một gia tộc dân dân tăng trưởng thêm trong cộng đồng quốc gia và thẩm quyền của người cha tiếp tục đặt lên người con đã lớn, đến lượt những người đang lớn lên dưới thẩm quyền này cũng ngầm phục tùng nó. [S]ự thanh thản và đều như nhau trong phục tùng không làm mất lòng ai, mọi người đều mặc nhiên thừa nhận, đến khi thời gian dường như chứng thực cho nó và cố định quyền kế vị bằng sự quy định bắt buộc. [H]oặc có thể là một số gia tộc hay con cháu của một số gia tộc mà sự ngẫu nhiên, quan hệ láng giềng hay công việc đã mang họ lại với nhau, hợp nhất thành xã hội, có nhu cầu về một vị tướng có khả năng điều hành để bảo vệ họ chống lại kẻ thù trong chiến tranh. [V]à sự tin tưởng tuyệt vời được trao vào nhau giữa những con người vô hại và thật thà của thời đại nghèo nàn nhưng đức hạnh đó (như có ở hầu hết những con người đã khởi đầu các chính quyền từng tồn tại trên thế giới này), nói chung đã khiến những người khởi sự đầu tiên của các cộng đồng quốc gia đặt quyền cai trị vào tay một người, mà không có bất kỳ giới hạn hay kiểm chế rõ rệt nào ngoài điều tự nhiên của sự việc và mục đích của chính quyền đòi hỏi. [T]rong số những người đầu tiên đã đặt quyền cai trị vào tay một con người duy nhất, chắc rằng không ai được

giao phó gì ngoài việc nhắm đến lợi ích và sự an toàn công cộng; đối với những mục đích này, vào thuở ban đầu của cộng đồng quốc gia, người ta đã có được và thường xuyên sử dụng. [V]à nếu họ không thực hiện những mục đích như vậy, các xã hội non trẻ đã không thể tồn tại. Không có sự chăm sóc nhân hậu của những người cha và sự thận trọng của ngọn roi công [quyền], mọi chính quyền sẽ chìm đắm trong sự yếu kém và hom hem của thời trúng nước, cả quân vương và nhân dân sẽ sớm cùng nhau đi đến chỗ diệt vong.

§111. *Thời đại hoàng kim*⁶⁸ mang nhiều đức hạnh (có trước tham vọng hão huyền và *amor sceleratus habendi*⁶⁹ - những ham hố xấu xa đã làm suy đồi tâm hồn con người, đưa đến sai lầm trong suy nghĩ về một quyền lực và danh vọng chân chính), và vì thế mà có nhiều nhà cai trị tốt cũng như ít thần dân xấu. [V]à rồi, phía bên này, *không có sự nô dài thêm đặc quyền hành động* để mà đàn áp nhân dân, và do vậy, phía bên kia, *cũng không có tranh cãi về đặc ân* để mà giảm bớt hay kiểm chế quyền lực của các

⁶⁸ Thời đại hoàng kim: khái niệm xuất phát từ thần thoại Hy Lạp và thi ca La Mã, trở thành một thuật từ mang tính văn hóa ở phương Tây và Trung Đông, cũng như văn hóa Thiên chúa giáo. Theo nghĩa chung nhất, nó chỉ thời điểm khởi đầu của nhân loại, khi mà con người ở vào trạng thái lý tưởng, thuần khiết (về đức hạnh, tình dục...) và bất tử.

⁶⁹ Nghĩa được nói đến ngay sau đó, tương tự như: ái mộ những điều xấu xa, tội lỗi.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

quan cai trị^{6*}; và do đó, không có sự tranh chấp giữa các nhà cai trị với nhân dân về người giữ địa vị cai trị hay về nền cai trị. Nhưng dù vậy, khi tham vọng và sự xa hoa xuất hiện trong những thời đại sau đó - với việc cố giữ lấy và gia tăng quyền lực mà không có sự thực hiện những công việc mà vì đó quyền lực đã được trao ra, đồng thời được trợ giúp bằng sự xu nịnh, đã dạy cho các quân vương có sự phân biệt và tách rời quyền lợi khỏi nhân dân của mình - là lúc người ta nhận thấy nhất thiết phải xem xét cẩn thận hơn về *nguồn gốc* và các quyền của *chính quyền*, nhất thiết phải tìm ra những cách thức để *kiềm chế những thái quá* và *ngăn ngừa việc lạm dụng quyền lực*, khi mà quyền lực vốn được họ giao phó vào tay của người khác chỉ để có được

^{6*} *Ban đầu, khi một nhóm cai trị nào đó được chuẩn thuận, nó có thể không là gì, rồi được nó nghĩ xa hơn cho một lẽ lỗi cai quản, nhưng tất cả những gì được dùng để cai trị là đều dành cho sự thông thái và chủ ý hành động của họ; đến khi, bằng sự trải nghiệm, họ nhận thấy rằng điều này đôi với mọi thành phần đều rất phiền phức, vì thế với cái điều mà họ đã nghĩ ra như một phương cách [cai quản xã hội], nó chỉ thật sự làm tăng sự nhức nhối cần phải chữa trị. Họ thấy rằng việc sống bằng [sự quyết định tồi] ý chí của một người đã trở thành nguyên nhân cho cảnh cùng cực của mọi người. Điều này thúc ép họ hình thành luật pháp, là cái mà ở mọi mặt ai ai cũng đều có thể thấy trước bốn phận và biết được những hình phạt của việc vi phạm chúng. (Hooker's Eccl. P. lib. i. sect. 10)*

(Đoạn trích này giống đoạn trích tại chú thích ở §94, ngoài từ "chuẩn thuận" dùng ở đây dùng thay cho "cử ra" ở đó; LTH)

điều tốt lành cho chính họ nhưng nay lại nhận ra rằng nó đã được dùng để gây phương hại cho họ.

§112. Vì thế, khi mà người dân, vốn mặc nhiên là tự do, bằng sự chấp thuận của chính họ, hoặc là để phục tùng chính quyền của người cha của họ, hoặc là cùng nhau hợp nhất - không có những gia đình khác - để làm nên một chính quyền, thì ta có thể thấy một khả năng rất cao đối với việc nói chung cần đặt *quyền cai trị vào tay một người* và chọn lựa sống dưới sự điều hành của một cá thể duy nhất, mà không có ngay cả những điều kiện rõ ràng để giới hạn hay điều tiết quyền lực của ông ta, điều mà họ cho là đã đủ an toàn nơi tính lương thiện và sự khôn ngoan của ông; dù họ không bao giờ mơ về một nền quân chủ là cái *jure Divino*⁷⁰ mà chúng ta không bao giờ nghe đến từ loài người, cho đến khi thần thánh tiết lộ với chúng ta về thời đại cuối cùng này; mà họ cũng không từng cho phép quyền lực gia trưởng cái quyền trở thành quyền thống trị, tức là thành cái làm nên tảng của mọi chính quyền. Và như thế, có thể đã quá đủ để cho thấy rằng khi có sự soi rọi nào đó từ lịch sử, chúng ta có thể kết luận rằng mọi sự hình thành một cách hòa bình của *chính quyền* đều được đặt trong sự chấp thuận của nhân dân. Tôi nói một cách hòa bình là vì sẽ có dịp để

⁷⁰ *Jure divino*: thánh quyền của vua chúa, là học thuyết mà Filmer xây dựng và bị Locke phê phán tại *Khảo luận thứ nhất*. (Không đặt vào bối cảnh này, *Jure divino* còn có nghĩa là luật thánh.).

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

tôi nói ở chỗ khác, về sự chinh phạt mà đôi khi được cho là cách thức để khởi sinh chính quyền.

Còn phản đối thứ hai mà tôi nhận thấy là đã thôi thúc việc chống lại sự hình thành của các thể chế theo cách thức tôi đề cập, là đây:

§113. Mọi người đều sinh ra dưới một chính quyền, không chính quyền này thì chính quyền khác, nên không thể có bất kỳ ai trong số họ từng tự do và tự tiện hợp nhất lại với nhau để khởi sinh một chính quyền mới, hoặc từng tự do để dựng lên một chính quyền hợp pháp.

Nếu lập luận này là đúng, tôi xin hỏi, bằng cách nào mà có quá nhiều chính quyền quân chủ hợp pháp hình thành trên thế giới này? Vì nếu có bất kỳ ai, theo giả thiết này, có thể chỉ cho tôi một ai đó, vào một thời đại nào đó trên thế giới này, đã tự do để khởi đầu một chính quyền quân chủ hợp pháp, thì tôi sẽ phải chỉ cho anh ta thấy mười *con người tự do* khác cùng lúc đó cũng tự do hợp nhất lại và khởi đầu một chính quyền mới dưới hình thức vương quyền hay bất kỳ hình thức nào khác. Nó chứng minh rằng nếu bất kỳ ai *sinh ra dưới quyền thống trị* của người khác, thì cũng có thể có chừng ấy tự do như người thống trị để có quyền ra lệnh cho những người không phải mình, trong một đế chế mới và riêng biệt so với đế chế kia, mỗi người sinh ra dưới sự thống trị của người khác cũng đều có thể tự do như thế, cũng đều có thể trở thành nhà cai trị hay thần dân của một chính quyền tách biệt. Và vì thế, theo nguyên tắc của những người phản đối này thì

hoặc là tất cả mọi người *sinh ra* là *tự do*, hoặc nếu không thì trên thế giới này chỉ có một quân vương hợp pháp, một chính quyền hợp pháp. Và rồi họ chẳng có gì để làm ngoài việc cho chúng ta thấy điều đó là thế, mà, khi được thực hiện, tôi không nghi ngờ gì ngoài việc cả loài người sẽ dễ dàng đồng ý để tuân phục ông ta.

§114. Dù đó là câu trả lời đầy đủ cho phản đối của họ, để cho thấy rằng nó đưa họ vào cùng những khó khăn gây ra cho những người mà họ dùng nó để chống lại, nhưng tôi sẽ cố gắng khám phá thêm một ít về dự yếu kém của lập luận này.

Mọi người, họ nói, đều sinh ra dưới một chính quyền, và vì thế họ không thể tùy tiện mà khởi sinh một chính quyền mới. Mỗi người sinh ra đã là một thân dân của người cha hay của quân vương của anh ta, và vì thế mà sống trong sự ràng buộc vĩnh viễn của sự khuất phục và trung thành. Rõ ràng là loài người đã không bao giờ thừa nhận mà cũng không xem là có bất kỳ sự phục tùng đương nhiên nào như thế - lúc họ được sinh ra - vào người này hay người khác, để khiến họ bị trói buộc - mà không có sự chấp thuận của chính họ - vào một sự phục tùng đối với những người này và những người thừa kế sau đó.

§115. Không có những hình mẫu nào thật sự thường xuyên hiện diện trong lịch sử - cả ở phạm vi thần thánh lẫn đời sống trần tục - so với những hình mẫu mà con người tự rút ra, cùng với sự tuân phục của họ đối với quyền tài phán mà khi

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

sinh ra họ đã phải đặt dưới nó, hoặc tuân phục đối với gia đình hay cộng đồng mà họ đã được sinh thành và nuôi nấng. [C]òn ở các nơi khác thì có việc *dựng lên chính quyền mới*, và từ đây đã xuất phát những cộng đồng quốc gia nhỏ vào lúc khởi đầu của các thời đại, và cũng là những nơi luôn được nhân rộng ra miễn là có chỗ cho điều đó; cho đến khi những người mạnh hơn hoặc may mắn hơn nuốt lấy những người yếu kém hơn, và các cộng đồng lớn một lần nữa lại vỡ thành từng mảnh, tan rã thành những lãnh địa nhỏ. Tất cả những điều này mang nhiều chứng cứ chống lại quyền tối cao gia trưởng, và chứng minh rõ ràng rằng không phải có một quyền đương nhiên của người cha để truyền lại cho những người thừa kế của ông, là điều đã làm nên chính quyền vào lúc ban đầu, vì sẽ là bất khả khi mà trên mảnh đất đó lại có quá nhiều vương quốc nhỏ. [T]ất cả sẽ phải không là gì ngoài một nền quân chủ hoàn cầu nếu người ta không *tùy nghi để tách rời* mình khỏi gia đình và chính quyền của họ - điều đã được sắp xếp ngay trong nó - để bước đi và tạo nên những cộng đồng quốc gia tách biệt cùng những chính quyền khác, theo như họ nghĩ là thích hợp.

§116. Đó là thực tế của thế giới này, từ buổi ban đầu khởi phát của nó cho đến nay; và ngày nay nó cũng không hề cản trở đối với tự do của loài người, khi họ *sinh ra dưới những chính thể cổ đại và có sự chế định*, là cái thiết chế luật pháp và định nên hình

thức của chính quyền; so với sự cản trở khi họ được sinh ra trong rừng, giữa những cư dân không bị kiểm chế gì, một tính chất mà nay đã mất đi ở họ. Những người phản đối này sẽ thuyết phục chúng ta, rằng *với việc sinh ra dưới một chính quyền, chúng ta vốn dĩ là khuất phục đối với nó*, và không có bất kỳ địa vị hay đòi hỏi gì thêm nữa về tự do của trạng thái tự nhiên, không có bất kỳ nguyên do nào khác (ngoại trừ nguyên do về quyền lực gia trưởng, là điều mà chúng ta đã có câu trả lời) tạo ra cho nó ngoài điều chỉ vì cha ông hay tổ tiên của chúng ta đã mất đi quyền tự do mặc nhiên có của họ, và vì thế tự ràng buộc mình và con cháu vào sự khuất phục vĩnh viễn đối với chính quyền mà bản thân họ đã phục tùng. Sự thật là bất kỳ cam kết hay hứa hẹn nào mà một người đã tự hứa, người đó phải có nghĩa vụ thực hiện nó, nhưng *không thể bằng giao ước* nào đó mà đem ra ràng buộc đối với *con cái* hay cháu chắt *của ông ta*. Vì con của người này, khi đã trưởng thành, cũng hoàn toàn tự do như cha, bất kỳ hành động nào của người cha cũng không thể lấy đi quyền tự do của người con nhiều hơn là có thể làm như vậy đối với bất kỳ ai khác. Ông thật sự có thể thêm những điều kiện như thế vào đất đai mà ông đã hưởng với tư cách thần dân của cộng đồng quốc gia, là điều có thể buộc con mình cũng thuộc về cộng đồng đó nếu anh ta sẽ thụ hưởng những tài sản của cha; vì số điền sản này là sở hữu của cha anh, nên ông ta có thể quyết định hay sắp xếp nó theo ý muốn của ông.

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

§117. Và điều này nói chung đã tạo cơ hội cho sự sai lầm trong vấn đề được nói đến. [D]o cộng đồng quốc gia không cho phép bất kỳ phân nào trong lãnh thổ của họ bị chia cắt, mà cũng không ai bên ngoài cộng đồng được thụ hưởng, nên người con không thể thụ hưởng một cách bình thường những tài sản của cha mình nếu không đặt dưới cùng những điều kiện mà cha của anh đã hưởng được, bằng việc trở thành một thành viên của xã hội, nhờ đó anh nhanh chóng tự đặt mình dưới chính quyền mà anh thấy đã thiết lập ở đó, như bất kỳ thần dân nào khác của cộng đồng này. Và vì thế, *sự chấp thuận của những người tự do, sinh ra dưới một chính quyền*, vốn chỉ làm cho họ trở thành thành viên của nó, là điều được thực hiện tách rời nhau khi đến lượt của họ, lúc mỗi người đến tuổi trưởng thành, mà không phải là theo cùng một khối đồng với nhau. [N]gười dân không lưu ý về sự chấp thuận này và nghĩ rằng nó không được thực hiện gì cả hay là không nhất thiết có, và kết luận rằng họ là những thần dân chịu sự khuất phục một cách đương nhiên, cũng như họ đương nhiên là những con người vậy.

§118. Nhưng, rõ ràng là bản thân *chính quyền* lại hiểu vấn đề theo cách khác; nó *khẳng định không có quyền lực nào bên trên người con vì điều đó nó đã đặt trên người cha*, mà cũng không xem những người con như là thần dân của nó, bởi cha của họ đã là thế. Nếu một thần dân của nước Anh có một người

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

con do một phụ nữ Anh sống ở Pháp sinh ra, vậy người con là thân dân của ai? Không phải là của quốc vương nước Anh, vì người con này đã rời bỏ việc nhận được những ân huệ từ đó; mà cũng không phải là của quốc vương nước Pháp, vì cha anh ta có quyền tự do để sau đó đem anh ta ra khỏi đất nước này và nuôi nấng theo ý muốn của mình. Và ai từng có lúc bị phán xử là kẻ phản bội hoặc kẻ đào tẩu nếu anh ta rời khỏi đất nước, hay tệ hơn là chống lại đất nước đó, chỉ vì được sinh ra từ người cha vốn là ngoại tộc so với nơi đây? Vậy thì rõ ràng là, bằng thực tế của chính chính quyền cũng như từ luật của lẽ phải, một đứa trẻ được sinh ra không là thân dân của một đất nước hay chính quyền nào cả. Nó chỉ được đặt dưới sự dạy dỗ và thẩm quyền của người cha của nó, cho đến khi đến tuổi khôn lớn và trở thành một người tự do, tùy nghi mà tự đặt mình dưới loại chính quyền nào, tùy nghi mà tự hợp nhất mình vào một cơ thể chính trị nào. Nếu con của một người Anh sinh ra ở Pháp - ở vào tình trạng tự do như thế - có thể làm như vậy, thì hiển nhiên là không có một trói buộc nào vào anh ta từ việc người cha là một thân dân của vương quốc này, mà anh ta cũng không bị ràng buộc bởi bất kỳ giao ước nào từ tổ tiên của anh. Vậy thì tại sao con trai của anh ta lại không có cùng một quyền tự do như thế, với cùng lý lẽ, dù nó có được sinh ra ở bất kỳ nơi nào khác? Vì quyền lực mà một người cha đương nhiên có đối với con cái của mình là cùng

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

một loại ở bất cứ nơi đâu con cái được sinh ra, và những trói buộc của nghĩa vụ tự nhiên không bị ràng buộc bởi những giới hạn do con người đặt ra, từ phía các vương quốc và các cộng đồng quốc gia.

§119. *Mỗi con người, như đã được chỉ ra, vốn dĩ là tự do, và không có gì có thể đặt anh ta vào sự phục tùng đối với bất kỳ thứ quyền lực nào, ngoài duy nhất từ sự chấp thuận của chính anh. [C]ần xem xét đầu là điều được hiểu như một tuyên bố đầy đủ về sự chấp thuận của một người, khiến anh ta phục tùng luật pháp của một chính quyền. Có sự khác biệt chung giữa một sự chấp thuận được diễn đạt với một sự chấp thuận ngầm ẩn - cái liên quan đến trường hợp của chúng ta lúc này. Nhưng không ai nghi ngờ gì sự chấp thuận được diễn đạt của một người khi gia nhập vào xã hội, khiến anh ta trở thành một thành viên đầy đủ của xã hội đó, một thân dân của chính quyền đó. Khó khăn ở đây là điều gì cần được xem như một sự chấp thuận ngầm ẩn, và nó ràng buộc đến đâu, tức đến mức độ nào thì một người sẽ được xem là đã chấp thuận và từ đó mà phục tùng đối với cái chính quyền mà anh ta đã không hề có một diễn đạt nào cả về nó. Với điều này tôi xin nói rằng mỗi người, vốn có một tài sản nào đó hay hưởng được một phần từ lãnh thổ của một chính quyền, thì theo đó đã trao ra sự chấp thuận ngầm ẩn của mình và buộc phải tuân thủ luật pháp của chính quyền khi thụ hưởng như thế, ở mức độ giống như bất kỳ ai khác sống dưới chính*

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ

quyền đó, dù tài sản này là đất đai của anh ta và những người thừa kế mãi mãi hay chỉ tạm thời trong một tuần, hoặc dù nó chỉ là một chuyến đi thoải mái trên đường cái quan; và, trên thực tế, nó với tới tận chính sự tồn tại của bất kỳ ai trong phạm vi lãnh thổ của chính quyền đó.

§120. Để hiểu điều này rõ hơn, cần xem xét rằng mỗi người, vào lúc ban đầu khi kết hợp bản thân mình vào với cộng đồng quốc gia, bằng sự tự hợp nhất này, cũng đã sáp nhập vào cộng đồng và phục tùng nó trong vấn đề về những tài sản mà anh ta có hay sẽ có, vốn không phải đã thuộc về bất kỳ chính quyền khác nào. Sẽ là một mâu thuẫn trực tiếp giữa việc ai đó gia nhập vào xã hội cùng với người khác, vì sự an ninh và việc điều tiết sở hữu, với việc giả định là đất đai của anh ta, vốn là sở hữu được điều tiết bằng luật pháp của xã hội, cần loại trừ ra khỏi quyền tài phán của chính quyền đó, trong khi mà chính anh ta, người chủ sở hữu của khu đất, là một phần dân phục tùng nó. Bởi thế, cùng một hành động mà một người, vốn tự do trước đó, hợp nhất cá nhân mình vào một cộng đồng, và cũng cùng một hành động anh ta hợp nhất tài sản của mình, vốn cũng tự do trước đó, vào cộng đồng; và cả hai đối tượng này, cá nhân và tài sản, trở nên phục tùng đối với chính quyền và quyền thống trị của cộng đồng quốc gia, chùng nào mà nó còn tồn tại. Vì thế mà từ đây, *bất cứ ai, bằng việc thừa kế, mua, được cho phép, hay bằng những cách khác, thu*

VỀ SỰ KHÔI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRI

hưởng bất kỳ phần đất nào được sáp nhập vào và đặt dưới chính quyền của cộng đồng quốc gia đó, phải tiếp nhận nó với điều kiện là nó được đặt dưới - tức việc phục tùng - chính quyền của cộng đồng quốc gia, dưới quyền tài phán của nó, ở mức độ như bất kỳ thân dân nào của nó.

§121. Nhưng vì chính quyền có quyền tài phán trực tiếp chỉ trên đất đai, và chạm đến người chủ (trước khi anh ta thật sự kết nạp bản thân mình vào xã hội) chỉ khi anh ta cư ngụ trên đó và thụ hưởng nó, nên *nghĩa vụ* mà bất cứ ai, do sự thụ hưởng như vậy, đặt dưới sự *phục tùng* đối với chính quyền, sẽ bắt đầu và kết thúc cùng với sự thụ hưởng này, để khi người chủ - vốn không trao gì cho chính quyền ngoài một sự *chấp thuận ngầm ẩn* - sẽ, bằng việc tặng, bán, hay bằng cách khác mà tách khỏi phần tài sản được nói đến, anh ta cứ tùy nghi mà đến và tự kết nạp bản thân mình vào bất kỳ cộng đồng quốc gia nào, hoặc đồng ý với người khác trong việc khởi sự một cộng đồng quốc gia mới, *in vacuis locis*⁷¹, ở bất cứ nơi đâu của thế giới mà họ nhận thấy là không có người choán chỗ và vô chủ. Nhưng ngược lại, một khi anh ta, bằng sự đồng ý trên thực tế và bất kỳ tuyên bố *được diễn đạt* nào đó, đã trao sự *chấp thuận* của mình đến một cộng đồng quốc gia, thì vĩnh viễn và hoàn toàn nhất thiết phải - mà cũng không thể thay đổi được - là một thân dân phục tùng nó, và không bao giờ còn có thể lại ở

⁷¹ *In vacuis locis*: ở chỗ trống.

vào sự tự do của trạng thái tự nhiên, trừ khi với một tai họa nào đó, cái chính quyền đặt trên anh ta đi đến chỗ tan rã hoặc bằng một hành động mang tính chất công nào đó khiến cắt lia anh ta khỏi vai trò thành viên của nó.

§122. Nhưng việc phục tùng luật pháp của một đất nước, sống bình yên và thụ hưởng những ân huệ cùng sự bảo hộ của nó *không khiến cho một người trở thành thành viên của xã hội đó*; đây chỉ là sự bảo hộ địa phương, sự kính trọng cần có và xuất phát từ những người không sống trong trạng thái chiến tranh, ở những lãnh thổ thuộc chính quyền nào đó, đến tất cả những vùng mà sức mạnh luật pháp của nó vươn tới. Nhưng điều này không tạo nhiều điều kiện hơn để *một người trở thành thành viên của xã hội đó*, một thân dân vĩnh viễn của cộng đồng quốc gia đó, so với việc nó sẽ làm cho một người trở nên phụ thuộc vào người khác, mà trong gia tộc của người này, anh ta nhận thấy thuận tiện để lưu lại trong một thời gian, dù khi tiếp tục tồn tại trong đó, anh ta buộc phải tuân theo luật pháp và phục tùng chính quyền ở đây. Và vì thế chúng ta thấy là những *người ngoại quốc*, với việc tất cả đều sống dưới một chính quyền khác và hưởng những ân huệ cùng với sự bảo hộ của nó, dù họ bị ràng buộc, ngay cả bằng lương tâm, phải phục tùng sự cai quản của nó, nhiều như bất kỳ cư dân nào, nhưng không vì thế mà đi đến chỗ trở thành *thân dân hay thành viên của cộng đồng quốc gia đó*. Không có gì có thể khiến bất kỳ ai phải trở nên như thế

VỀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

ngoài việc gia nhập thật sự của anh ta vào đó, bằng một cam kết xác thực cùng với một lời hứa và giao ước được diễn đạt. Đây là điều mà tôi cho là liên quan đến sự khởi đầu của xã hội chính trị, và *sự chấp thuận đó làm cho một người trở thành thành viên của một cộng đồng quốc gia.*